



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **LuidmilaKot**
(Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH** t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **ĐẦU XUÂN NGÔI TINH SỐ ĐỜI** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **SINH DIỆT VÔ HÌNH, BƯỚC VỀ NHÀ...** (thơ Kha Nguyệt), trang 12
- ♦ **NHÁT ĐẾ** (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 13
- ♦ **RỘNG LƯỢNG** (thơ Thích Viên Thành), trang 15
- ♦ **KHÔNG THỂ ĐƯỢC** (Quảng Tánh), tr. 16
- ♦ **CÔNG HẠNH CỦA MỘT BẠC CAO TĂNG** (Tuệ Sỹ), trang 17
- ♦ **IN KINH, TỤNG KINH** (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 19
- ♦ **GIẢI THOÁT NĂM GIỮA HAI TỰ TƯỜNG** (Nguyễn Thế Đăng), trang 20
- ♦ **VỀ NÈO PHẬT, XUÂN VỀ TRÊN XỨ LẠ** (thơ Huỳnh Sơn), trang 22
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 1 - VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** (Thích Nữ Nguyên Thiện), tr. 23
- ♦ **TRỞ VỀ VỚI TÂM** (Ngọc Bảo), trang 24
- ♦ **THƯ CẢM TẠ TANG LỄ NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỄN** (TN Nhật Nhan, TN Như Tín), trang 26
- ♦ **C.A.F. RHYS DAVIDS** (HT. Thích Trí Chơn), trang 28
- ♦ **GỌI EM** (thơ Mặc Phương Tử), trang 30
- ♦ **NĂM UẨN - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 31
- ♦ **LỄ KÍNH - Câu chuyện dưới cờ** (Thị Ngô Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **LÝ LUẬN HỒI - Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 33
- ♦ **TÍNH TỌA, TÂM NGUYÊN...** (thơ Chúc Hiền), trang 34
- ♦ **SINH HOẠT CỦA TĂNG ĐỒ VÀ CƯ SĨ**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **CỘI NGUỒN XUÂN, ÁO LỤA XÈNH XÀNG** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 39
- ♦ **PHẬT TỬ VIỆT NAM ĐẦU TIÊN** (Nguyên Giác dịch), trang 40
- ♦ **SÂU RIÊNG GIỌT NẶNG, NỖI BUỒN NHẢY MÙA...** (thơ Phù Du), trang 42
- ♦ **PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ NHÂN QUYỀN** (Nguyễn Hiệp dịch), trang 47
- ♦ **TỪ ĐÀU ĐẾN, BÓNG THỜI GIAN...** (thơ Hoa Cát Phan Văn), trang 50
- ♦ **NGƯỜI GIAO HÀNG CÂN MẪN** (Huệ Trân), trang 51
- ♦ **GỬI, SAU TRẬN LŨ QUÊ NHÀ** (Tuệ Như), trang 52
- ♦ **VỀ VÙNG NẮNG ẤM** (Nguyễn Văn Sâm), trang 53
- ♦ **NGHỀNH NGÃNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: BÁNH ÍT TRẦN LÁ GAI** (G. Phương), trang 57
- ♦ **LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TÀNG QUAN** (Chúc Phú), trang 58
- ♦ **TUỔI THƠ SÀI-GÒN...** (thơ Diêu Linh), trang 63
- ♦ **TỬ TẤT ĐÀN - MỘT PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRONG PHẬT GIÁO** (Tâm Thường Định), trang 64
- ♦ **TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 66
- ♦ **LÒNG NGƯỜI MỘ PHẬT PHÁP CỦA VUA A DỤC** (Thích Minh Chiêu soạn), trang 67
- ♦ **ĐIỀU KỶ ĐIỀU ĐÃ XẢY RA** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 68
- ♦ **STORY OF A GROUP OF SIX BHIKKHUS** (Daw Mya Tin), trang 69
- ♦ **NGHE 10 BÀI ĐẠO CA DO CA SĨ BÍCH LIÊN HÁT...** (Huỳnh Kim Quang), trang 70
- ♦ **HÌNH NHƯ** (Toại Khanh), trang 72
- ♦ **NỤ LỪA** (Tạ Ký), trang 73
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG - chương 14** (Vĩnh Hào), trang 74



Báo Chánh Pháp số 64, tháng 03.2017, do Chùa Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

MƯA NGÀY ĐẦU XUÂN

Có những mùa mưa đi qua miền đất cũ
 nhưng nhà cửa nơi đây thì mới
 và những con người cũng mới
 Mưa ngày xưa không phải mưa ngày nay
 cũng không phải cơn mưa đã rơi từ nơi chốn
 xa vời
 mà trông như chẳng khác gì mấy

Hàng giờ nhìn nước lã tăn chảy thành dòng
 trên cửa kiếng
 vẽ những đường đi có khi trùng lặp,
 có khi bất định
 đường đi của những tia chớp từ trời cao
 đường đi của những nhánh sông rẽ đôi rẽ ba
 ở cuối nguồn

Gió khua lộng lộng qua khoảnh sân trống
 Khi những cây thông già cỗi củi mình ngó
 xuống
 Người già nhàn hạ ngồi bên cửa sổ
 ngắm nhìn mưa rơi hay đêm những mùa mưa
 đi qua trong đời

Cơn mưa xưa và nay, có vẻ không gì khác
 nhưng đời người hôm nay đã khác với ngày qua

Con chim sâu hăm hờ tìm mồi khi trời tạnh
 Thẹn thùng khép cánh những nàng hoa
 Trên lá non long lanh nghìn hạt ngọc
 Nắng bên đường đã vội nhòa theo chân

Cơn mưa nơi đây lâm râm mà dai dẳng
 mỗi ngày đi qua con phố buồn tênh
 đọng từng vũng nhỏ trên lối đi trải sỏi
 chảy thành dòng vệ đường hai bên
 bong bóng vỡ trên mặt hồ lặng
 Ôi, sao mà nhớ quê nhà!
 Dĩ vãng dù có khi buồn đau thống thiết
 vẫn là dư âm của một thuở êm đêm, thơ mộng
 Mưa rơi, mưa rơi, đẹp cả phương trời...

*

Nhưng những cơn mưa nơi chốn quê xa ấy
 âm âm, xối xá, bất tận ngày đêm
 đã cuộn thành cuồng lưu cuốn trôi
 những xóm làng
 Không có những nhánh sông rẽ đôi rẽ ba
 chỉ có mặt nước mênh mông ngập tràn
 lênh bênh những người và vật chết trôi
 Bầy quạ hăm hờ tìm ăn khi mưa tạnh
 nước rút
 Giọt lệ ai rơi theo nhịp thở sông dài

Mưa... mưa rơi trên biển ấy
 Mù mịt trời đông người hại người
 Cá chết quanh năm phơi bãi vắng
 Ghe thuyền lật úp choáng bờ khô
 Máu nào trôi theo dòng nước độc
 đỏ ối từ trong ra biển khơi
 Ai người thắp cỗ gạo khan tiếng
 Ai kẻ cao danh khép môi cười
 Lệ khô miệng đắng hận ngun ngút
 Khói mù cay mắt mẹ quê hương...

Mưa... ngày đầu xuân, mưa đã rơi
 Lá mướt cành dương động cam lò
 Lòng trần gội rửa khi sương sớm
 Thương người vội vội mắt trùng khơi.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

AFGHANISTAN: Phụ nữ Afghan luyện tập võ thuật Thiếu Lâm để thi đấu và tự bảo vệ

Kabul, Afghanistan – Vào năm 500 sau Công nguyên, trong khi Phật tử Afghan đang chạm khắc các tượng sa thạch khổng lồ thì Phật tử Trung Hoa sáng tạo ra võ thuật tại chùa Thiếu Lâm ở tỉnh Hà Nam.

1,500 năm sau, trên đỉnh đồi ở phía tây Kabul, có 10 phụ nữ dân tộc Hazara luyện tập võ thuật Thiếu lâm. Họ đang chuẩn bị cho ngày mà Afghanistan có thể gởi đội nữ của nước mình đi dự giải vô địch Thiếu Lâm thế giới.

Simi Azimi, 20 tuổi, huấn luyện võ thuật cho 9 học viên để chuẩn bị cho cuộc thi Olympic cũng như để tự bảo vệ bản thân họ trên đường phố Kabul, nơi phụ nữ thường xuyên bị quấy rối.

Khi không tập luyện trên các ngọn đồi tuyết phủ bao quanh Kabul, các học viên lại được huấn luyện tại câu lạc bộ do một diễn viên điện ảnh trẻ tuổi tài trợ. Họ đã thiết kế đồng phục và đặt may tại Kabul.

(AP – February 1, 2017)



Simi Azimi (mặc áo đen) huấn luyện võ Thiếu Lâm cho các học trò trên một đỉnh đồi



Các học viên luyện võ tại câu lạc bộ của họ ở Kabul—
Photos: Massoud Hossain

CAM BỐT: Hội nghị Tăng sĩ Phật giáo lần thứ 25

Hơn 700 nhà sư đã tham dự Hội nghị Tu sĩ Phật giáo lần thứ 25 vào ngày 30-1-2017 tại Phnom Penh để kỷ niệm sự truyền bá của đạo Phật và làm nổi bật sự phát triển của tôn giáo này.

Hem Chhem, Bộ trưởng các Giáo phái và Tôn giáo, cho biết hiện nay có 4,872 ngôi chùa và 69,199 nhà sư trên toàn quốc đang tu tập theo 2 giáo phái.

Ông Chhem nói, “Trong thực tế, sự phát triển của Phật giáo và đất nước đang song hành với nhau và là một sự cần thiết đối với nhau. Phật giáo đã thực hiện những đóng góp quan trọng trong việc cải thiện giáo dục về đạo đức, đạo đức xã hội và tiến bộ xã hội”.

Chủ tịch Quốc hội Heng Samrim nói rằng đạo Phật đã giúp giữ gìn hòa bình, ổn định, đoàn kết và hy vọng.

“Hãy nhớ rằng chính phủ tôn trọng quyền và sự tự do của tín ngưỡng và tôn giáo, và trong việc cải thiện của Phật giáo – vốn là tôn giáo của nhà nước”.

(tipitaka.net – February 2, 2017)



Bên trong một ngôi chùa Phật giáo Cam Bốt
Photo: Alamy

HÀN QUỐC: Đề cử 7 ngôi chùa trên núi là Di sản Thế giới UNESCO

Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc cho biết đã đệ trình đơn đề đưa vào danh sách Di sản Thế giới UNESCO cho 7 ngôi chùa núi của Hàn Quốc.

7 sơn tự nằm trên 7 ngọn núi là chùa Beopjusa trên núi Songnisan, Tongdosa trên Yeongchuksan, Buseoksa trên Bonghwangsan,

Bongjeonsa trên Cheodeungsan, Magoksa trên Taehwasan, Seonamsa trên Jogyesan và Daeheungsan trên Duryunsan.

Việc các chùa nói trên có được đưa vào danh sách hay không sẽ xác định vào năm tới, sau sự xem xét của Hội đồng Tương đài và Di tích Quốc tế, một tổ chức phi chính phủ quốc tế.

Vào tháng 8-2016, Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc đã chọn 7 sơn tự này là những di tích có thể được ghi vào danh sách UNESCO.

Một quan chức Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc nói, "Các chùa này, kể từ khi thành lập, đã tiếp tục giữ truyền thống của Phật giáo Hàn Quốc – vốn là tôn giáo và đã bắt rễ sâu trong đời sống của người dân".

(The Korea Herald – February 2, 2017)



Chùa Beopjusa trên núi Songnisan



Chùa Buseoksa (núi Bonghwangsan)



*Chùa Magoksa (núi Taehwasan)
—Photos: Yonhap*

TÂY TẠNG: Phát hiện các di tích nghệ thuật khắc đá trên 1,000 năm tuổi

Markham, Tây Tạng – Một đội gồm hơn 20 nhà nghiên cứu từ Viện Tây Tạng học tại Đại học Tứ Xuyên đã tìm thấy 8 di tích nghệ thuật đá tại Tây Tạng. Các di tích này được cho là hơn 1,000 năm tuổi, bao gồm chạm khắc trên vách đá, tượng khắc hình tròn, chữ Tây Tạng cổ và đá Mali (Đá Mali có khắc một câu thần chú và dùng như một hình thức cầu nguyện của Phật giáo Tây Tạng).

Nhà nghiên cứu Zhang Yangqing cho rằng các tác phẩm khắc đá này, vốn phản ánh những ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Hoa, đã được tạo tác trong suốt triều đại của các vua Trisong Detsan (755-717) và Tride Songtsan (798-815). "Là một phát hiện về Phật giáo và lịch sử, những tác phẩm chạm khắc này có giá trị lớn và cần được bảo vệ", ông Zhang nói.

(archaeology.org – February 3, 2017)



*Đá Mani của Phật giáo Tây Tạng
—Photo: spiritualvigor.com*

ANH QUỐC: Trung tâm thiền Dhammakayen ở Hebburn kêu gọi đóng góp cứu trợ người vô gia cư

Trung tâm thiền Dhammakayen ở thị trấn Hebburn, đông bắc nước Anh, mở cửa để tổ chức sự kiện đặc biệt với mục đích phát huy lòng nhân ái, diễn ra vào ngày 4-2-2017.

Hưởng đến sự kiện này, trung tâm kêu gọi người dân đóng góp áo quần, thực phẩm, đồ chơi, chăn mền, túi ngủ và đồ dùng vệ sinh như một phần của lời kêu gọi 'Mặc Quần áo Ấm Cho Sự An lành'.

Vật phẩm đóng góp sẽ được trao cho các cơ quan địa phương bảo trợ những người vô gia cư và phụ nữ đang tìm nơi nương náu.

Đây là lần đầu tiên trung tâm thiền Phật giáo Dhammakayen tổ chức một sự kiện loại này, và nếu thành công, họ hy vọng nó sẽ trở thành một sự kiện thường niên.

(shieldsgazette.com – February 6, 2017)

Các tu sĩ Phật giáo tại Thiền phòng của Trung tâm thiền Dhammakayen (Hebburn, Anh Quốc)—Photo: Frank Reid



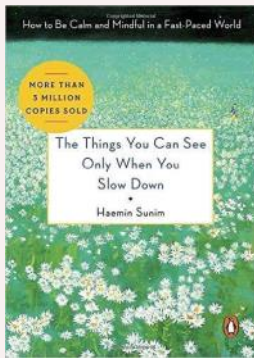
HÀN QUỐC: Cuốn sách bán chạy nhất của tăng sĩ Hàn Quốc được xuất bản tại Hoa Kỳ

Cuốn tiểu luận bán chạy nhất của tu sĩ Phật giáo Hàn Quốc Haemin đã được xuất bản bằng tiếng Anh vào ngày 7-2-2017 bởi một nhà xuất bản Mỹ.

“Những điều bạn chỉ thấy được khi bạn giảm cường độ làm việc” là phiên bản tiếng Anh của cuốn sách Hàn Quốc cùng tựa đề, vốn xuất bản vào tháng 1-2012 và đã nhanh chóng trở thành một sách bán chạy nhất, với hơn 3 triệu bản được bán. Bản quyền của sách này đã được bán cho 24 nước, bao gồm Trung Quốc, Nga và Brazil.

Nhà xuất bản Mỹ Penguin Random House đã giới thiệu trên trang chủ của mình về tác phẩm nói trên: Cuốn sách của Haemin Sunim cung cấp “trí tuệ tôn giáo về tầm quan trọng của việc giảm cường độ trong thế giới hối hả của chúng ta”. (Sunim là từ ngữ tôn kính của Hàn Quốc dành cho tu sĩ Phật giáo.)

Sách được dịch bởi chính tác giả, Thượng tọa Haemin, và Kim Chi-young – một dịch giả Hàn Quốc nổi tiếng. (Big News Network – February 8, 2017)



Bìa sách tiếng Anh tác phẩm của thượng tọa Haemin (Hàn Quốc)—Photo: Yonhap

TÍCH LAN: Ra mắt trang web về Lễ hội Vesak Quốc tế lần thứ 14

Colombo, Tích Lan – Tại Văn phòng Tổng thống vào ngày 7-2-2017, Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena đã khởi động trang web chính thức dành cho Lễ hội Vesak Quốc tế lần thứ 14 của Liên Hiệp Quốc và cho Hội nghị Phật giáo Quốc tế – diễn ra tại Tích Lan vào năm nay.

Chủ đề của Lễ hội Vesak Quốc tế lần thứ 14 của Liên Hiệp Quốc năm nay là “Giáo lý Phật giáo cho Công bằng Xã hội và Hòa bình Thế giới Bền vững”. Lễ hội sẽ được tổ chức tại Tích Lan từ ngày 12 đến 14-5-2017.

Tham dự sự kiện này bao gồm chư vị cao tăng là thành viên của Đại Tăng đoàn; cùng với các Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Phật Học, Bộ trưởng Cải cách Quốc hội và Truyền thông Đại chúng và Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp cơ bản.

Cùng ngày (7-2) tại Văn phòng Tổng thống, tập sách luật bằng tiếng Tamil đầu tiên đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Phật Học Wijeyadasa Rajapakse trình bày với Tổng thống Maithripala Sirisena. (NewsNow – February 8, 2017)

Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena khởi động trang web chính thức dành cho Lễ hội Vesak Quốc tế lần thứ 14
Photo: Colombo Page



NHẬT BẢN: Lễ Phật tôn vinh cố Quốc vương Thái Lan

Do có những mối quan hệ mật thiết với Thái Lan, Phật phái Nhật Bản Nenbutsushu đã tổ chức Đại lễ 100-ngày Làm Công đức dành cho cố Quốc vương Thái Lan Bhumibol Adulyadej – người bảo trợ tối cao của Phật giáo Thái Lan.

Đại lễ 100-ngày Làm Công đức diễn ra vào ngày 4-2-2017 tại Đại Phật Điện Hoàng gia của Chùa Sampuzan Muryojuji Nebutsushu ở Kato, tỉnh Hyogo.

Chính phủ Hoàng gia Thái, Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Hoàng gia Thái tại Tokyo, Tổng Lãnh sự quán Hoàng gia Thái tại Osaka và chùa Sampuzan Muryojuji Nebutsushu đã đồng tổ chức lễ 100-ngày này.

Có khoảng 50 quan chức chính phủ Thái đã tham dự sự kiện.

Sau một đám rước với khoảng 2,500 người tuần hành đến Đại Phật Điện, đại lễ đã diễn ra trong sự hiện diện của khoảng 14,000 người – bao gồm các vị lãnh đạo doanh nghiệp Nhật và quan chức địa phương.

(japantimes.co.jp – February 9, 2017)



Phó Thủ tướng Thái Lan Tanasak Patimapragorn phát biểu tại Đại lễ 100-ngày Làm công đức tại Chùa Sampuzan Muryojuji Nebutsushu, Nhật Bản—Photo: Masaaki Kameda

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma tặng 25,000 usd để giúp người vô gia cư và người nghèo tại Hoa Kỳ

Dharamsala, Ấn Độ – Đức Đạt lai Lạt ma, người luôn ủng hộ sự bình đẳng của con người, đã tặng 25,000 usd cho một sáng kiến Mỹ vốn giúp đỡ người vô gia cư và nghèo khổ.

Ngài đã tặng số tiền trên cho Thống đốc Gary Herbert của Utah để giúp người vô gia cư cũng như giúp Bệnh viện Học sinh Tiểu học trong tiểu bang này, và phần còn lại sẽ dành cho Hội Tây Tạng Utah.

Số tiền gửi tặng đến từ các khoản thu của chuyển thăm mà Đức Đạt lai Lạt ma đã thực hiện hồi năm ngoái tại Trung tâm Huntsman của Đại học Utah.

Pamela Atkinson, người ủng hộ những người vô gia cư, vốn trước đây từng làm việc với các nhà tổ chức các sự kiện của Đức Đạt lai Lạt ma tại Mỹ, nói, “Ngài rất nghiêm ngặt khi bảo rằng không ai được hưởng lợi nhuận từ các chuyển thăm của ngài. Ngài luôn luôn đặt yêu cầu rất



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: Phayul*

ng nghiêm ngặt về kế toán tài chính".
(Phayul - February 9, 2017)

AFGHANISTAN: UNESCO xây Trung tâm Văn hóa tại địa điểm của các tượng Phật Bamiyan bị phá hủy

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đang tiến hành việc xây dựng một trung tâm văn hóa theo kế hoạch tại địa điểm của các tượng Đại Phật Bamiyan đã mất ở Afghanistan, vốn bị Taliban phá hủy vào năm 2001.

Các tượng Phật cao 174 feet và 115 feet này có thể mất đi, nhưng Cảnh quan Văn hóa và Di tích Khảo cổ của Thung lũng Bamiyan vẫn là một di sản thế giới quan trọng.

Trung tâm Văn hóa Bamiyan dự kiến sẽ có 2 phòng trưng bày khảo cổ học Afghan, một hội trường trình diễn và một phòng trà, với kinh phí dự kiến là 2.5 triệu usd, do chính phủ Hàn Quốc tài trợ. Bộ Phát triển Đô thị và Nhà Ở của Afghanistan sẽ cấp thêm 1.5 triệu usd cho việc tạo ra một khu vườn.

(tipitaka.net - February 13, 2017)



Đồ họa của Trung tâm Văn hóa Bamiyan, Afghanistan—Photo: M2R Arquitectos



*Công nhân xây dựng tại Trung tâm Văn hóa Bamiyan
Photo: G.R. Mahammadi*

THÁI LAN: Đức Tăng thống kêu gọi sự đoàn kết Phật giáo-Hồi giáo

Vào ngày 15-2-2017, Đức Tăng thống đã phát biểu với một nhóm Hồi giáo rằng Phật giáo và Hồi giáo là một gia đình và sự chia rẽ sẽ được khắc phục thông qua việc gìn giữ giáo lý của mình.

Sau cuộc hội kiến với vị tăng thống mới, ông Prasarn Scicharoen, một đại biểu từ Văn phòng Giáo trưởng Hồi giáo, nói rằng Đức Tăng thống Ariyawongsakhatan đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự đoàn kết.

Dẫn lời vị tăng thống, ông Prasarn nói nếu tín đồ của tất cả tôn giáo thực hiện giáo lý của mình, sẽ không có sự chia rẽ vì tất cả tôn giáo và tín ngưỡng đều phấn đấu hướng tới sự sống chung hòa bình.

Các đại biểu từ Văn phòng giáo trưởng Hồi giáo cùng hàng nghìn người thiện chí đã đến Chùa Rajabopit vào ngày 15-2 để tỏ lòng kính trọng của họ đối với Đức Tăng thống Ariyawongsakhatan, sau khi Quốc vương Thái Lan bổ nhiệm ngài làm Tăng thống thứ 20.

Lễ nhậm chức đã diễn ra bên trong chùa Phật Ngọc vào ngày 12-2-2017.

(Bangkok Post - February 16, 2017)



*Đức Tăng thống Ariyawongsakhatan tiếp kiến đại biểu Hồi giáo
Photo: Bangkok Post*

HOA KỲ: Trung tâm Frist của thành phố Nashville triển lãm nghệ thuật Phật giáo

Nashville, Tennessee - Mùa đông và mùa xuân năm nay, khách tham quan Trung tâm Frist sẽ tận hưởng cơ hội được ngắm nghệ thuật Phật giáo tại cuộc triển lãm "Những bí ẩn của Nghệ thuật Phật giáo: Tây Tạng, Nhật Bản và Hàn Quốc".

Được Bảo tàng Newark độc quyền tổ chức cho Trung tâm Frist, triển lãm giúp khám phá một trong những tín ngưỡng lớn của thế giới thông qua tranh và tác phẩm điêu khắc của các nghệ sĩ Nhật Bản, Hàn Quốc và Tây Tạng.

Diễn ra tại Phòng Trưng bày Ingram của Trung tâm từ ngày 10-2 đến 7-5-2017, triển lãm giới thiệu 109 bức tranh và tác phẩm điêu khắc từ bộ sưu tập nghệ thuật Phật giáo nổi tiếng của Bảo tàng.

"Những bí ẩn của Nghệ thuật Phật giáo" cung cấp một sự hiểu biết về vai trò của những tác phẩm - có niên đại từ cuối thế kỷ thứ 13 đến đầu thế kỷ thứ 20 - bên trong Phật giáo Mật tông.

(NewsNow - February 15, 2017)



*Tượng Phật thế kỷ 17 của
Hàn Quốc trong bộ sưu
tập của Bảo tàng Newark
Photo: NewsNow*

**ẤN ĐỘ: Ngày Đại Bi Chú được tổ chức tại
thành phố Nagpur**

Nagpur, Ấn Độ - Vào ngày 11-2-2017, Ngày Đại Bi Chú lần thứ 4 đã diễn ra tại thành phố xinh đẹp Nagpur, với hơn 5,000 Phật tử tham dự. Nhiều chương trình văn hóa và các bài pháp giảng đã được tổ chức tại đài kỷ niệm Deekshabhoomi lịch sử.

Khoảng 200 tượng Phật được tặng cho người nghèo và những người gần đây đã cải đạo theo Phật giáo.

Tất cả các diễn giả nổi tiếng đã tôn vinh giáo lý của Đại Bi Chú và lòng từ bi trong hành động như lời Phật dạy. Họ cũng chia sẻ cảm nghĩ của mình về sự tranh đấu để giúp đỡ các dân tộc bị áp bức của Tiến sĩ Babasaheb Ambedkar; cảm ơn và đánh giá cao sự giúp đỡ của Hòa thượng Sanghasena đối với người nghèo và những Phật tử mới của Ấn Độ, cũng như việc phụng sự của hòa thượng cho hòa bình thế giới, hòa hợp tôn giáo và sự thịnh vượng.

(buddhistchannel.tv – February 16, 2017)



*Chư tăng trong Ngày Đại Bi Chú tổ chức tại
Nagpur, Ấn Độ—Photo: The Buddhist Channel*

**Tích Lan: Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi
sẽ dự lễ Vesak tại Tích Lan**

Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi sẽ đến Tích Lan vào tháng Năm để dự một chương trình Liên Hiệp Quốc đánh dấu một đại lễ quan trọng của Phật giáo.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Phật học Tích Lan Wijeyadasa Rajapakse đã xác nhận sự tham dự của Thủ tướng Ấn Độ trong lễ Vesak Liên Hiệp Quốc được tổ chức lần đầu tiên tại Tích

Lan này.

Ngày Vesak Liên Hiệp Quốc được tổ chức hàng năm tại các nước Phật giáo. Tín đồ chiêm bái Đức Phật trong suốt lễ hội này, diễn ra vào ngày Chủ nhật gần với ngày trăng tròn của tháng Năm nhất.

Đây là lần đầu tiên Tích Lan tổ chức lễ hội Vesak Liên hiệp Quốc, và một số nhà lãnh đạo thế giới đã được mời tham dự.

Hơn 1,000 đại biểu đến từ Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Cam Bốt, Việt Nam, Miến Điện, Tây Tạng, Bhutan, Mông Cổ và các nước thực hành Phật giáo khác có thể sẽ dự lễ Vesak năm nay .

(PTI – February 20, 2017)

*Thủ tướng Ấn Độ
Narendra Modi sẽ
dự lễ Vesak tại Tích
Lan—Photo: PTI*



**THÁI LAN: Xung đột tại ngôi chùa Thái khi
cảnh sát truy tìm nhà sư**

Bangkok, Thái Lan – Các nhà sư và cảnh sát đã xung đột tại ngôi chùa Dhammakaya, nơi các lực lượng an ninh đang cố gắng bắt cựu trụ trì về tội rửa tiền.

Cảnh sát nói sẽ cố tránh bạo lực, trong khi họ đe dọa bắt giữ các tín đồ nào bất chấp lệnh phải rời khỏi chùa và thay vì thế lại đổ xô đến, cản trở việc truy tìm nhà sư 72 tuổi Phra Dhammachayo.

Với sự căng thẳng gia tăng 4 ngày sau khi chính phủ quân đội ban lệnh sử dụng quyền hạn tình trạng khẩn cấp trong cuộc tìm kiếm, các nhà sư và cảnh sát đã xô xát tại một trong các cổng của ngôi chùa.

Dự luận cho rằng Chùa Dhammakaya có liên kết với chính phủ dân túy - vốn bị lật đổ bởi quân đội vào năm 2014 - làm cho ngôi chùa này trở thành một cái gai đối với phe cầm quyền.

(AFP – February 21, 2017)



*Lực lượng cảnh sát tại khu vực Chùa Dhamma-
kaya—Photo: thestar.com.my*

XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo)

3.- Ý HÒA CÙNG HOAN HỖ: (Ý Hòa Đồng Duyệt)

Ý hòa cùng hoan hỷ nghĩa là tán đồng ý kiến hay, tùy hỷ học hạnh tốt, luôn luôn vui vẻ cùng nhau. Hãy nuôi ý đẹp đối với nhau, hãy trao đổi đức hỷ xả, đừng bao giờ thù hiềm, ganh tỵ nhau. Muốn được như thế, trong gia đình, chồng vợ, con cái, anh em cần phải theo những luật lệ như sau:

1)- **Bất Cứ Ai Có Ý Kiến Hay Nên Tán Đồng Và Chấp Nhận:**

Trong việc sống chung, bất cứ chồng hay vợ muốn thực hiện những điều gì trước tiên phải đem ra cùng nhau thảo luận rồi sau đó mới thực hiện. Bất cứ việc gì chồng hay vợ không nên tự động làm theo ý riêng của mình mà không có sự đồng ý chung. Trong gia đình nếu như các con lớn khôn và có chút hiểu biết mà chúng nó hiện đang sống chung với cha mẹ, cha mẹ cũng phải cho chúng nó tham gia trong việc sanh hoạt kinh tế gia đình, nguyên vì chúng nó cũng có những ý kiến hay đóng góp vào. Cha mẹ cho chúng nó tham gia sanh hoạt kinh tế gia đình nhằm mục đích giáo dục chúng nó ý thức trách nhiệm của mình đối với gia đình trong việc sống chung, nghĩa là chặn đứng sự ham muốn đua đòi quá độ của chúng nó mà kinh tế gia đình không đủ khả năng bảo trợ. Cha mẹ nếu như không cho chúng nó tham gia sanh hoạt gia đình, nghĩa là không cho chúng nó biết được mức độ kinh tế trong gia đình thì chúng nó cứ tưởng rằng cha mẹ mình giàu có tiền nhiều mà chúng nó cứ tha hồ đòi hỏi để chạy đua theo chúng bạn. Trong khi sanh hoạt gia đình để thảo luận một việc gì, chồng vợ kể cả con cái phải theo những nguyên tắc sau đây:

1)- Phải chấp nhận những ý kiến nào được đa số tán thành, mặc dù đó là ý kiến của con mình. Có được như vậy sự hợp tác sống chung mới được phát triển trọng chiều hướng đi lên. Cùng một vấn đề, mỗi người có một ý kiến đóng góp thì mới thấy rõ được ý kiến nào hay và ý kiến nào dở, cũng như có nhiều tiếng



chuông khác nhau mới biết được tiếng chuông nào kêu thanh hơn.

2)- Không nên cố chấp, không nên bảo thủ ý kiến sai lầm của mình.

*)- Không nên cố chấp, nghĩa là không nên ý mình là cha mẹ là người lớn phủ nhận ý kiến của con cái hay của em út. Cha mẹ cần chúng nó có thiện chí hợp tác công việc chung mà không phải cần vai vế để rồi chính mình phải tự bao thầu gánh vác lấy tất cả mọi công việc, còn chúng nó buông thả đi chơi không trách nhiệm.

*)- Không nên bảo thủ ý kiến sai lầm của mình. Ý kiến của mình

không được đa số chấp nhận có nghĩa là ý kiến của mình mặc dù rất hay nhưng không hợp thời, không đặt đúng chỗ hoặc người trình bày không rõ ràng khúc chiết khiến mọi người không được thông suốt. Ý kiến nào mà đa số người sống chung đã không tán thành, mặc dù ý kiến đó của cha hay của mẹ cũng phải để qua một bên mà không nên bảo thủ chống đối hay độc quyền vô tình làm hư hại tinh thần hợp tác chung. Mình phải chờ đợi một cơ hội khác khi mọi người thông suốt ý kiến qua sự trình bày của mình thì lúc đó mọi người sẽ dễ dàng hưởng ứng. Vì quyền lợi chung, chúng ta phải chấp nhận ý kiến tập thể.

2)- **Hãy Nuôi Ý Tốt Đẹp Đối Với Nhau, Hãy Trao Đổi Đức Hỷ Xả:**

Theo Phật Giáo, con người là hiện thân của nghiệp báo. Tất cả nghiệp nào là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, v.v... hiện đang lên ngôi làm chủ điều khiển cuộc sống của con người. Như nghiệp tham, sân, si mà ai cũng biết chúng nó là những thứ tai họa nguy hiểm cho sự sống còn của con người và hiện nay chúng nó đang có mặt trong tâm hồn con người. Chúng nó khi tác dụng chỉ đạo thì mọi sự sanh hoạt của con người trở nên xấu xa tội lỗi. Nhưng con người muốn diệt chúng nó không phải là dễ, đòi hỏi rất nhiều công phu tu tập lâu đời mới có thể kiềm chế được chúng. Cũng vì những thứ bệnh nghiệp nói trên con người thường phải vướng mắc những tật xấu như sau:



*)- Con người, nhất là chồng vợ khi mới quen nhau và đối xử với nhau thì tỏ ra cung cách rất lịch sự, rất lễ phép hay nói cách khác là rất văn hóa. Khi sống chung với nhau, con người thường hay lớn mặt, không giữ kè với nhau cho phải cách, trao đổi qua lại nhau với thái độ khinh lờn, xưng hô mầy tao mi tớ với lời lẽ khiếm nhã thô tục, v.v... Những cử chỉ không tốt đẹp này khiến cho chồng hay vợ mất mặt với mọi người với bạn bè nhất là mặt mặt với con cháu trong gia đình.

Chồng vợ muốn được hạnh phúc gia đình bền lâu, việc nhỏ nhặt thường tình này cũng cần phải chú ý, cần cố gắng cư xử với nhau luôn luôn qua những thái độ, những cử chỉ, những lời nói, những hành động tốt đẹp như lúc ban đầu hai bên mới gặp nhau, nhất là trước mặt con cháu hay trước mặt mọi người.

*)- Chồng hay vợ trước khi gặp nhau hay sau khi gặp nhau, nay đã sống chung với nhau, nếu như họ có những lỗi lầm nào hay có những khuyết điểm nào mà họ đã ăn năn hay đã sám hối thì không nên cố chấp, phải bỏ ra ngoài tâm tư định kiến cho thật xa nghìn dặm và thân thiết với nhau bằng tâm hồn độ lượng hỷ xả tha thứ tất cả không còn chút ấn tượng nào vướng mắc bận nhớ trong tâm tư, để cho hai bên khỏi bị mặc cảm lo âu khổ não suốt đời vì những chuyện đau thương ấy.

4.- GIỚI HÒA CÙNG TU TẬP: (Giới Hòa Đồng Tu)

Giới hòa cùng tu tập nghĩa là giới luật cùng nhau học tập và hành trì. Tôn giáo thì có luật lệ của tôn giáo, quốc gia thì có luật pháp của quốc gia, gia đình thì cũng phải có luật lệ của gia đình. Luật lệ của gia đình là để quy định trật tự giữa chồng vợ và con cái. Gia đình muốn bảo vệ hạnh phúc bền lâu thì phải:

1)- Giữ Tròn Luật Lệ Gia Đình:

Giữ tròn luật lệ của gia đình nghĩa là chồng vợ phải ra chồng vợ, con cái phải ra con cái trong trật tự của xã hội gia đình.

Gia đình, theo Phật Giáo là một tập thể nhỏ, một xã hội nhỏ cũng phải có luật lệ của

ĐẦU XUÂN NGỒI TÍNH SỐ ĐỜI

*Đầu năm ngồi tính lại số đời,
Trời đã ban cho ngoại bảy mươi,
Đóng góp ba cao cùng một tháp, (*)
Nói ra ai cũng thấy tức cười...*

*Tức cười thì cứ ráng mà cười,
Sự thật rõ ràng cả mười mười,
Cứ chạy khỏi rồi nên cười khinh?
Ai già rồi cũng đủ bạn ơi!*

*Hãy lóng tai nghe, để rồi cười,
Cười cho mình trước, đến cười người,
Cao đường, cao mỡ cùng cao máu,
Còn gì để nói, ... hay chỉ cười?*

*Cười xong bác sĩ lại kêu trời,
Quý vị tỉnh sao chuyện lối thôi? ...
Không chịu giữ gìn, là nguy hiểm, ...
Để cho thân thuộc, ... lụy khổ thôi...*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Trọng xuân Đinh Dậu, Feb. 15, 2017

(*) Ba cao: là cao đường, cao mỡ và cao máu - Một tháp : là tháp khốp

gia đình cũng như Hội Đoàn đã có luật lệ của họ gọi là Quy Chế hay Điều Lệ để quy định trật tự của tổ chức. Luật lệ của gia đình là một luật pháp quy định giá trị và nghĩa vụ trong sự sanh hoạt sống chung của một tập thể, nghĩa là mỗi người trong gia đình phải học tập, phải giác ngộ tư cách của mình, bổn phận của mình thể hiện được giá trị làm một người chồng, một người vợ, một người con mẫu mực trong việc sống chung. Trong một gia đình, mỗi người sống buông thả theo sở thích riêng tư của mình mà không có luật lệ nào kèm thúc họ đi đúng theo nếp sống chung của tập thể, sống theo chủ nghĩa cá nhân thì sẽ bị rơi vào tình trạng sa đọa nan giải. Phần đông nhiều gia đình không có soạn thảo luật lệ cho việc sống chung thành thử, chồng, vợ, con cái, mỗi người cứ sống theo chủ nghĩa cá nhân, nghĩa là mạnh ai cứ sống theo sở thích riêng tư của mình một cách do dự vọng lồi cuốn không thể tự kiềm chế được, cho nên một số gia đình gặp nhiều sóng gió nổi dậy gây đau khổ cho nhau triền miên. Nhờ luật

lệ gia đình, mỗi người mới có thể kèm thúc được phần nào dục vọng buông thả của mình đi vào mực thước của lẽ đời sống chung. Có một số người nói rằng, chồng vợ cãi vả với nhau sống mới có ý nghĩa. Họ nói như thế có nghĩa là họ nói liều mạng mà không biết rằng những hành động nói năng của họ gây ô nhiễm cho tâm hồn các con cái, làm chúng mất lý tưởng nơi cha mẹ, có đứa bỏ nhà ra đi sống riêng, có đứa tỏ thái độ lầm lì bất kính, đồng thời họ tự châm ngòi lửa sân hận đốt cháy cuộc sống hạnh phúc lứa đôi.

2)- Giác Ngộ Lý Nhân Quả Để Tránh Những Thói Hư Tật Xấu Của Xã Hội.

(Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng)

Theo giáo lý Phật Giáo, lý nhân quả là một định luật tất nhiên và thiết yếu trong vũ trụ, chi phối tất cả sanh mệnh của vạn pháp, nghĩa là sự thành hình của vạn pháp trong vũ trụ đều do nhân quả quyết định cả. Trong vũ trụ, con người có thể trốn khỏi luật pháp xã hội, nhưng không thể trốn khỏi luật pháp nhân quả.

Trong xã hội, con người thích uống rượu là nguyên nhân rồi bị nghiện rượu say sưa là kết quả, con người thích cờ bạc là nguyên nhân rồi bị mê cờ bạc sạt nghiệp là kết quả, con người thích làm nghề ăn trộm là nguyên nhân rồi bị tù đày là kết quả, v.v... Lý Nhân quả quan hệ chặt chẽ đến ba đời trong sự báo ứng của con người. Đức Phật đã dạy trong Kinh Nhân Quả: "*Dục tri tiền thế nhân kim sanh thọ giả thị, yếu tri hậu thế quả kim sanh tác giả thị,*" nghĩa là muốn biết nguyên nhân ở kiếp trước của mình như thế nào thì hãy xem chính mình ở kiếp này đang thọ quả báo như thế nào, muốn biết quả báo ở kiếp sau của mình như thế nào thì hãy cần xem hiện nay chính mình đang gây tạo những nguyên nhân gì.

Từ những nguyên lý đó, xã hội ngày nay tràn ngập những điều xấu xa tội lỗi và cũng tràn ngập những điều phước đức thánh thiện, tất cả đều là thành quả của chúng sanh gây tạo những nguyên nhân thiện ác ở kiếp trước. Cũng vì lý nhân quả nói trên, chúng ta nên tránh xa những điều xấu xa tội lỗi trong xã hội để khỏi vướng mắc những nguyên nhân không tốt cho cuộc sống làm người. Chúng ta nên biết rằng, tâm của chúng ta như máy chụp ảnh, nếu như chụp lấy những hình xấu xa tội lỗi vào

tâm làm nguyên nhân, rồi một ngày kia những nguyên nhân đó xuất hiện lỗi chúng ta đi vào những con đường quả báo tội lỗi không thể nào tránh khỏi. Chúng ta thà rằng tránh xa những chỗ xấu xa tội lỗi vừa kể đừng để bị vướng mắc vào tâm thì nhất định cuộc sống của chúng ta sẽ được an nhiên tự tại, cũng như chúng ta không nên thức khuya thì nhất định không bị buồn ngủ.

3)- Trau Dồi Trí Tuệ Sáng Suốt Để Giải Quyết Mọi Vấn Đề Gia Đình (văn, tư, tu).

Trí tuệ (Intelligence/wisdom) là một loại trí thông minh lanh lợi và loại trí tuệ này mới sáng suốt để giải quyết mọi hoàn cảnh thuận duyên hay nghịch duyên đưa đến trong gia đình. Trí tuệ này được phát sanh từ Phật Trí và được đào luyện qua Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ,



ba môn học vô lậu giải thoát của Phật Giáo. Văn Huệ là trí tuệ được thể hiện từ nơi học kinh nghe pháp, lão thông Kinh Luận của Phật Giáo một cách thâm nhập. Tư Huệ là trí tuệ được thể hiện từ nơi sự tư duy thấu triệt yếu chỉ thâm sâu của đức Phật ẩn mật trong các Kinh Luận. Tu Huệ là trí tuệ được thể hiện từ nơi tu luyện đạt đạo các yếu chỉ trong các Kinh Luận.

Loại trí tuệ nói trên khác hơn loại trí tuệ thế gian. Loại trí tuệ thế gian là loại trí tuệ học rộng hiểu sâu các pháp trong thế gian để trở thành nhà thông thái bác học. Nói cách khác loại trí tuệ thế gian được phát sanh từ các dữ kiện tổng hợp

duyên sanh trong thế gian mà nó không phải phát khởi từ nơi Phật Trí nên gọi là Thế Gian Trí. Cũng vì thế loại trí tuệ thế gian không có khả năng hóa giải tận nguồn gốc khổ đau của tất cả tâm bệnh chúng sanh; thí dụ như các nhà bác học thuộc về loại trí tuệ thế gian cho nên vẫn bị vướng mắc khổ đau về vấn đề hạnh phúc gia đình mà không có lối thoát. Trái lại trí tuệ phát sanh từ Phật Trí thì có khả năng chuyển hóa tận nguồn gốc khổ đau của chúng sanh kể cả những nguồn gốc gây khổ đau cho nếp sống hạnh phúc gia đình.

Chồng vợ muốn trau dồi trí tuệ thuộc Phật Trí để giải quyết mọi vấn đề hạnh phúc gia đình thì cả hai người phải chuyên cần học tập và hành trì Phật Pháp; giống như trong xã hội, con người muốn có trí tuệ thế gian thì cũng phải đổ vào đó rất nhiều công sức học tập trải qua nhiều thời gian mới gặt hái được thành quả danh phận. Điều đặc biệt trong Phật Giáo, mỗi



người tu học đến đâu thì tự nhiên cảm thấy sự an lạc trong tâm hồn đến đó, nghĩa là người học tập cơ bản thì cảm nhận được những sự an lạc trong cơ bản, người học lên cấp cao thì cảm nhận được những sự an lạc trong cấp cao, học tập càng lên cao thì cảm nhận những sự an lạc càng cao hơn, cũng như người đang bệnh hoạn nếu như được uống thuốc vào thì cảm thấy khỏe lẫn và càng uống nhiều thuốc theo bác sĩ quy định thì cảm thấy khỏe khoắn vì bệnh tình của mình đã được dứt hẳn. Theo Phật Giáo, người trau dồi trí tuệ không cần đòi hỏi phải được lên cấp mà ở đây đòi hỏi người tu học phải có thiện chí, thiện chí càng cao thì sự an lạc tâm hồn càng sâu.

Nói tóm lại, chồng vợ muốn đạt được hạnh phúc thật sự đúng với ý nghĩa của nó thì mỗi người trong gia đình cần phải tiến tu đạo nghiệp, trau dồi trí tuệ sáng suốt để chọn lấy hướng đi đích thực và áp dụng phương châm thực tánh cho việc xây dựng nếp sống lý tưởng an lạc bền lâu.

4)- Lấy Đạo Đức Từ Bi Cư Xử Với Nhau:

Hai chữ Từ Bi của Phật Giáo có ý nghĩa khác hơn tình thương hay tình yêu của thế gian. Tình thương hay tình yêu của thế gian đều có mặt trái của chúng, nghĩa là thương không được thì ganh ghét và yêu không được thì hận thù. Từ bi của Phật Giáo có vấn đề ganh ghét hay hận thù. Từ bi của Phật Giáo với trạng thái tâm lý chỉ biết hành động cho ra với lòng vị tha vô ngã không có sự mong cầu đền đáp. Từ bi theo tiếng Phạn, Từ là Maitrya nghĩa là hành động ban vui đến với chúng sanh hay nói một cách khác là tôn trọng sự sống, sự hạnh phúc của chúng sanh và Bi là Karuna, nghĩa là cứu khổ cho chúng sanh hay nói một cách khác là bảo vệ sự sống còn của chúng sanh. Hai chữ từ bi ghép chung lại ý nghĩa là hành động với tâm nguyện bảo vệ sự sống còn của chúng sanh và mang lại hạnh phúc an vui thật sự cho chúng sanh mà không phân biệt những chúng sanh đó thuộc về người thân thiết hay sơ giao, thuộc về người thù nghịch hay thân thương. Người thật hành đạo đức từ bi phải là người xả kỷ vị tha, chọn lấy sự sống của người khác làm sự sống của mình, nghĩa là

mượn chúng sanh bên ngoài để diệt tâm chúng sanh của mình. Tâm chúng sanh của mình chính là tâm tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, v.v... mà chúng đã ẩn núp trong tâm hồn của con người. Mượn chúng sanh để diệt chúng sanh tâm nghĩa là mượn hoàn cảnh bên ngoài để trải nghiệm sự tu tập trong sự diệt khổ của chúng ta, mượn những hoàn cảnh trái ngang của chúng sanh để trải nghiệm những phiền não trong tâm của mình còn hay đã mất. Người thật hành đạo đức từ bi đối xử với mọi người, nhất là đối xử với gia đình phải giống như một người mẹ đối xử với những đứa con thân yêu của mình, cũng giống như một gà mẹ đối xử với bầy gà con của nó. Cha mẹ đối xử với con cái bằng tình thương thì có sự phân biệt, có đứa thương có đứa ghét, có đứa thương nhiều có đứa thương ít, do đó sẽ tạo ra sự bất an trong gia đình; còn cha mẹ đối xử với con cái bằng từ bi thì hành động hy sinh không có sự phân biệt cũng giống như gà mẹ trang trải tình nghĩa cho đàn gà con của nó và không cần đòi hỏi chúng nó biết ơn hay trả ơn. Sự khác biệt giữa tâm từ bi và tâm tình thương:

*)- Tâm từ bi thể hiện qua hành động vị tha không vị kỷ với châm ngôn là "Đạo cần ta đến chúng sanh cần ta đi không nề gian lao không từ khó nhọc,"

*)- Tâm tình thương thể hiện qua hành động vị kỷ hơn vị tha, chuyên lánh nặng tìm nhẹ, chỗ nào dễ thì đến giúp, chỗ nào thấy khó thì tránh mặt. Thích chỉ huy mà không thích dẫn thân.

*)- Tâm từ bi đặt trên nền tảng thi ân bất cầu báo, nghĩa là mình thi ân không cần họ biết ân và không cần họ đền đáp ân nghĩa.

*)- Tâm tình thương đặt trên nền tảng thi ân cầu báo, nghĩa là mình thi ân nhưng đòi hỏi họ phải biết ân và họ phải đền đáp ân nghĩa.

*)- Tâm từ bi không phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ thương người thù, nghĩa là bất cứ ai đau khổ thì mình sẵn sàng hy sinh cứu giúp.

*)- Tâm tình thương thì phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ thương người thù, nghĩa là mình dành ưu tiên cho người thân nhiều hơn người không thân, kẻ thương thì mình sẵn sàng giúp đỡ, còn kẻ thù thì làm lơ.

*)- Tâm từ bi không bao giờ cầu danh, nghĩa là mình hành động bằng cách vô danh, không cần ai biết đến.

*)- Tâm tình thương thì cầu danh, nghĩa là quảng cáo để cho mọi người đều biết đến tình thương của mình.

Chúng ta nên biết, gia đình là một xã hội nhỏ sẽ có những hoàn cảnh bất an đưa đến tạo cho nhau những sự khổ đau ngăn cách. Chỉ có từ bi mới xóa hết mọi khổ đau và ngăn cách. Cho nên đôi chồng vợ phải lấy đạo đức từ bi cư xử với nhau mới có thể ngăn ngừa những bất hạnh đưa đến cho gia đình mất hạnh phúc. Muốn được như thế, chồng vợ mỗi người phải chuyên cần tu luyện đạo đức từ bi.



5)- *Tu Tập Giới Luật Đã Thọ Cho Được Thanh Tịnh Để Tiêu Biểu Đạo Đức Làm Người.*

Giới luật đạo đức làm người theo Phật Giáo chính là Ngũ Giới và theo Nho Giáo chính là Ngũ Thường. Ngũ Giới của Phật Giáo và Ngũ Thường của Nho Giáo mặc dù danh nghĩa khác nhau nhưng ý nghĩa và giá trị không khác nhau, cả hai đều là luật pháp dùng để xây dựng nhân cách làm người. Pháp số của Ngũ Giới gồm có: Không Sát Sanh, Không Trộm Cắp, Không Tà Dâm, Không Vọng Ngữ, Không Uống Rượu. Pháp Số của Ngũ Thường gồm có: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Sự quan hệ của Ngũ Giới và Ngũ Thường như sau:

1)- Nhân Bất Sát: nghĩa là có lòng nhân từ thì không được sát sanh.

2)- Nghĩa Bất Đạo: nghĩa là có đạo nghĩa thì không được trộm cắp.

3)- Lễ Bất Dâm: nghĩa là người có lễ độ thì không được tà dâm.

4)- Trí Bất Ẩm: nghĩa là người có trí thì không được uống rượu.

5)- Tín Bất Vọng: nghĩa là người có sự tin cậy thì không được nói láo.

Còn sự khác nhau giữa Ngũ Giới và Ngũ Thường như là:

*)- Ngũ Thường thì chỉ học tập để thật hành mà không có phát nguyện hành trì để tu tập.

*)- Ngũ Giới ngoài sự học tập để hiểu biết mà còn phải phát nguyện hành trì và tu tập.

*)- Ngũ Thường thì chỉ chú trọng nơi lời nói và hành động mà không chú trọng nơi tư tưởng.

*)- Ngũ Giới ngoài sự chú trọng nơi lời nói và hành động mà còn chú trọng nơi tư tưởng, nguyên vì tư tưởng chỉ huy lời nói và hành động.

Do đó, con người phải tu tập giới luật đã thọ cho có chất lượng tốt, nhờ có chất lượng tốt thì mới có giới đức tốt, nghĩa là có hương thơm giới đức thể hiện nơi con người, nhờ có giới đức tốt thì mới có giới thân (có giới tướng: tướng tu), có huệ mạng (mạng sống có trí tuệ sáng suốt) tốt để chỉ đạo cuộc sống làm người. Cho nên đôi chồng vợ, nếu là Phật Tử muốn có hạnh phúc chân thật đích thực của nó thì phải chuyên cần tu tập giới luật đã thọ cho được thanh tịnh.

(còn tiếp)

SANH DIỆT VÔ HÌNH

*Sỏi đá tro mình
Theo dòng chảy xiết
Sự đời sanh diệt
Trôi buộc vô hình.*

BƯỚC VỀ NHÀ

*Ghi lại dòng thơ ngắn
Thăm nghiêng vạt áo tà
Hoàng hôn ngày xa vắng
Chân không bước về nhà.*

NỢ

*Nợ người áo mặc com ăn
Nợ thêm ngày tháng nói năng khóc cười
Quê hương khuất nẻo gọi mời
Nợ ân tình trả cuối đời chưa xong.*

GIÓ NGƯỢC CHIỀU

*Vượt qua ngàn đám mây
Gió ngược chiều hương bay
Thổi tung bờ hư ảo
Đợi trăng tàn đêm nay.*

TỪ ÂM

*Một nụ cười lan tỏa
Một tiếng nói nở hoa
Từ âm Phật vang vọng
Ta Bà muôn kiếp qua.*

thơ KHA NGUYỆT



NHẤT ĐỂ

NS. Thích Nữ Trí Hải

Chân lý chỉ có một, làm gì có tới bốn? Mà không có bốn thì "một" cũng không cần nói, cho nên danh từ thích hợp nhất để chỉ Phật pháp là Pháp "không hai." Vậy mà thông thường, ta vẫn quen gọi "tứ diệu đế" là "bốn chân lý vi diệu" với chân lý thứ nhất là KHỔ, chân lý thứ hai là TẬP, v.v... Có lẽ danh từ Anh ngữ "The Fourfold Truth" ít gây hiểu lầm hơn; có nghĩa là chân lý có bốn tầng lớp, bốn yếu tố, bốn giai đoạn thể nghiệm hay bốn gì gì đó cũng được tùy ý, miễn không phải là bốn chân lý. Nói rõ hơn, tứ diệu đế có nghĩa là bốn giai đoạn để đi đến cái chân lý vi diệu cứu cánh, tức niết bàn. Đây là một phương pháp đức Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta đã khám phá để thể nghiệm chân lý tối hậu, Niết bàn, sự dập tắt hoàn toàn cái KHỔ. Phương pháp này có thể so sánh với phương pháp y học gồm bốn giai đoạn mà mục tiêu tối hậu là tình trạng vô bệnh, hết hẳn bệnh tật, lành mạnh hoàn toàn. Bốn giai đoạn ấy là:

- Chẩn đoán bệnh trạng qua những triệu chứng
- Tìm nguyên nhân của bệnh
- Cách chữa trị
- Sự phục hồi hoàn toàn sức khỏe, sự hết bệnh.

Trong y học, sự chẩn bệnh cho đúng là điều quan trọng bậc nhất. Định đúng bệnh trạng là đã đi quá nửa con đường chữa trị, do đó sự chẩn bệnh đúng hàng đầu. Cũng thế, muốn diệt khổ, đạt tới Niết bàn (tức DIỆT, đứng hàng thứ 3 trong Tứ diệu đế) thì cốt nhất phải biết rõ cái KHỔ, như muốn hết bệnh thì trước tiên phải biết bệnh đó là bệnh gì. KHỔ như vậy tương ứng với giai đoạn một trong y học. Tập, nguyên nhân của khổ là giai đoạn hai. Đạo, con đường đưa đến diệt khổ là giai đoạn ba. Diệt (hay Niết bàn), sự hết khổ, là giai đoạn cuối cùng, mục đích tối hậu, vì mục đích này mà có ra ba giai đoạn trước, hết như trong y học, sở dĩ phải tìm căn bệnh (1), nguyên nhân (2), cách chữa trị (3), là vì muốn phục hồi sức khỏe cho con bệnh, đạt đến tình trạng hoàn toàn không bệnh.

Như vậy trong "bốn diệu đế" có một sự nhất quán triệt để, cả bốn giai đoạn tương quan mật thiết không thể tách rời. Sự tách rời ra làm "bốn chân lý" đưa đến những sai lầm trọng đại trong việc lý giải (hiểu) và hành trì

(làm) Phật pháp. Trong kinh Thăng Man, đức Phật nói rõ chỉ một để chân thật duy nhất là Diệt đế (thứ ba trong bốn diệu đế), ba đế kia đều là giả lập, vì Diệt đế mà có ra. So sánh với y học như trên thì thấy rất rõ.

Những ngộ nhận vì tách rời "bốn chân lý" rất tai hại không thể nói xiết, trở thành bốp méo xuyên tạc Pháp Phật. Thông thường nhất là sự lên án: "Phật pháp bi quan yếm thế vì cho đời là khổ. Thì đây: Chân lý thứ nhất là Khổ." Những người lên án như vậy sẽ nghĩ sao khi đọc kinh Thăng Man về Nhất đế, theo đó chỉ có "chân lý thứ 3," tức Niết bàn (an vui tuyệt đối) là thật, là cứu cánh?

Nhưng đó chỉ là ngộ nhận của người ngoại cuộc, không đáng nói làm chi. Đến như Phật tử, có người nghe nói đến Tập là nguyên nhân của khổ, vội dừng lại ở đây và kết luận: "À, thì ra mọi cái khổ mình chịu đều do tập quán từ đời trước, do cái "nghiệp" mình đã gây ra, thì chỉ còn nước rán chịu." Vì nghĩ như vậy mà mọi sự đều đổ thừa cho nghiệp, không muốn làm gì để chuyển đổi. Đó là tai hại gây nên bởi sự hiểu bốn diệu đế một cách phiến diện rời rạc, trong trường hợp này người ta chỉ chú trọng đến Tập, tách rời nó ra khỏi giáo lý nhất quán của Thế Tôn, trong đó Tập được nêu lên là cốt chỉ cho ta thấy có con đường đoạn diệt Tập, nghĩa là đoạn diệt cái nhân của khổ để chấm dứt khổ.

Khi hiểu được Tập và muốn đoạn diệt nó, có người bước sang giai đoạn tu đạo (Đạo đế) nhưng lại mắc kẹt ở đây vì chấp vào Đạo đế. Khi tu hành, có người chấp vào giới luật, cho đó là cứu cánh, không còn gì hơn. Đó là trường



hợp những người tu nhờ giữ gìn giới luật nên được tôn trọng cúng dường, rồi nhân đây lấy làm tự mãn, nên không tiến lên được. Có khi người ấy vượt qua được sự tự mãn về giới, siêng tu thiền định, nhờ giới mà đắc định, do đắc định nên khởi tâm tự mãn: người này bị kẹt ở định, quên mất cứu cánh của mình là để thoát khổ chứ không phải để đắc định hay có thần thông. Lại có người vượt qua được sự tự mãn về định, nhờ không tự mãn nên tu thiền định được rất ráo, rồi nhờ thiền định mà phát sinh trí tuệ: ở giai đoạn này họ cũng vẫn có thể bị kẹt không tiến đến giải thoát, khi khởi tâm cho rằng ta đây có trí, hơn người, ta biết, kẻ khác không biết. Do đó, người ấy cũng không đạt được Niết bàn. Trong *Kinh Trạm Xe* (TBK II), tôn giả Phú Lâu Na giảng cho tôn giả Xá Lợi Phất nghe bày giai đoạn đến Niết bàn như bày trạm xe, không có giai đoạn nào là tuyệt đối mà chỉ là phương tiện để đến cùng đích là Niết bàn:

- (1) Giới thanh tịnh là để được (2) tâm thanh tịnh hay định
- Tâm thanh tịnh là để được (3) đoạn nghi thanh tịnh (hết nghi)
- Đoạn nghi thanh tịnh là để được (4) Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (biết phân biệt chính tà).
- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là để được (5) Đạo tri kiến thanh tịnh (biết đường tu, tức 37 pháp trợ đạo)
- Đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến giai đoạn (6) Tri kiến thanh tịnh (thấy rõ tứ đế). Tri kiến thanh tịnh để đạt (7) Vô thủ trước Niết bàn (giải thoát hoàn toàn)

Như vậy, giới không phải là Niết bàn, vì nếu giới là Niết bàn tức là Niết bàn có thủ trước (chấp vào giới). Tâm thanh tịnh, đạo tri kiến, v.v... cũng thế, đều không phải Niết bàn, mà chỉ là những giai đoạn đến Niết bàn. Nói tóm, giới, định và cả tuệ nữa đều là những giai đoạn, là những phương tiện để đi đến cùng đích là Niết bàn. Cho nên không thể đắm trước bất cứ giai đoạn nào, dù là tuệ. *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* cũng dạy: "Tri kiến lập tri tức vô minh bổn." Tự đứng khởi lên cái thấy biết cho rằng ta hay, ta giỏi, ta biết, đó là cội gốc vô minh.

Trên đây đều là những tệ hại phát sinh do không quán triệt lý Nhất đế trong Tứ đế, do căn bệnh trầm kha của con người là ưa chia năm chẻ bảy những gì mà họ tưởng có thể chẻ, chia, nắm bắt.

Xin lặp lại, đức Phật chỉ dạy một chân lý duy nhất là Diệt đế, sự diệt khổ, chứng Niết bàn, thành Phật, như trong *Kinh Pháp Hoa* Ngài đã dạy: "*Ta chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời, đó là chỉ cho chúng sinh tri kiến Phật để ngộ nhập.*" "Tri kiến Phật" đó là thấy rõ chỉ có một cái duy nhất chân thật là Niết bàn, ngoài ra đều là giả dối hư huyền. Chứng diệt đế, Niết bàn có nghĩa là thấy rõ Khổ (phần thứ nhất của Tứ diệu đế). Thấy rõ đây là



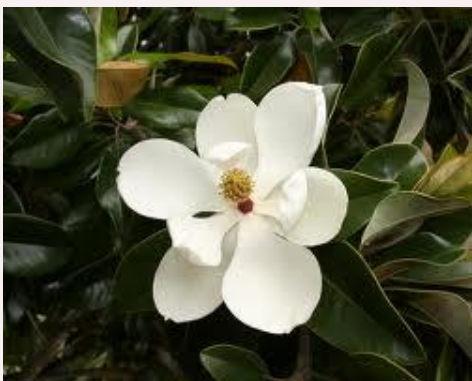
thấy rõ nó không thật, chỉ hiện hữu một cách huyền hóa, giai đoạn. Vì khổ không thật có nên mới có thể đoạn trừ dễ dàng, nếu khổ là thật thì đoạn cũng uổng công vô ích mà thôi. Khổ không thật có, nhưng ta vẫn thấy rõ ràng có khổ là vì sao? Tìm nguyên nhân, ta được biết cái sai lầm căn để là do ở lối nhìn của ta về thân tâm vũ trụ, một lối nhìn lệch lạc bệnh hoạn đã thành tập quán nhiều đời kiếp. Vậy chỉ cần sửa cái nhìn lại cho đúng, cũng như hư không vốn không có hoa đốm mà người tự thấy ra có hoa đốm là vì mắt bị bệnh. Tập đế (phần thứ hai trong Tứ diệu đế) — nguyên nhân của khổ — là nói về lối nhìn sai lạc ấy, căn để là thấy thật có cái tôi (do đó có sân), sở hữu của tôi (do đó có tham), thấy có một tự ngã tiếp tục (do đó có si, chấp chặt cái ngã không rời). Muốn đoạn trừ lối nhìn sai lạc ấy cần chữa cái bệnh của con mắt, theo một phương pháp của Phật dạy là Bát chánh đạo, đó là phần thứ tư trong Tứ diệu đế. Vì lối nhìn quan trọng như thế nên đứng đầu Bát chánh đạo là chánh kiến: thấy cho đúng như thật. Thấy đúng như thật thì Niết bàn chân thật được hiển lộ, Khổ, Tập tự tiêu tan, như khi mắt đã được chữa lành lặn bình thường thì bệnh mắt (Tập) hết, mắt hết bệnh thì không còn thấy hoa đốm lằng xằng (khổ) giữa hư không.

Nhưng, Niết bàn, Diệt đế không phải là kết quả của một cái gì, không phải là một mục đích nằm cuối một con đường tu đạo cam go đầy gian khổ, mặc dù thông thường ta đều có ảo tưởng như vậy, và sự trình bày Tứ diệu đế cũng cho ta cái cảm tưởng như vậy. Niết bàn vẫn ở ngay trước mắt ta, sở dĩ ta không thấy là vì mắt ta bệnh. Khi mắt ta hết bệnh thì tự nhiên thấy được hình sắc và hư không. Nhưng không thể nói hư không hình sắc ấy là mục đích, là kết quả của cái nhìn, vì tự bao giờ cũng như bây giờ chúng vẫn ở đây, không vì mắt ta bệnh mà hình sắc biến mất, mắt khỏi bệnh mà hình sắc hiện lên. Cái thấy có biến, có hiện ấy hoàn toàn là cái thấy chủ quan bệnh hoạn của con mắt, không dính gì tới hư không và hình sắc. Cũng như Niết bàn vẫn luôn luôn tại đây: dù ta có biết khổ, đoạn Tập, tu Đạo thì Niết bàn vẫn ở đó, mà ta không biết Khổ, không đoạn Tập, không tu Đạo thì Niết bàn cũng vẫn ở đó không hề xê dịch biến hiện, không vì không tu mà nó biến đi hay vì có tu mà nó sạch thêm, như lời thâm thúy sau đây của Nam Nhạc Thiền sư,

được Lục Tổ ấn chứng cho là đã ngộ nhập: "Tu chứng tức bất vô, nhiệm ô tức bất đặc." Tu chứng thì vẫn phải tu chứng, nhưng nhiệm ô vốn không có thật. (Điều này tối kỵ để lọt lỗ tai một kẻ ngu, cho nên các thiền sư thường chọn cách truyền đạt bằng gậy gộc và tiếng quát hơn là ngôn ngữ để gây ngộ nhận.)

Diệt đế, Niết bàn, nói tóm lại là chân lý duy nhất Phật muốn truyền đạt cho ta chứng nhập, nhưng khốn nỗi, không có danh từ nào để mô tả Niết bàn, nên thường thường Phật ưa dùng những từ ngữ phủ định để ám chỉ, khiến người nghe dễ hiểu lầm Niết bàn là cái gì tiêu cực, thụ động, phi thực: diệt, vô vi, vô tác, vô thủ trước v.v... Chúng ta ưa thắc mắc về Niết bàn, muốn biết "nó ra làm sao" trước khi khởi công tu tập, muốn biết thành Phật thì sẽ "như thế nào," nhưng đức Thế Tôn hoàn toàn im lặng về điểm ấy. Thiên kinh vạn quyển ghi lại 49 năm thuyết pháp của Ngài đều chỉ đề cập đến vô số pháp môn nghĩa là những cái "cửa" để đi vào Pháp, vào Niết bàn, mà không Kinh nào, lời dạy nào mô tả Niết bàn là thế nào cả, bởi vì như Kinh Thắng Man dạy: "Niết bàn siêu việt mọi tư duy mô tả." Cái đáng nói nhất, cái ta ưa nghe nhất thì khổ thay, Phật lại không thể nói cho ta được, có lẽ vì vậy mà đức Thế Tôn dạy "Trong 49 năm thuyết pháp, ta không nói lời nào." Vì những gì Ngài dạy chỉ là những cái thuộc "vòng ngoài," những phương tiện, những con đường, những pháp môn giúp ta nương theo để tự tu tự chứng. Theo đúng những đường lối của Phật đã chỉ, ta sẽ chứng được Niết bàn và khi ấy sẽ biết được "nó ra làm sao," như ai uống nước ngọt thì chỉ riêng kẻ ấy biết mùi vị, một người chưa uống thì dù có nghe nói nước ngọt thế này hay thế nọ cũng không sao biết được, huống chi đối với Niết bàn là cái vượt ngoài tư duy mô tả?

(trích tác phẩm Bóng Nguyệt Lòng Sông của NS. Thích Nữ Trí Hải)



RỘNG LƯỢNG

*Tâm rộng lượng như nắp lu đang mở
Khi mưa về nước sẽ chứa đầy lu
Tâm ích kỷ hầu bao đóng ngực tù
Không dung chứa những gì đang sẵn có*

*Sống rộng lượng đèn tâm thường sáng tỏ
Giúp đỡ người cuộc sống ý nghĩa thêm
Biết sẻ chia những hạnh phúc êm đềm
Cùng an lạc khi mọi người rộng lượng*

*Thứ tha nhau là một điều sung sướng
Lừa trong lòng không chắt chứa người ngoại
Hy xả thôi mới đáng bậc anh tài
Lòng thanh thản khi không còn thù hận*

*Tâm rộng lượng thể hiện tu tình tắn
Biết bao dung những nghịch cảnh cơ hàn
Cùng chung hưởng những thành tựu an Khang
Vui khi thấy mọi người đang phát khởi*

*Tâm thái hư lượng như châu sa giới
Mở lòng ra đón nhận tốt được nhiều
Bèn hẹp lượng dung chứa chẳng bao nhiêu
Đời an nhiên khi tâm ta rộng lượng.*

thơ

THÍCH VIÊN THÀNH

Chùa Pháp Hoa – Nam Úc,
đón mừng Xuân Đinh Dậu (2017)

KHÔNG THỂ ĐƯỢC

Quảng Tánh

Khi nhìn trẻ con khóc lóc cố đòi cho bằng được những vật ngoài khả năng sở hữu của cha mẹ nó, người lớn chúng ta hay mỉm cười cảm thông độ lượng. Chỉ có trẻ con mới cố đòi những vật “không thể được.” Khi nào lớn khôn các cháu sẽ hiểu.

Vậy mà không ít người đã lớn khôn, học rộng hiểu nhiều, thừa kinh nghiệm sống nhưng nhiều lúc chúng ta vẫn không hơn trẻ con là mấy. Vẫn hy vọng, mong chờ vô số điều vốn “không thể được.” Câu chuyện vua Văn-trà dưới đây là một điển hình.

“Một thời Tôn giả Na-la-đà ở trong vườn trúc của trưởng giả nước Ba-ca-lê. Bấy giờ vua Văn-trà có đệ nhất phu nhân mạng chung. Vua rất yêu bà chưa từng lia tâm. Khi ấy, có một người đến tâu vua:

- Đại vương nên biết! Nay đệ nhất phu nhân đã mạng chung.

Vua nghe phu nhân chết, ôm lòng sầu lo, nói với mọi người.

- Các người mau khiêng xác phu nhân, ướp dầu mè cho ta được thấy.

Bấy giờ, người ta vâng lệnh vua, đem phu nhân đặt trong dầu mè. Vua nghe phu nhân đã chết, hết sức sầu não, không ăn, không uống, không cai trị theo vương pháp, cũng bỏ bê việc vua. Khi ấy, tả hữu có một người tên Thiện Niệm, thường cầm kiếm hầu đại vương, tâu:

- Đại vương nên biết! Trong nước này có Sa-môn tên Na-la-đà đặc A-la-hán, có đại thần túc, hiểu rộng biết nhiều, không gì chẳng rành, biện tài dũng tuệ, khi nói thường cười nụ. Xin vua hãy đến nghe ngài thuyết pháp. Vua nghe pháp sẽ không còn sầu lo, khổ não nữa. (...)

Bấy giờ, vua ngồi xe vủ bảo ra khỏi thành đến chỗ Na-la-đà, đi bộ vào vườn trúc của trưởng giả; bỏ năm uy dung của nhân vương xuống một chỗ. Đến ngài

Na-la-đà, quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Khi ấy, Na-la-đà bảo vua:

- Đại vương nên biết! Pháp huyền mộng chớ khởi sầu lo, pháp bọt bèo, và chớ đem tuyệt vọng mà khởi sầu lo và cũng chớ nên đem tưởng pháp như hoa mà khởi sầu lo. Vì sao thế? Nay có năm việc rất không thể được, là lời Như Lai nói. Thế nào là năm? Phàm vật đáng dứt mà muốn cho chẳng dứt, điều này không thể được. Phàm vật đáng diệt mà muốn cho đừng diệt, điều này chẳng thể được. Phàm già mà muốn không già, điều này chẳng thể được. Lại nữa, bệnh mà muốn cho không bệnh, điều này chẳng thể được. Lại nữa, chết mà muốn cho không chết, điều này chẳng thể được. Đó là, này đại vương! Có năm việc này rất chẳng thể được, là lời Như Lai nói”...

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập II, phẩm 32. Thiện tự [trích], VNCPHVN ấn hành, 1998, tr. 231)

Khi mất đi một cái gì quý giá nhất, như mất người thân thương chẳng hạn thì niềm đau dường như khiến chúng ta hóa đá. Nỗi đau, tiếc thương như trùm phủ lên xám xịt cả cuộc đời này. Chúng ta trân trọng những niềm riêng ngập tràn xúc cảm ấy nhưng vấn đề là phải biết cách gượng dậy, bước tới để tiếp tục cuộc hành trình.

Trong kinh văn, Tôn giả Na-la-đà đã khai thị cho vua Văn-trà về tính vô thường của các pháp, rõ biết đó là điều “không thể được.” Vì vô thường xảy ra trong từng tích tắc mà ta cứ mong mọi sự thường hằng thì làm sao được.

Nên khi bị “mất, diệt, già, bệnh, chết” thì hãy quán chiếu: “Chẳng phải riêng một mình phải chịu. Người khác cũng có pháp này.” Nghĩa là, ai trên đời này cũng phải chịu “mất, diệt, già, bệnh, chết” cả, đây là điều bình thường luôn xảy ra với ta và mọi người.

Mặt khác, nếu cứ để cho niềm đau hành hạ mà không tự thoát ra thì rốt cuộc chỉ hại thân này. Thực tế có không ít người phải gánh chịu nỗi đau kép. Cái vật hay con người mất rồi thì đau khổ đã đành. Nhưng vì quá đau thương, chúng ta quyết không chấp nhận sự thật ở đời là “không thể được” để tự nguôi ngoai nên khổ đau lại chồng thêm đau khổ. Thế nên, thường suy ngẫm về vô thường để ngộ ra nhiều điều “không thể được” mà tùy duyên tiếp vật, sống tự tại an nhiên.



CÔNG HẠNH CỦA BẬC CAO TĂNG

Tuệ Sỹ

(KỂ LẠI MỘT VÀI CHI TIẾT VỀ HT. THÍCH TRÍ THỦ VÀ GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP GHPGVN)

LTS: Bài sau đây đánh máy lại từ băng ghi âm buổi nói chuyện của Thầy Tuệ Sỹ với Tăng sinh Thừa Thiên - Huế, vào năm 1999 sau khi Thầy được ra khỏi tù (sau hơn 14 năm trong tù Cộng sản - từ 1984 đến 1998). Đọc để hiểu thêm về giai đoạn hình thành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thuộc Mặt Trận Tổ Quốc, cũng như công hạnh của những bậc rường cột Phật giáo trước những phong ba, bão táp của thế cuộc. Nơi đây chỉ trích những đoạn cần thiết liên quan chủ đề; tựa đề do Chánh Pháp đặt.

"... Bây giờ nói đến sự kế thừa. Hồi trong thời kỳ căng thẳng, khi Phật học viện giải tán rồi, tôi có nói với Ôn Già Lam, "Ôn nhìn xuống còn có đám tụi con" - nghĩa là còn có những học trò có khả năng, giỏi, kế thừa được - còn tụi con nhìn xuống thì chưa thấy ại cả. Mà Ôn cũng thấy như vậy, Ôn nói đúng, "tụi có phước hơn mấy thầy." Tức là, những năm đó tan rã hết, mấy thầy không còn ai, mà sau này Ôn phải nói là "tôi sẽ chịu nhọc cho mấy thầy làm việc." Đến bây giờ nhắc lại tôi vẫn còn muốn rơi nước mắt: "Tôi già rồi, tôi sẽ chịu nhọc cho mấy thầy làm việc." Mà chính vì đó, bằng mọi giá - tôi đã trình với Ôn - cái sức mạnh của Phật giáo không phải là chính trị, mà là văn hóa và xã hội, mà giáo dục là hàng đầu. Có thể mất cái gì cũng được nhưng không thể để một ngày mà không giáo dục Tăng ni. Thành ra bằng mọi cách mình phải lập lại trường học; dưới mọi hình thức phải có trường học. Nhưng mà đương nhiên mình học rồi mình dạy, thầy truyền trò, chứ không thể có bất cứ người nào muốn mình dạy sao cũng được. Còn như nếu tôi không được dạy theo ý kiến của tôi, theo sự hiểu biết của tôi, mà đằng sau tôi có người biểu phải dạy thế này, thế kia, thì không bao giờ tôi đi dạy. Nếu sau lưng tôi là quý thầy quý Ông thì được, tôi còn quay lại mà trình bày; nhưng nếu đằng sau đó là ai đó, là chính quyền, hay thế lực, mà ra lệnh, thì tôi không thể dạy..."

"... Tôi nói cái nguyên nhân khai sinh ra GHPGVN, và từ khi giáo hội này ra đời. Đó là thời kỳ rất căng thẳng. Lúc đó Hòa Thượng Trí Thủ làm Viện trưởng, và có hôm đi họp về ông kể lại với tôi là tiếp xúc với chính quyền - hồi đó Mai Chí Thọ làm chủ tịch UBND TP. HCM - họ căng thẳng với các thầy bên



Viện Hóa đạo quá. Ông Mai Chí Thọ nói thế này: "Các thầy chỉ có hai con đường: một là theo hai là chống. Các thầy theo, chúng tôi dành nhiều thứ yểm trợ các thầy; còn các thầy chống, chúng tôi có đủ xe tăng thiết giáp, các thầy muốn chống thì chống đi!" Cả hai cái đối với mình đều sai cả. Đó là thái độ hăm dọa, mà Hòa thượng cũng nói rõ: "Theo chúng tôi không theo, mà chống chúng tôi cũng không chống." Nhưng họ nói không có con đường thứ ba. Rồi họ tới khi vận động thành lập thống nhất... tôi chỉ nói tâm trạng của Hòa thượng, Ôn rất căng thẳng. Nghĩa là Ôn không muốn làm nữa, dưới áp lực như vậy của chính phủ Hoàn toàn Ôn không muốn làm. Có hôm tôi dậy lúc 3 giờ 30. Hôm đó mới thức dậy, thì thị giả lên thưa với tôi ôn dậy từ lúc 2 giờ, Ôn chờ thầy, và Ôn mời thầy qua uống trà. Tôi qua nói chuyện với Ôn. Ôn bảo muốn rút lui, Ôn chịu không nổi vấn đề này. Thì tôi có ý kiến. Tôi nói hoặc Hòa thượng tiếp tục làm, hoặc Hòa

thượng ra lãnh đạo giáo hội mới. Thì đó là ý kiến của tôi chứ tôi không xúi Hòa thượng, mà tôi có xúi cũng chưa chắc Ôn nghe, Ôn có quyết định của Ôn chứ. Rõ ràng Ôn còn thắc mắc chuyện này, mà ở đây có thầy Thái Hòa chắc nhiều lần có nghe Ôn nói, "Tôi sẽ chịu nhọc cho mấy thầy làm việc." Rồi thì, trong thời kỳ thảo luận bàn về hiến chương, Hòa thượng hay về bàn với tôi và thầy Thất. Trong đó có một điều khoản thế này: GHPGVN là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Cả tôi với Ôn và thầy Thất thấy không thể chấp nhận được. Vì trên lý thuyết, Mặt trận Tổ quốc là một tổ chức chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà Phật giáo không làm chính trị. Nếu vô đó nó trở thành một tổ chức chính trị chứ không còn là giáo hội Phật giáo, nên Hòa thượng cương quyết chống. Họ thuyết phục rất nhiều. Ban đầu là thành phố, không được. Sau họ sai bà Ngô Bá Thành, là luật sư, lên thuyết phục, nói lý với Hòa thượng. Sau Ôn kể lại với tôi, Ngô Bá Thành lên đây nói với Ôn về cái chuyện đó. Ôn bảo mình thì không cãi luật lại Ngô Bá Thành rồi, người ta là luật sư mà, nhưng Ôn nói như vậy: "Trong Mặt trận có Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên hiệp Thanh niên... mà giáo hội tui toàn là cao Tăng, đại đức mà biểu chúng tôi ngồi chung với mấy bà thì làm sao chúng tôi ngồi?" Bà Ngô Bá Thành không trả lời được. Ôn đơn giản lý

luận chừng đó thôi. Nhưng mấy thầy biết, qua cách lý luận đó mấy thầy thấy cái vị trí giáo hội như thế nào. Ôn không cần luật mà Ôn nói một cách cụ thể, để tránh luật mà. Cho nên, cần phải biết cái vị trí của GHPGVN như thế nào: nó chỉ là một hiệp hội, tuy cũng dùng hai chữ Giáo hội như bên đây thôi. Nhưng họ có nhiều cách đánh tráo. Khi dịch ra tiếng Anh người ta không dịch Giáo hội - nói trong tiếng Anh không có chữ Giáo hội, mà dùng chữ Association, một hiệp hội, như Association of Women: Hội Liên hiệp Phụ nữ; ngang nhau! Một Giáo hội với Hội LH Phụ nữ, LH công nông v.v... ngang nhau. Như vậy thì nói mình lãnh đạo ai? Ôn chủ tịch Giáo hội cũng như bà chủ tịch hội Phụ nữ, trong Mặt trận ngũ ngang nhau, thì nói ông lãnh đạo tui sao được? Hòa thượng thấy liền, Ôn không chịu. Thì họ không nói nữa. Sau ra Hà nội họp, họ vẫn đề nghị lại, nhưng Ôn chống tới cùng, và nói nếu không được thì thà Ôn từ chức. Bên Mặt trận, Ban Tôn giáo, thuyết phục không được, chính phủ thuyết phục không được, Đảng cũng không được; Ôn cương quyết. Đó là giai đoạn căng nhất của Hòa thượng. Mà Ôn già rồi. Mà mình biết, Ôn là người chơn chất tu hành không biết thủ đoạn chính trị, không có một khả năng chính trị nào hết. Ôn không có khả năng đối phó; không thích thì Ôn lằm lì, thế thôi. Thế nhưng lúc đó không có một thầy nào yểm trợ Hòa thượng, họ xa lánh Hòa thượng. Ngay cả Ôn Từ Đàm lúc đó cũng sợ không dám nói chuyện với Hòa thượng. Mấy ngày liền Ôn ở một mình. Mình phải hiểu tâm trạng của ông già lúc đó: không ai đến với Ôn hết, không dám nói chuyện với Ôn, sợ liên lụy, sợ người ta nói mình xúi giục Ôn vì Ôn vẫn cương quyết, một mình cũng cương quyết không chấp nhận. Mà mình biết Hòa thượng rồi, Ôn tu hành đức độ thì có, mà khả năng ăn nói hay đối phó không có bao nhiêu, đối với cái tập thể chính trị họ nhiều thủ đoạn như vậy, mà Ôn vẫn cương quyết. Cuối cùng họ sợ Ôn từ chức, họ chấp nhận thế này: để là CO thành viên trong MTTQ. Ôn chấp nhận: CO chứ không phải LA thì ai muốn vô thì vô, khi cần thì mình cứ người vô, không thì thôi. Vậy nên Ôn chấp nhận. Sau về Ôn kể với tôi, lúc đó thầy Từ Hạnh là Tổng thư ký, đưa biên bản lên cho Ôn ký, Ôn thấy chữ "LA thành viên," Ôn bảo: "Mấy thầy thấy tui già mấy thầy gạt tui; trước nói là CO, tại sao bây giờ để chữ LA? Tôi không ký!" Ký biên bản như vậy Ôn không ký. Mấy thầy thấy cái chuyện nó lắt léo như thế. Đó là chuyện khai sinh cái giáo hội..."

"...Rồi tới chuyện khác nữa. Cái này Ôn Già Lam đi họp về nói lại với tôi. Đó là vấn đề tổ chức cơ cấu. Trên Đảng người ta chỉ cho mình tổ chức Ban trị sự (BTS) tới cấp tỉnh thôi, Hòa thượng mới nói, Phật tử chúng tôi người ta sinh hoạt ở thôn, xã chứ còn trên tỉnh chỉ có mấy thầy không hà. Nếu BTS chỉ ở cấp tỉnh thì chỉ có mấy thầy với nhau không, Giáo hội không lãnh đạo được Phật tử. Phải có BTS tới thôn, xã. Họ không chịu, cãi nhau căng, tới nỗi có lúc Ôn đập gậy lên bàn, Ôn đòi về. Ôn nói vì đây là trách nhiệm lịch sử của Ôn, không thể để cho lịch sử sau này lên án Ôn, chê cười Ôn. Sau họ chấp nhận cho tới quận, mà Ôn nói với tôi thế này, mình không thể làm căng được, mình đòi cho tới xã nhưng cuối cùng họ chỉ nhận tới quận thì tạm thời cũng được, rồi mình tranh đấu từ từ. Nhưng mà, trong này có hai điểm: Thứ nhất, tại sao lại phải đòi? Tổ chức của mình, mình làm đúng; nếu chỗ nào vi phạm chính sách thì nhà nước gạt bỏ, còn việc tổ chức sinh hoạt tui tổ chức tới đâu mặc kệ tui. Nếu vi phạm chính sách, phạm luật, thì phạt! Chứ không có chuyện xin; cái gì cũng xin phép, không có chuyện đó. Và điểm



này nữa, thuộc về cái lắt léo của danh từ: cho tới quận, nhưng gọi là Ban đại diện (BĐD) chứ không phải BTS. Giáo hội thống nhất thì từ trên xuống dưới tới quận đều là BĐD. Mà như vậy, mấy thầy nếu có sinh hoạt mấy thầy biết đó, khi BTS tỉnh họp, các quận về họp vì là BĐD nên mấy thầy chỉ có quyền nghe và trình thôi, có nghĩa là mấy thầy không lãnh đạo được Phật tử mình dưới quận. Mà nếu mấy thầy không lãnh đạo thì ai vô đây? đương nhiên là mấy ông trong Mặt trận thôi. Rõ ràng là tổ chức thế nào để cho nhà nước vẫn kiểm soát Giáo hội. Tôi nói điều này có hơi xa đề một chút nhưng để mấy thầy hiểu cái vấn đề tổ chức. Sau này nếu ở vị trí lãnh đạo, ngay từ bây giờ mấy thầy phải ý thức được chuyện đó. (... hết mặt bằng, thiếu 1 đoạn) ... một cái Giáo hội cho có hiệu quả, và cái hình thức thế nào để đừng trở thành công cụ của bất cứ thế lực chính trị nào.

Hôm trước ở bên Châu Lâm ông Ngọc có lên thăm và nói chuyện, tôi cũng có nói vấn đề này: Vấn đề Giáo hội nằm trong Mặt trận, tôi không chấp nhận. Còn vấn đề liên hiệp giữa hai giáo hội. Tôi nói lập trường của chúng tôi là không có vấn đề liên hiệp. GHPGVN là thành viên của MTTQ, đó là một tổ chức chính trị; chúng tôi không làm chính trị, không liên hiệp với bất cứ tổ chức chính trị nào. Rồi người ta có nói rằng trong qui chế, trong hiến pháp mình thì Đảng lãnh đạo tất cả. Tôi nói tôi biết điểm đó. Tôi còn biết Lenin đã nói "Đảng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng." Lenin nói, cán bộ cộng sản nào mà đàn áp tôn giáo là phản động. Lenin không chấp nhận chuyện đàn áp tôn giáo; trong cộng sản không có chuyện đàn áp tôn giáo, đó là Lenin đã chỉ thị. "Đảng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng" có nghĩa là tôn giáo là một công cụ chính trị của Đảng. Vì Đảng không đủ khả năng tập hợp, phải mượn tay tôn giáo tập hợp dùm. Mà tôi không bao giờ để cho Phật giáo làm công cụ cho bất cứ đảng phái chính trị nào. Như Liên xô, một đảng phái chính trị, 70 năm thì sụp. Cứ cho là đảng CSVN tồn tại 1000 năm nữa đi, tôi cũng không bao giờ đem 2500 năm lịch sử truyền thừa Phật giáo ra làm công cụ cho bất cứ đảng phái nào. Tôi còn nói: "Nếu mà lời nói này của tôi là tự đào hố chôn mình, tôi vẫn sẵn sàng tự chôn mình, chứ không thể chấp nhận chuyện đó. Còn nếu nói là luật pháp, đúng, tôi tôn trọng luật pháp, nhưng luật pháp mà xâm phạm lý tưởng của tôi, tôi không chấp nhận cái luật pháp đó, chứ đừng có dùng chữ luật pháp với tôi." Đúng là ở trong đất nước nào thì phải tôn trọng luật pháp đó, nhưng nếu tự mình đặt ra luật pháp để dùng luật pháp đó xâm phạm tới giá trị, xâm phạm lý tưởng của người khác thì tôi không chấp nhận luật pháp đó, tôi sẵn sàng chịu chết. Tôi đã từng đứng trước bản án tử hình rồi, tôi không sợ, tôi chấp nhận nó. Đây không phải tôi thách thức, mà là vấn đề lý tưởng của mình..."

IN KINH

Có người rất ái mộ Thiên
Cho nên quyết chí tìm tiền in kinh
Dù gian khó vẫn tiến hành
Dù cho tốn kém lòng thành khắc ghi.
Vượt đèo lội suối ông đi
Quyên tiền khắp nẻo sá chi thân mình,
Tìm người thiện cảm, nhiệt tình
Góp phần công đức in kinh cùng đường,
Bạc tiền Phật tử mười phương
Cúng nhiều cúng ít ông thường coi ngang
Cám ơn những tấm lòng vàng
Với lời quý trọng luôn bằng như nhau.
Mười năm thấm thoát trôi mau
Ông gom tiền đủ, bắt đầu in kinh,
Nào ngờ nạn lụt thành linh
Nước sông năm đó dâng nhanh ngập tràn
Bà con đói khổ than van
Mùi lòng trước cảnh lầm than quanh mình
Bao tiền quyên để in kinh
Ông đem cứu đói chúng sinh trong vùng.
Hết tiền ông chẳng ngại ngừng
Bắt đầu quyên lại vô cùng hăng say,
Vài năm sau chợt buồn thay
Tai ương bệnh dịch lan đầy khắp nơi
Bà con hoạn nạn kêu trời
Thấy bao cảnh khổ, ông rơi lệ sầu
Bao tiền quyên góp bấy lâu
Ông mang ra giúp há đâu ngại ngần.
Thế rồi ông lại quyết tâm
Ra công quyên góp một lần thứ ba,
Hai mươi năm nữa trôi qua
Lần này ý nguyện nở hoa nhiệm mầu
Quyên tiền bạc, đạt yêu cầu
Ông in kinh để dài lâu cho đời
Một bộ kinh rất tuyệt vời
Thơm lừng hương Đạo, rạng soi ý Thiên
Và trong tu viện khắp miền
Kinh kia tàng trữ lưu truyền mãi thôi.
Biết bao thế hệ qua rồi
Người già nói lại cho đời hậu sinh
Rằng: "Xưa ông có công trình
Kinh thơm ba bộ hoàn thành trước sau
Tuy rằng hai bộ kinh đầu
Vô hình nhưng lại thấm sâu cõi lòng
Tâm từ tỏa ngát không trung
So ra vượt bộ sau cùng biết bao!"

(thi hóa phỏng theo "Publishing The Sutras"
trong tập truyện văn xuôi "101 ZEN STORIES"
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

TỤNG KINH

Bác nông dân rất thiết tha
Đi mời tu sỹ về nhà tụng kinh
Cầu cho vợ được siêu sinh
Vợ yêu khuất núi, gia đình nhớ nhung.
Khi tu sỹ tụng kinh xong
Bác bèn ướm hỏi với lòng hoài nghi:
"Phước độ lời tụng kinh kia
Vợ tôi chẳng biết hưởng gì được chẳng?"
Mím cười tu sỹ nói rằng:
"Tụng kinh lợi ích sẽ mang tốt lành
Lợi cho bác gái đã đành
Còn cho tất cả chúng sinh hữu tình!"
Bác nông dân chợt lặng thinh
Rồi lo ngại hỏi: "Tụng kinh phước nhiều
Vợ tôi hưởng được bao nhiêu
Theo như thầy nói những điều mới đây
Chúng sinh chung hưởng phước này
Sẽ giành sẽ giết hết ngay phước rồi
Vợ tôi yêu đuối, thua người
Hưởng chi công đức của lời cầu kinh,
Thầy ơi! Thầy có thương tình
Xin thầy chỉ tụng cho mình bà thôi!"
Ôn tồn tu sỹ trả lời:
"Người con Phật phải sống đời từ bi
Lòng tham, tự ngã dẹp đi
Quyết tâm hồi hướng phần chia phước lành,
Tụng kinh công đức tạo thành
Hiển dâng cùng khắp chúng sinh muôn loài!"

*

Bác nông dân ngẫm nghĩ hoài
Sau khi nghe kỹ được bài giảng trên
Cuối cùng bác khẽ thốt lên:
"Lời thầy vừa dạy quả nhiên tốt lành
Nhưng xin thầy hãy nể tình
Trừ ra một kẻ gian manh, xấu tôi
Đó là hàng xóm của tôi
Bất lương, hung bạo, lắm lời xưa nay,
Xin thầy loại hẳn ra ngay
Đừng chia phước báu khi thầy tụng kinh
Đừng cho hẳn hưởng an bình
Loại ra khỏi đám chúng sinh của thầy!"

(phỏng theo Reciting Sutra
trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES của Ny-
ogen Senzaki và Paul Reps)

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

GIẢI THOÁT NẴM GIỮA HAI TƯ TƯỞNG

Nguyễn Thế Đăng

Giải thoát hay tánh Không thì không chỗ nào không có, nên bất cứ ở đâu chúng ta cũng có thể gặp nó. Tánh Không, vô tự tánh của cái tôi và tất cả sự vật thì có thể tìm thấy nơi sự vật cũng như chính nơi tâm thức này. Bởi vì tánh Không là bản tánh của sự vật và của tâm thức. Trong bài này, chúng ta tìm hiểu và thể nghiệm tánh Không nơi tâm thức hiện có của chúng ta, nơi không có tư tưởng và nơi đang có tư tưởng. Tánh Không nằm giữa hai tư tưởng thường được nói đến trong hai truyền thống Phật giáo Tây Tạng và Trung Hoa, mà Thiền tông, Đại Toàn Thiện (Dzogchen), và Đại Ấn (Mahamudra) là những đại diện tiêu biểu.

1. Tư tưởng là gì, tại sao có tư tưởng?

Tư tưởng, hay niệm, sanh khởi khi một chủ thể tâm thức gặp một đối tượng của nó. Đối tượng đó là đang gặp, hoặc đã gặp, hoặc sẽ gặp. Không có một chủ thể là một cái tôi thì không có tư tưởng. Không có một đối tượng cho cái tôi ấy thì cũng không có tư tưởng. Không bao giờ có một chủ thể mà không có đối tượng; và cũng không bao giờ có một đối tượng mà không có chủ thể. Chủ thể và đối tượng duyên sanh lẫn nhau, và trong môi trường duyên sanh ấy, tư tưởng xuất hiện. Tư tưởng duyên sanh từ chủ thể và đối tượng, là hai cái duyên sanh căn bản, cho nên tư tưởng là duyên sanh của duyên sanh.

Giữa hai tư tưởng, khoảng trống không có tư tưởng ấy, không có một duyên sanh nào cả, không có một chủ thể cái tôi nào cả, không có một đối tượng nào cả. Trong khoảng trống không giữa hai tư tưởng không có sự tương tục của một cái tôi hay một cái ở ngoài tôi. Sự tương tục của chấp ngã và chấp pháp tạm thời bị cắt đứt. Chính đây là trạng thái vô ngã, vô pháp. Chính đây là trạng thái tánh Không, mà ở nơi tâm thức thì gọi là tâm Không. Chính đây là cánh cửa mở vào không gian giải thoát.

Kéo dài khoảng cách giữa hai tư tưởng và nhìn sâu vào đó, chúng ta thấy đó là một trạng thái vắng bật cái tôi và những sự vật, vắng bật chấp ngã và chấp pháp, mọi thứ đều bị cắt đứt, đều được xa lìa (viên ly), chúng ta bắt đầu cảm nghiệm trạng thái giải thoát là gì. Chúng ta bắt đầu thấy ra bản tánh của tâm thức. Bản tánh của tâm thức là tánh Không.

Thiền là làm quen với trạng thái đó, và khi ở lâu được trong trạng thái đó, nỗ lực nhìn vào bản tánh của tâm thức trong trạng thái đó, những che chướng của chấp ngã chấp pháp dần dần mỏng, rơi rụng, cho đến khi người ta trực tiếp thấy tánh Không hay Pháp thân nằm giữa hai tư tưởng.

Nói theo kinh Kim Cương, giữa hai tư tưởng là cái tâm không chỗ trụ, không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, không có thọ mạng. Đây là sự giải thoát.

Giữa hai tư tưởng, thật sự là trạng thái không tư tưởng, trạng thái vô niệm, cũng như giữa hai đám mây là bầu trời.

Guru Rinpoche Padmasambhava nói trong Tư Giải Thoát Qua Cái Thấy Với Tánh Giác Trần Trụi (Thiện Tri Thức xuất bản): *"Khi con ngược nhìn không gian bầu trời ngoài bản thân con, Nếu không có những tư tưởng được phóng chiếu ra và khi con nhìn vào tư tâm trong bản thân con Nếu không có người phóng chiếu những tư tưởng bằng cách nghĩ đến chúng, Bây giờ tâm con trở nên trong sáng rạng rỡ mà không có cái gì được phóng chiếu Bởi vì Tịnh Quang của Tánh Giác của con là trống không, nó là Pháp thân, Giống như mặt trời mọc trong một bầu trời không mây sáng sủa."*

Patrul Rinpoche nói trong Những Chữ Vàng (Nxb Thiện Tri Thức): *"Thứ nhất, để cho tâm trong trạng thái buông xả Không có tư tưởng, không phân tán cũng không tập trung Khi ở trong trạng thái này, thư thả và buông xả trọn vẹn, Đột nhiên thốt lên PHAT! đánh tan tư tưởng khởi sanh Mạnh mẽ và tức khắc. Kỳ diệu thay! Không còn gì khác ngoài một cái tỉnh giác đến sùng sốt Không có gì khởi lên có thể ngăn trở nó; nó không thể mô tả Người ta cần nhận biết cái ấy là tánh Giác tức thời vốn sẵn, nó chính là Pháp thân. Sự trực tiếp đưa vào tự tánh này là điểm thiết yếu thứ nhất."*

Chúng ta thấy, những đánh hét của các thiền sư cũng là để chặt đứt sự tương tục của dòng tư tưởng, để lộ ra tánh Giác vô niệm nơi đệ tử.

Lục tổ Huệ Năng nói với sư Huệ Minh: *"Không nghĩ thiên, không nghĩ ác; chính ngay lúc đó là bốn lai diện mục của Minh thượng tọa."*

Trong phẩm Sám hối, Lục tổ nói: *"Tư tâm không chỗ bám níu, chẳng nghĩ thiện,*

chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại, đó gọi là Giải thoát hương." Lục tổ còn nói: "Niệm trước chẳng sanh là tâm, niệm sau chẳng diệt là Phật." Thực tại chẳng sanh chẳng diệt nằm giữa niệm trước và niệm sau, đó là Tâm, đó là Phật. Hơn nữa, thực tại chẳng sanh chẳng diệt này thông suốt, thấu thoát tất cả mọi niệm trước và mọi niệm sau. Đó là Tâm Phật.

Thiền sư Lâm Tế nói: "*Tâm pháp vô hình, thông suốt mười phương. Ở mắt gọi là thấy, ở tai gọi là nghe, ở mũi gọi là ngửi, ở miệng thì nói năng, ở tay thì cầm nắm, ở chân thì đi đứng. Vốn là một tinh minh phân làm sáu phần hòa hợp. Hễ tâm niệm đã không thì ở đâu cũng giải thoát...*"

"*Các ông muốn làm Phật thì đừng chạy theo muôn pháp. Tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh. Tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt. Một niệm không sanh thì muôn pháp không lỗi.*"

Chỉ, quán và chỉ quán đồng thời là ba phép tu tâm căn bản của Phật giáo. Bằng ba pháp ấy, an trụ (chỉ) lâu trong trạng thái vô niệm giữa hai tư tưởng; quan sát (quán) trạng thái một niệm chưa sanh này, và đồng thời vừa an trụ, vừa quan sát, cho đến một lúc nào, khi phiền não chướng và sở tri chướng đã rơi rụng phần lớn, Vô niệm, hay Vô sanh, hay Pháp thân, hay tánh Không, thành linh lộ ra. Đó là bốn lai diện mục của mỗi chúng ta.

2. Bản tánh của tư tưởng

Và không chỉ giữa hai tư tưởng, ngay nơi một tư tưởng, nếu theo dõi nó cho đến tận gốc rễ của nó, nó sanh khởi từ chỗ nào, hiện hữu nơi nào, rồi tan biến nơi nào, chúng ta sẽ nhận ra tâm Không vô niệm này. Chính ở đó, người ta tìm thấy tự do và bình an. Chính ở chỗ không có sự tương tục của ngã và pháp, nơi ấy có trí huệ và tình thương. Ở đó có trí huệ, vì ánh sáng tự tâm không còn bị tướng và tưởng ngăn che. Ở đó có tình thương, vì tình thương chỉ có khi thấy được sự bình đẳng và đồng nhất của mình với tất cả những người khác và tất cả sự vật. Những tư tưởng thì khác biệt đến vô cùng, nhưng tâm Không vô niệm là cái bình đẳng và đồng nhất của tất cả.

Tất cả chúng ta đều đang sống trong tâm Không vô niệm này, nghĩa là đang sống trong tự do, tình thương, bình an, bình đẳng, đồng nhất ấy.

Vô niệm là nền tảng hay là bản

tánh của tâm thức, nhưng vô niệm không phải là hoàn toàn không có tư tưởng nào cả. Để sống ở đời, phải có tư tưởng, vì sống là sống với tư tưởng và bằng tư tưởng. Ngay cả một bậc giải thoát cũng có tư tưởng, nghĩa là có ý thức, để biết mình đang ở đâu, định đi đến đâu, sẽ nói điều gì, và nói với ai. Giải thoát hay vô niệm không phải là hoàn toàn không có niệm. Vô niệm không có ý nghĩa đoạn diệt như vậy.

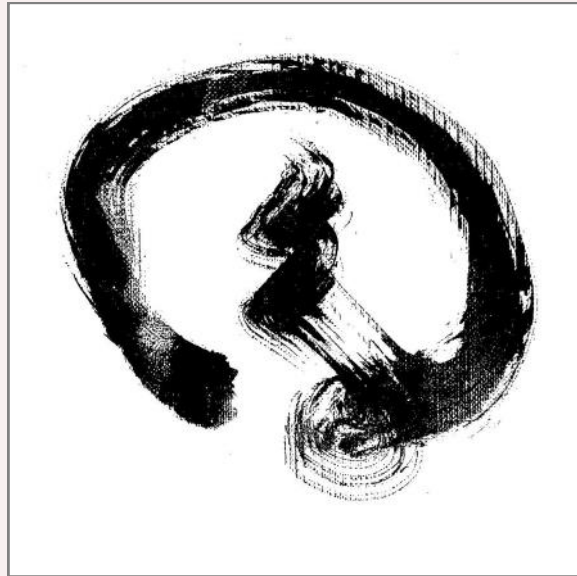
Lục tổ nói: "*Thứ năm là Giải thoát tri kiến hương. Tự tâm đã không duyên níu theo thiện ác, cũng không đắm chìm vào không và giữ một bề vắng lặng, tức là nên học rộng nghe nhiều, biết rõ bản tâm, thấu đạt đến lý tánh của chư Phật, hòa quang tiếp vật, không ta không người, thẳng đến Giác ngộ, chân tánh không biến đổi, gọi là Giải thoát tri kiến hương.*"

Thật ra với người đã thông đạt nền tảng hay bản tánh của tâm thức, nghĩa là nền tảng hay bản tánh của những tư tưởng, thì tư tưởng hay niệm là vô hại. Nền tảng hay bản tánh ấy là vô niệm và vô sanh, nên tư tưởng lưu xuất từ đó cũng vô niệm và vô sanh.

Cho nên, trong tất cả mọi truyền thống Đại thừa, hành giả không chỉ "*Nhìn vào tâm an định*" nghĩa là tâm không có tư tưởng mà còn "*Nhìn vào tâm chuyển động hay khởi tướng*" để "*Nhận ra bản tánh của tâm an định*" và "*Nhận ra bản tánh của tâm chuyển động hay khởi tướng*" là cùng một bản tánh. Bốn câu đề trong ngoặc kép này là bốn đầu đề chương của cuốn Đại Ân, Thiền Xóa Tan Bóng Tối Vô Minh của Karmapa thứ Chín (Nxb Thiện Tri Thức).

Nếu bản tánh của tâm thức là thể, thì những tư tưởng là dụng của nó. Thể là vô niệm, vô sanh; thì dụng là những tư tưởng là sanh tức vô sanh, vô sanh mà sanh.

Patrul Rinpoche nói trong Những Chữ Vàng: "*Vào lúc đó, bất cứ tham hay sân, vui hay buồn Bất cứ tư tưởng lan man nào thành linh khởi lên. Trong trạng thái nhận biết chúng, người ta không theo chúng. Từ đó người ta nắm giữ sự nhận biết Pháp thân về mặt Giải thoát, Bấy giờ giống như hình vẽ trên mặt nước, Không có cách hở giữa tự sanh khởi của những tư tưởng và tự giải thoát của chúng. Bất cứ cái gì khởi lên trong tâm đều thành thực phẩm cho tánh Giác rộng không trần trụi; Khi nào những động niệm xảy ra, chúng tiêu biểu năng lực sáng tạo của Vua Pháp thân;*"



*Không để lại dấu vết, những tư tưởng ấy là tự
tịnh hóa. A-la-la!"*

Những tư tưởng, hay thức phân biệt, đã trở thành vô hại một khi người ta biết được bản tánh của tâm thức. Khi ấy những tư tưởng "tự sanh khởi và đồng thời tự giải thoát." Nói theo thuật ngữ Duy thức, thức vô hại vì "thức đã chuyển thành trí." Như sóng biển thì vô hại với đại dương. Hơn thế nữa, sóng là sự biểu lộ của năng lực sáng tạo của đại dương.

Sư Huyền Giác, khi gặp Lục tổ, đi nhiều ba vòng rồi chống tích trượng mà đứng. Tổ trách không đủ oai nghi của bậc Sa-môn.

Huyền Giác nói: "Việc sanh tử là lớn, vô thường thì nhanh chóng."

Tổ nói: "Sao chẳng nhận lấy cái vô sanh, rõ cái không mau chóng?"

Đáp rằng: "Thế tức vô sanh, rõ vốn không chóng."

Tổ nói: "Quả vậy, quả vậy!" Huyền Giác bèn đủ oai nghi, lễ lạy; giây lát cáo từ. Tổ nói: "Sao về nhanh thế?" Đáp rằng: "Vốn tự chẳng động, sao có nhanh chóng ư?" Tổ nói: "Ai biết chẳng động?" Đáp rằng: "Nhân giả tự sanh phân biệt." Tổ nói: "Ông thật đặc sâu ý chỉ vô sanh." Đáp rằng: "Vô sanh há lại có ý sao?" Tổ nói: "Không có ý thì cái gì đang phân biệt?" Đáp rằng: "Phân biệt cũng chẳng phải ý." Tổ nói: "Hay thay!"

Khi chưa ngộ bản thể của tâm thức, thì ý hay những tư tưởng là cái loạn động, phân biệt, chia cắt, phân mảnh, là cái tai hại. Khi ngộ nhập được bản thể của tâm thức thì ý là dụng của cái thể vô niệm vô sanh này. Ý hay những tư tưởng khởi từ cái vô niệm vô sanh, hiện hữu trong cái vô niệm vô sanh và biến mất trong cái vô niệm vô sanh nên ý hay những tư tưởng tự chúng là vô niệm vô sanh. Bề ngoài thì vẫn là ý, vẫn là những tư tưởng, nhưng bản chất của chúng đã chuyển thành trí rỗng không, toàn khắp và vô phân biệt. Cũng như những sự vật bằng sắt, khi bản chất của chúng đã biến thành vàng thì chúng vẫn giữ nguyên hình dáng, nhưng chúng là vàng.

Thế nên, ý hay thức, là trí. Duy thức nói là ý phân biệt chuyển hóa thành Trí diệu quan sát. Có tư tưởng, có phân biệt, nhưng sự phân biệt này "chẳng phải ý," mà là trí. Tư tưởng là sự biểu lộ của trí huệ. Bởi thế, những vị thầy của dòng Đại Toàn Thiện nói: "Những tư tưởng là trò chơi, là sự phô diễn của tánh Giác Pháp thân."

Thức, hay những tư tưởng, là sanh tử. Trí bao la, không giới hạn và không nhiễm ô là Niết-bàn. Khi thức hay những tư tưởng đạt đến cội nguồn của chúng, bản tánh của chúng, chúng chuyển hóa thành trí. Sanh tử của thức chuyển hóa thành Niết-bàn của trí. Khi ấy, thức hay những tư tưởng là sự biểu lộ của Niết-bàn.

Nguyễn Thế Đăng

VỀ NÈO PHẬT

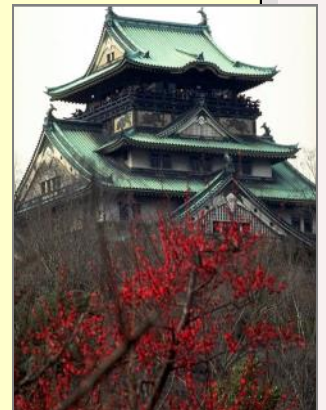
*Gát bỏ lợi danh đến cửa thiền
Quên đời ô trọc ắt là duyên
Câu kinh tiếng mõ bưng tâm thức
Lời kệ hồi chuông tỉnh tánh hiền
Bến giác mệnh mông chèo chẳng nản
Thuyền từ thanh thân lướt an nhiên
Dày công tu tập thành viên mãn
Thoát cõi trầm luân luống muộn phiền.*

XUÂN VỀ TRÊN XỨ LẠ

*Cứ mỗi độ xuân về
Nhìn hàng cây trơ trụi lá
Đứng im lìm
trong sương tuyết mệnh mông
Lòng lạnh theo
tiết trời đông băng giá
Nhớ quê hương
Thương mình kiếp bèo bồng*

*Noel xứ lạ
Ai?! Người thân, tri kỷ
Để xẻ chia
lúc ấm lạnh, tâm tình
Mơ trở lại
xứ Cao-Nguyên hùng vĩ
Quê hương mơ màng
nước biếc, non xanh*

*Nỗi nhớ thương
Chập chờn
trên trang giấy
Bờ lòng buồn
Nào có phải mộng mơ
Mỗi dòng chữ
Nỗi lòng đau
Ai xé?!
Quê hương mắt rời
Còn lại...
"Bơ Vơ."*



thơ HUỖNH SƠN



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

THÔNG BẠCH (SỐ 1)

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni

Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Vâng theo lời dạy của Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada tại buổi họp ngày 23 tháng 7 năm 2016, Chư Ni chúng con sẽ đứng ra đảm nhiệm việc tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 7.

Nay chúng con đã chọn được địa điểm và thời gian cho khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần này như sau:

- Địa điểm: **Holiday Inn Chicago North Shore
Skokie Banquet & Conference Center
5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077**

- Thời gian: **Từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, 20-23 tháng 7 năm 2017**

Chúng con kính trình lên Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni để chứng minh và cầu thỉnh Quý Ngài gia tâm cầu nguyện cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 7 này được thành tựu viên mãn. Đồng thời, kính thông báo đến Quý Phật tử để biết cũng như sắp xếp thời gian tham dự và yểm trợ.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức “*Pháp thể khinh an, tuệ dưỡng thường chiếu*”, kính chúc Quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường và thành tựu sở nguyện.

Trân trọng kính trình.

Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 01 năm 2017

TM. BAN TỔ CHỨC

TRƯỞNG BAN



TKN. THÍCH NỮ NGUYỄN THIỆN

TRỞ VỀ VỚI TÂM

Ngọc Bảo

Con người chúng ta là sự kết hợp của thân và tâm, của vật chất và tinh thần, ai cũng biết điều đó, nhưng trên thực tế chúng ta thường quá sẵn sàng đến thân mà lơ là với tâm của mình, đó là một điều thiếu sót lớn, có thể nói là bất công và vô lý nữa. Bởi vì thân không thuộc về ta, nó có tiền trình riêng của nó theo con đường "thành trụ hoại không" mà ta không thể làm gì để thay đổi được. Không ai có thể bảo cho thân không được già, không được bệnh. Sự sai lầm của chúng ta là tự đồng hóa mình với thân và lấy đó làm trụ cột cho mọi hành động, suy nghĩ lo toan, mà không nhìn thấy bản chất huyền ảo, giả tạm của nó. Nếu chỉ biết sống với thân, ta sẽ dễ dàng bị đau khổ, giam hãm trong ngục tù của thân khi một ngày nào đó thân không còn có được những hoạt động chức năng hoàn hảo như trước.

Có thể nói thời gian chúng ta dành cho thân rất nhiều, gần như suốt ngày, lo cho việc chải chuốt, làm đẹp, theo các phong trào tập thể thao, tập tai chi, yoga, khí công, khiêu vũ v.v... để mong được mạnh khỏe sống lâu. Ta tìm vui cho tâm hồn qua những cuộc du ngoạn, họp bạn, ăn uống, ca hát nhảy múa, xem văn nghệ v.v... nhưng đó chỉ là những yếu tố bên ngoài, biến thiên và tạm bợ, có hợp rồi có tan. Chỉ có cái tâm hằng hữu là luôn ở với chúng ta, trong bất cứ giai đoạn và hoàn cảnh nào, lúc sống cũng như lúc chết. Tuy nhiên ta lại rất ít khi bỏ thì giờ chú ý đến tâm mình, tìm hiểu xem nó là gì, hoạt động như thế nào, mà chỉ phóng mình cuốn trôi theo những cảm xúc, suy nghĩ mông lung, không làm chủ được mình. Nếu ta biết dừng lại và nhìn thẳng vào những suy nghĩ cảm xúc đang có, xem chúng khởi lên từ đâu và đi về đâu, ta mới biết được thực sự tâm là gì, và thấy đó là một lãnh vực thật bao la huyền bí mà từ đó tới giờ ta không hề biết tới. Càng hiểu biết tâm mình, ta càng có thêm được sức mạnh nội tại, có cái nhìn thông suốt, không thiên lệch với những gì đến và đi trong cuộc đời.

Đức Phật nói: "*Tâm làm chủ, tâm dẫn đầu các pháp,*" có nghĩa tất cả những gì chúng ta có, đời sống chung quanh ta, đều do tâm làm ra. "*Nhất thiết duy tâm tạo,*" tâm làm nên thế giới chúng ta đang sống. Mỗi con người chúng ta là một hoang đảo, hoàn toàn cô đơn, bởi vì những gì đến với ta chỉ có mình ta mới cảm nhận được. Không ai có thể hiểu được hoàn toàn những gì chúng ta suy nghĩ và kinh

nghiệm. Vì thế, thế giới chúng ta sống là do tâm chúng ta cảm nhận như thế nào mà ra. Người thích yên tĩnh sẽ có một thế giới yên tĩnh, người thích huyền ảo sẽ tìm đến một thế giới huyền ảo. Nếu tâm đen tối, ta sẽ sống trong một thế giới đen tối. Nếu tâm trong sáng, ta sẽ sống trong một thế giới trong sáng. Mặc dù hoàn cảnh đến như thế nào, mỗi người ở trong hoàn cảnh ấy đều có những cảm nhận khác nhau và do đó có những thái độ sống khác nhau. Bởi thế, nếu ta không biết được tâm mình, không làm chủ được nó, ta sẽ bị trôi dạt trong những cảm xúc, suy nghĩ dấy lên theo ngoại cảnh, và cảm thấy hoang mang đau khổ trong những biến đổi của kiếp người.

Điều suy tư nhất của chúng ta bây giờ là gì? Có lẽ đặc biệt đối với những vị cao niên, vấn đề trước hết là sức khỏe. Vì thế chúng ta rất lo cho thân, cố tìm cách chăm sóc cho nó sao để bệnh tật đừng tới. Chúng ta không để ý đến tâm, nhưng thực ra chính tâm lại là yếu tố tác động lên thân trực tiếp nhất. Hiện nay người ta đã có những nghiên cứu khoa học về sự tương quan giữa tâm và thân, và có nhiều chứng minh rằng những trạng thái tâm lý có thể làm thay đổi được những trạng thái sinh lý trong thân. Những trạng thái tâm lý bị áp lực (stress) hay trầm cảm có thể khiến gây ra nhiều thứ bệnh trong thân. Nhưng tuy tâm có thể gây bệnh, cũng chính tâm có thể giúp lành bệnh trong thân.

Những cuộc thí nghiệm thuốc giả (placebo) đã chứng minh rằng mặc dù những thuốc giả này không có các dược chất chữa lành, nhưng bệnh nhân vẫn cảm thấy công hiệu như uống thuốc thật, vì do lòng tin mà ra. Cuộc nghiên cứu của Jo Marchant với đề tài "*Heal thyself*" (Tự chữa lành) cũng cho thấy rằng người có tinh thần lạc quan thường ít bị bệnh hơn, sống lâu hơn và nếu có bị những bệnh trầm trọng như ung thư, tim hay thận đều dễ hồi phục nhanh chóng, vì những tư tưởng tích cực làm tăng cường hệ thống miễn nhiễm, giảm bớt chất cortisol chống stress, kích thích hệ thần kinh đối giao cảm tạo nên sự thư giãn, khiến cơ thể có thể tự chữa lành được.

Mặt khác, người ta cũng nhận thấy rằng những người có niềm tin tâm linh, tìm được



một ý nghĩa hay mục đích nào đó trong đời sống, thường sống lâu hơn và mau chữa lành bệnh hơn. Ngay cả khi mắc phải một căn bệnh vô phương cứu chữa, người ấy cũng có được sự vững mạnh để đối diện và sống tùy thuận theo thực tế.

Hiện nay trong tuổi già người ta thường lo sợ bị mất trí nhớ, và tìm những cách "vận động" não như đánh cờ, đố chữ, học một môn gì đó v.v... để làm tăng chức năng trí nhớ của não, cho rằng đó là một cách "săn sóc" cho tâm. Điều đó có thể làm chậm hơn sự thoái hóa của não, nhưng não không phải là tâm, mà chỉ là một bộ phận của thân. Cách tác động hữu hiệu nhất đến cả thân lẫn tâm là tập thiền.

Thiền là đưa Động trở về Tĩnh. Động và Tĩnh tuy đối nghịch với nhau nhưng là một, vì Tĩnh là nền tảng từ đó khởi lên Động. Do đó, thiền là trở về với nền tảng tĩnh lặng tự nhiên của thân và tâm. Trong sự an nghỉ, dừng mọi hoạt động của thể xác và tinh thần, chân khí, tức nguồn năng lượng cho sự sống, được hàm dưỡng và phục hồi lại. Sự buông xả và không róng trong thiền định gợi lên những luồng sóng gamma tạo sự tỉnh giác bén nhạy và cảm giác an lạc. Những cuộc nghiên cứu về thiền đều công nhận thiền có thể làm tăng miễn nhiễm chống lại bệnh tật, ngay cả những bệnh nan y như ung thư, giúp chống trầm cảm, giúp tập trung tư tưởng, làm cho người ta cảm thấy an bình hơn, vững chãi hơn. Không những thế, thiền còn có thể làm chậm đi sự lão hóa trong thân.

Thiền vốn là một pháp tu của đạo Phật để đạt được sự giác ngộ. Tuy nhiên, hiện nay trong xu hướng tách rời thiền khỏi căn bản đạo Phật và xem đó như một phương pháp thư giãn và trị liệu tâm lý, thiền có thể bị ngộ nhận và lạm dụng, chỉ nhằm mục đích mong cầu an lạc với những hiệu quả tạm thời, mà không thực sự đem lại sự giải thoát khỏi những nguyên nhân gốc rễ của phiền não.

Một y sĩ Trung Hoa sống đến 112 tuổi đã có lời khuyên: **"Sự khỏe mạnh khởi đầu từ việc điều hòa tâm. Vì sức khỏe của bạn, hãy tu Phật. Tu Phật đạt được sự an lạc, đó là sự hưởng thụ tối cao của đời người."**

Nói đến tu, nhiều người rất sợ vì nghĩ rằng tu là phải ăn chay niệm Phật, bỏ hết những gì vui thú trên đời, sống một cách kham khổ. Nhưng đó chỉ là những biểu hiện bên ngoài, có tính cách hình thức, không phải nghĩa tu thật sự. Tu là ở nơi tâm, là sửa đổi chính mình, qua sự quán sát tâm để không vướng mắc vào những cảm xúc tư tưởng tai hại. Thật ra không có ai bỗng dưng muốn tu, hay sửa đổi chính mình, mà phải có một cơ duyên nào đó khiến

người ấy bỗng nhận thức được sâu sắc sự vô thường huyền ảo của cuộc đời cũng như của chính mình, và muốn tìm đến một điểm tựa tâm linh nào đó. Khi được hỏi về cốt yếu của sự tu, Tổ A Nan nói: **"Buông mọi niệm ác, năng giữ niệm lành, giữ thân tâm thanh tịnh, ấy là lời Phật dạy."** Nghe thì rất giản dị nhưng thực hành phải có sự kiên trì và nỗ lực. Như một vị thiền sư nổi tiếng đã nói: "Đứa trẻ 8 tuổi cũng biết điều đó, nhưng ông già 80 còn chưa làm được." Chúng ta thường sống theo thói quen - và thói quen đó sẽ thành nghiệp lực lôi cuốn và điều khiển con người, không cưỡng lại được. Tu là tập thói quen mới để thanh tịnh hóa thân tâm qua sự trì giới, sống giản dị, biết đủ, biết xả bỏ những ham muốn, khiến cho tâm được an định và phát huy tuệ giác. Như vậy nghiệp lực sẽ được chuyển hóa thành đạo lực, giúp người ấy có sức mạnh làm chủ chính mình, có thể sống tự tại dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Trên thế giới này, chỉ có đạo Phật là chú trọng vào việc tìm hiểu phân tích tâm con người, và có những phương cách luyện tâm để đạt được sự an lạc. Giáo lý Phật là nền tảng trên đó ta xây dựng con đường chuyển hóa đưa đến giải thoát, vượt trên những đau khổ tất yếu của sinh lão bệnh tử mà ta phải đối phó. Hiện nay người đi chùa rất nhiều, nhất là trong những dịp lễ lạc, nhưng ít có người biết và hiểu được đạo Phật. Người ta thường có cái nhìn rất phiến diện và hời hợt về đạo Phật qua những hình thức cúng lễ, xem đó như là không liên quan gì đến thực tại đời sống hàng ngày. Có lẽ một phần cũng vì các cơ sở tôn giáo chưa có đủ người và phương tiện để truyền pháp cho hữu hiệu, một phần là trong thế giới hiện nay con người bị cuốn hút trong những nhu cầu vật chất mà không nhận thức được sự thiết yếu của đời sống tâm linh. Kinh Phật nói đến thời mạt pháp, tức là lúc đạo Phật đã suy đồi đến mức không ai còn biết đến Pháp Phật nữa. Nhưng trải qua bao nhiêu thăng trầm biến đổi từ nhiều thế kỷ nay, Pháp Phật tuy có lúc bị suy tàn nhưng rồi cũng có lúc được phục hồi lại. Bởi vì Pháp không có sinh diệt, không có thịnh suy, như chân lý của đời sống không có sinh diệt, không có thịnh suy. Pháp bao giờ cũng có ở đó, như chân lý bao giờ cũng có ở đó, dù có được nhận biết đến hay không nhận biết. Nếu có ai một lúc nào đó thức tỉnh, quyết tâm muốn rời khỏi những phiền não vây bủa trong kiếp nhân sinh, chắc hẳn sẽ có những nhân duyên kết hợp cho người ấy ngộ nhập được chân lý giải thoát, ngay chính ở nơi tâm.

(Nguồn: ngoobao.org)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

CHÙA XÁ LỢI

2751 Del Mar Ave, Rosemead, CA 91770

Phone: (626) 572-0389

THƯ CẢM TẠ TANG LỄ

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa Chư thiện nam tín nữ,

Tang lễ của Ân sư chúng con, Ni trưởng thượng **Như** hạ **Nguyện**, đã được viên mãn vào ngày 23/01/2017 (nhằm ngày 26 tháng Chạp năm Bình Thân). Tang lễ đã được cử hành long trọng, trang nghiêm với sự quang lâm của Chư Tôn Đức Tăng Ni thuộc nhiều Giáo hội, Tông môn, Hệ phái. Cảm kích sâu xa lòng thương tưởng của Chư Tôn Đức, chúng con xin thành kính đảnh lễ tam bái, thâm tạ quý Ngài:

- Trước hết chúng con xin thay mặt Ni chúng Chùa Xá Lợi và Môn đồ Pháp quyến của Cố Ni trưởng Thích Nữ Như Nguyện, thành kính đảnh lễ, cảm niệm công đức của Chư Tôn Đức Trưởng Lão trong Hội Đồng Chứng Minh Ban Tang Lễ: HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Chơn Điền, HT. Thích Chơn Thành, HT. Thích Tín Nghĩa, Sư Bà Thích Nữ Như Tịnh, Sư Bà Thích Nữ Như Hòa, Sư Bà Thích Nữ Như Liên.
- Đồng thời thành kính tri ân Chư Tôn Trưởng Lão thuộc các Giáo Hội, Hệ phái, Tông môn, các tự viện, tu viện, tịnh xá gần-xa đã quang lâm chứng minh, hộ niệm, phúng điệu, gửi điện thư phân ưu đến tang lễ của Cố Ni trưởng ân sư chúng con: Trưởng lão HT. Thích Chơn Thành – Phó Thượng Thủ GHPGVN Trên Thế Giới; HT. Thích Nguyên Hạnh - Tổng Hội PGVN tại Hoa Kỳ, Viện chủ Chùa Việt Nam Houston, TX; HT. Thích Như Minh, Viện chủ Chùa Việt Nam, Los Angeles (Phó trưởng ban tổ chức tang lễ); HT. Thích Phước Tinh cùng tăng thân Tu Viện Lộc Uyển; HT. Thích Minh Mẫn, Viện chủ Chùa Huệ Quang, Westminster; Ven. Ashin Pannadipa (Myanmar Bhante), Chùa Quang Thiện, Ontario; TT. Thích Tâm Thành, Phật Quan Âm Thiền Tự, TT. Thích Huệ Minh; TT. Thích Giác Pháp; ĐĐ. Thích Chúc Thông, Chùa Long Thành, CA; SB. Nguyên Thanh, Chùa An Lạc San José; Sư Bà Thích Nữ Như Hòa, Chùa Dược Sư, CA; Sư Bà Thích Nữ Như Tịnh cùng chư Ni Tu Viện Đại Bi, Santa Ana; Sư Bà Thích Nữ Giác Hương, Chùa Vạn Hạnh Seattle; NS. Thích Nữ Như Ngọc, Chùa A-Di-Đà Westminster; NS. Thích Nữ Như Hiếu & SC. Thích Nữ Viên Thành, Chùa Đức Viên, San José; NS. Thích Nữ Thanh Ngọc & NS. Thích Nữ Thanh Lương, Chùa Viên Thông, TX; NS. Thích Nữ Chúc Vân, Giác Lâm Thiền Tự; NS. Thích Nữ Chúc Hà, Chùa Trí Nghiêm; NS. Thích Nữ Diệu Phước, Chùa Viên Minh; NS. Thích Nữ Như Minh, Tịnh Thất Từ Hạnh, Westminster; SC. Thích Nữ Thông Thành (MC Tang lễ); SC. Thích Nữ Như Thanh & SC. Thích Nữ Diệu Hương, Tịnh thất Hương Nghiêm; SC. Thích Nữ Liên Huệ, Tịnh Xá Ngọc Thiền; SC. Thích Nữ Nhật Hiếu, Chùa Duyên Giác, San José; SC. Thích Nữ Hoa Tâm, Chùa Phổ Hiền; cùng với Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật Tử phái đoàn các tự viện và tổ chức: Tổng Hội PGVN tại Hoa Kỳ; Chùa Trí Phước, CA; Chùa Việt Nam Los Angeles; Tịnh Xá Giác Lý, Westminster; Chùa Long Quang Colorado; Tổ Đình Minh Đăng Quang, CA; Như Lai Thiền Tự, San Diego; Như Lai Thiền Tự Arizo-

na; Chùa Tam Bảo Utah; Chùa Giác Ân Palmdale; Chùa Pháp Hoa El Monte; Chùa Hương Nghiêm, Houston, TX; Chùa Phổ Đà, Santa Ana; Tịnh Thất Pháp Như, CA; Tịnh Thất Hương Nghiêm, CA; Thiền Tịnh Đạo Tràng, Garden Grove; Niệm Phật Đường Fremont; Chùa Kiều Đàm, Santa Ana; Chùa Khánh Hỷ, Garden Grove; Chùa Linh Sơn Pháp Bảo, CA; Châu Lâm Ni Tự, Việt Nam; Tịnh xá Từ Quang; Đạo Tràng Pháp Hoa; Tu Viện Quan Âm Redland; Liên Hoa Ni Tự; GS. Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Hội Cư Sĩ PGVN Tại Hoa Kỳ.

- Chúng con cũng xin thành kính đánh lễ tri ân Chư Tôn Trưởng lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni thuộc Giáo Hội PGVN Thống Nhất Hoa Kỳ đã trực tiếp chung lo, hướng dẫn, chứng minh, chủ trì và bảo trợ tang lễ: Đại lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan - Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm; HT. Thích Nguyên Trí - Phó Chủ tịch Nội vụ; HT. Thích Phước Thuận - Thành viên HĐGP; HT. Thích Minh Tuyên - Phó Chủ tịch HĐDH; HT. Thích Thông Hải - Phó Chủ tịch Ngoại vụ HĐDH; HT. Thích Nhật Quang - Phó Chủ tịch HĐDH; HT. Thích Đồng Tuyên - Tổng vụ trưởng TV Giáo Dục; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐDH; HT. Thích HT. Thích Minh Dung, Phụ tá Chánh Văn Phòng HĐGP; HT. Thích Minh Hồi - Tổng vụ trưởng TV Kiến Thiết; HT. Thích Giác Sỹ - Tổng vụ phó TV Hoằng Pháp; HT. Thích Thiện Long - Tổng vụ trưởng TV Kinh Tế Tài Chánh; HT. Thích Nhựt Huệ - Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên; TT. Thích Tâm Tượng - Tổng vụ phó TV Tăng Sự; TT. Thích Tâm Bình, Tổng vụ phó TV Nghi Lễ... cùng Chư Tôn Đức Ni: Ni sư Thích Nữ Minh Phước - Tổng vụ phó TV Ni Bộ; NS. Thích Nữ Như Định - Tổng vụ phó TV Ni Bộ; NS. Thích Nữ Giới Châu - Thành viên Tổng vụ Giáo Dục; NS. Thích Nữ Diệu Tánh - Tổng Thủ quỹ kiêm Tổng vụ phó TV Kinh Tế Tài Chánh; NS. Thích Nữ Tiến Liên - Tổng vụ Phó kiêm Thư ký TV Ni Bộ; NS. Thích Nữ Tịnh Quang, Thành viên TV Nghiên Cứu Kế Hoạch; NS. Thích Nữ Như Quang, Thành viên TV Hoằng Pháp; NS. Thích Nữ Nguyễn Bốn - Tổng vụ phó TV Kinh Tế Tài Chánh, NS. Thích Nữ Tuệ Từ - Phó Tổng thủ quỹ...
- Chúng con cũng đặc biệt tri ân Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật Tử trong Ban Tang Lễ, đã tận tình sắp xếp, điều hành, thực hiện mọi nghi thức và phật sự trong suốt mấy ngày Tang Lễ: Trưởng Ban HT. Thích Nguyên Trí; Phó Ban HT. Thích Minh Tuyên; Phó Ban HT. Thích Như Minh; Phó Ban HT. Thích Nhật Quang (Sám chủ); HT. Thích Minh Dung (MC); ĐĐ. Thích Đạo Nghiệp (Công văn); Chư Tăng Chùa Phật Tổ (Ban Kinh Sư); ĐĐ. Thích Chúc Thộng (Trần thiết); Ni Sư Thích Nữ Minh Phước, NS. Thích Nữ Diệu Tánh (Tiếp lễ); Sư Cô Thích Nữ Thông Thành (MC); Chư Tăng Ni Chùa Phật Tổ và Tu viện Đại Bi (Ấm thực và trai phạn cúng dường); Quý Sư cô Thích Nữ Như Hiền, Thích Nữ Trung Châu, Thích Nữ Chơn Như, Thích Nữ Chơn Hải (Trần thiết), Đạo hữu Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy & Tâm Huy Huỳnh Kim Quang (Báo chí), Đạo Hữu Diệu Trinh Trương thị Ánh Ngọc (Tiếp lễ).
- Cuối cùng, chúng con xin tri ân Chư Tôn Đức Tăng Ni gần-xa đã quang lâm Chùa Xá Lợi và nhà quán để hộ niệm, phúng điệu, cung tiễn giác linh ân sư chúng con, trong đó có nhiều vị không lưu đạo hiệu nên chúng con sẽ không khỏi thiếu sót khi ghi lời cảm tạ nơi đây; chỉ xin thành kính đánh lễ thâm tạ quý ngài.

Kính chúc Chư Tôn Trưởng Lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ.

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ chứng minh.

TM Ni chúng Chùa Xá Lợi và Môn đồ pháp quyến
Tỳ kheo ni Thích Nữ Nhật Nhan
Tỳ kheo ni Thích Nữ Như Tín

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

C.A.F. RHYS DAVIDS (1858-1942)

Bà Caroline Augusta Foley sinh năm 1858. Năm 36 tuổi, bà lập gia đình với giáo sư Thomas William Rhys Davids (52 tuổi). Hai học giả này đã yêu nhau qua nhiệt tâm say mê nghiên cứu, học hỏi thánh ngữ Pali, và tinh thần quảng bá giáo lý đức Phật của họ. Theo nhiều người Anh bấy giờ, đây là sự gặp gỡ, một cuộc hôn nhân tuyệt diệu, nhiệm mầu giữa hai tâm hồn, hai nhà đại trí thức, cùng chung kính thờ lý tưởng cao siêu của Phật Giáo.

Sau khi tốt nghiệp Cao học (M.A.) và đậu bằng Tiến sĩ văn chương (D. Litt.) bà Rhys Davids được mời làm giáo sư dạy cổ ngữ Pali nhiều năm tại trường "Nghiên cứu Đông Phương, Phi Châu ở Luân đôn" (*London School of Oriental and African Studies*) và Triết học Ấn Độ tại Đại học Manchester (Anh quốc). Bà cũng là ngôi sao sáng, phục vụ đặc lực tại Đại học College (Luân Đôn) và được chọn bầu làm hội viên của đại học này.

Sau nhiều năm nghiên cứu Phật Pháp, qua nhận thức sâu sắc của mình, bà tuyên bố Phật Giáo là một tôn giáo của đức tính hỷ xả, lòng từ bi, và phù hợp với tinh thần khoa học tiến bộ. Trong tập san "Buddhist Review" (Phật Giáo) 1908, bà đã phát biểu như sau:

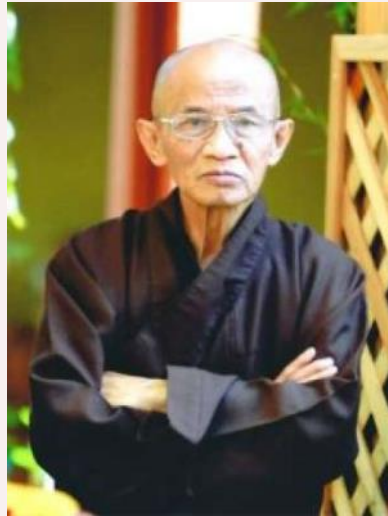
"Đây là triết lý đã mang chúng ta sống lại thời kỳ đầu tiên của nền khoa học Hellenic (Hy Lạp). Vì Phật Giáo nhằm hướng đến sự đóng góp, phục vụ, chứ không phải cản trở hay không chú tâm đến sự khám phá của Copernicus, Bruno, Galileo, Newton cùng Darwin mà giáo pháp ấy đã khích lệ và gây nguồn cảm hứng cho các khoa học gia trên..."

Những Đóng Góp Của Bà Rhys Davids Cho Nền Phật Học Tây Phương

a) Sáng lập, phát triển Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Phật Giáo Pali

Lần đầu tiên trong lịch sử truyền bá Phật Giáo ở Âu Châu, như đã nói trước, giáo sư Rhys Davids, cùng với các học giả khác đã đứng ra thành lập Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (*The Pali Text Society*) tại Luân Đôn (London) vào năm 1881. Mục đích của Hội là nhằm ấn hành Tam Tạng cổ ngữ Pali Phật Giáo Nguyên thi (*Tipitaka*) phiên âm theo mẫu tự La Tinh (*Romanized Pali*), và dịch thuật nhưng kinh, luật, luận ấy ra Anh văn để phổ biến đạo Phật đến giới Phật tử các nước Âu Mỹ. Giáo sư Rhys Davids đã giữ chức chủ tịch của Hội, và ngay từ đầu với sự cộng tác, giúp đỡ đặc lực của bà Rhys Davids, Hội đã phát triển nhanh chóng, duy trì tốt đẹp mãi tới năm 1922, giáo sư Rhys Davids qua đời; bà ta đã thay chõng cáng đáng, điều hành mọi việc của Hội cho đến ngày cuối cùng bà mất vào năm 1942.

Chúng ta được biết, qua nhiều bức thư hiện còn lưu trữ, chỉ dẫn cho thấy trong thời gian 30 năm sau cùng của đời bà, phần lớn các thư của giáo sư Rhys Davids liên lạc tham khảo ý kiến trong khi phiên dịch kinh tạng Pali với Đại Đức A.P. Buddhadatta, một nhà sư trẻ Tích Lan 27 tuổi, lúc bấy giờ ở chùa Aggarama, nổi tiếng uyên thâm thánh ngữ Pali, đều do bà trả lời thay cho chõng. Những lá thư này còn giúp chúng ta rõ thêm về đức tánh nhẫn nại, kiên trì, khắc phục mọi khó khăn gian khổ vật chất lẫn tinh thần của ông bà Rhys Davids trong công đức hộ pháp trường kỳ phiên dịch các kinh điển Phật Giáo Pali ra Anh ngữ. Trong thư đề ngày 18-01-1912 gửi Đại Đức A.P. Bud-



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

dhadatta, bà viết: "Giáo sư Rhys Davids vô cùng cảm ơn... bức thư đầy hào ý của Đại Đức. Nhà tôi đang quá bận với công việc ấn loát, nên tôi đã gấp thay ông ta trả lời để thư kịp gửi đi tuần này... Chúng tôi hy vọng bắt đầu dịch Trung bộ kinh (Majjhima Kikàya) trong năm nay. Chúng tôi chắc sẽ viết thư nhờ Đại Đức giúp đỡ và chỉ dẫn... Hiện tôi đang dịch ra Anh văn tập Trưởng Lão Tăng Kê (Theragàthà); dịch cùng với giáo sư Shwe Z. Aung bộ Luận Sự (Kathavatthu), và với nhà tôi những bài kinh cuối cùng thuộc Trường Bộ Kinh (Digha-Nikàya). Tôi sẽ hoan nghinh bất cứ sự giúp đỡ hay góp ý kiến xây dựng nào của Đại Đức..."

Trong thư đề ngày 26-08-1914:

"Chúng tôi gửi kèm sau đây đến Đại Đức bản thảo đầu tiên phiên âm Pali theo mẫu tự La tinh của tập Abhidhammavataṛa. Đại Đức có thể vui lòng sửa giúp những lỗi sai và gửi trả lại tôi càng sớm càng tốt được không? Tôi đã nhận thư của Đại Đức hỏi về cuốn I của bộ Bốn Sanh Kinh (Jataka)... Tôi cố gắng tìm mượn rồi sẽ gửi cho Đại Đức".

Trong thư ngày 02-09-1914:

"... Tuần rồi, tôi vừa gửi Đại Đức thêm bản thảo của tập Abhidhammavataṛa để nhờ Đại Đức sửa chữa và góp ý kiến. Hy vọng Đại Đức sẽ nhận được cùng với lá thư gửi kèm trong đó. Các chuyển phà vào lúc chiến tranh đã không hoạt động bình thường..."

Thư ngày 01-10-1914, bà viết:

"Tôi mong rằng sẽ nhận lại sớm bản thảo I của tập Abhidhammavataṛa đã được Đại Đức sửa chữa lại các lỗi sai. Chiến tranh làm thư từ chậm trễ mất cả tuần lễ. Tôi nghĩ rằng tập ấy được gửi đi bằng tàu thủy, nhưng chắc nó sẽ đến an toàn..."

Thư ngày 21-04-1920, bà cho biết:

"Chúng tôi vừa mới in xong bản tiếng Anh tập I cuốn "The Expositor" (dịch từ bộ At-thasalini). Chúng tôi hân hạnh sẽ gửi biểu Đại Đức một cuốn..."

Và trong thư ngày 25-10-1921:

"Chúng tôi vừa cho ấn hành toàn bộ - lần đầu tiên phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh - cuốn Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga) và phần I cuốn tự điển mới Pali-Anh (Pali-English Dictionary). Chúng tôi mong sớm nhận tin tức của Đại Đức..."

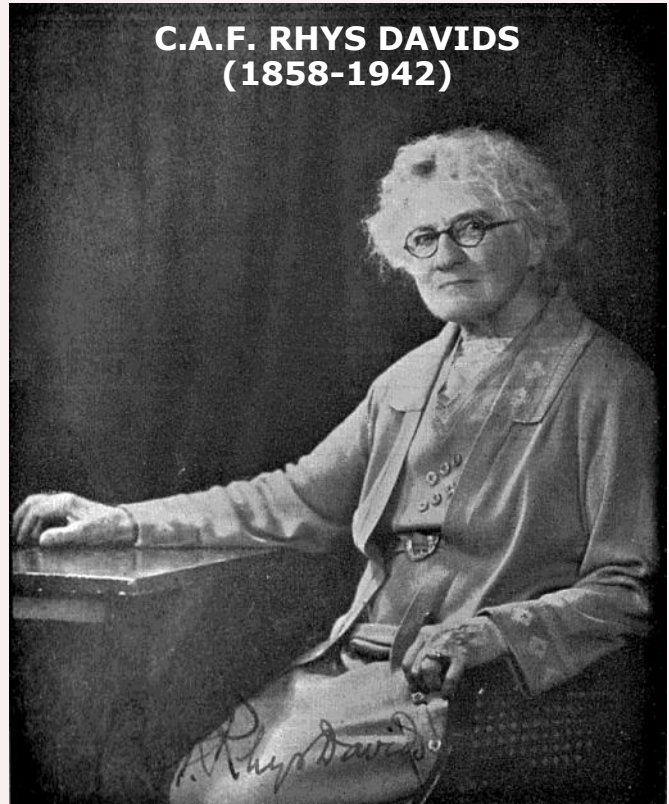
b) Công trình phiên âm, dịch thuật kinh tạng Pali

Dưới đây là những bộ kinh do bà Rhys Davids đã dày công phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali):

- 1904: Vibhanga (*The Books of Divisions*): Phân Biệt Luận, bộ thứ hai trong Abhidhamma Pitaka (*Basket of Higher Teaching*) hay Luận Tạng.

- 1906: Tập Duka-Patthàna: Phần hai trong Patthàna (*The Book of Relations*) hay Phát Thú Luận, bộ thứ bảy thuộc Luận Tạng.

- 1911: Yamaka (*The Book of Pairs*): Song



Luận, Tập I, bộ thứ sáu trong Luận Tạng.

- 1913: Yamaka (*The Book of Pairs*): Song Luận, tập II, bộ thứ sáu trong Luận Tạng.

- 1914: Puggala Pannatti (*Description of Individuals*): Nhân Thi Thiết Luận, bộ thứ tư trong Luận Tạng. Bà soạn chung với G. Landsberg.

- 1920: Visuddhimagga (*The Path of Purification*): Thanh Tịnh Đạo, tập I, của ngài Phật Minh (*Buddhaghosa*), một luận sư Phật Giáo nổi tiếng người Ấn Độ, sinh vào đầu thế kỷ thứ năm tây lịch.

- 1921: Visuddhimagga (*The Path of Purification*): Thanh Tịnh Đạo, tập II, tái bản năm 1975.

- 1921: Tika-Patthàna: Phần đầu trong Patthàna (*The Book of Relations*) hay Phát Thú Luận tập I, bộ thứ bảy thuộc Luận Tạng.

- 1922: Tika-Patthàna: Phần đầu trong bộ Phát Thú Luận, tập II

- 1923: Tika-Patthàna: Phần đầu trong bộ Phát Thú Luận, tập III.

Bà cũng đã dịch từ nguyên bản Pali ra Anh văn các bộ kinh:

- 1900: The Buddhist Psychological Ethics (*Dhamma Sangani*): Pháp Tập Luận (phân tích các pháp), bộ đầu tiên của Luận Tạng, đã tái bản lần thứ 3 năm 1974.

- 1909: Psalms of the Sisters (*Therigàthà*): Trưởng Lão Ni Kê, tập I, trong Khuddaka Nikàya (*Minor Anthologies*) hay Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng (*Basket of Discourses*).

- 1910: Dialogues of the Buddha (*Digha*

Nikàya): Trường Bộ Kinh, Tập I, thuộc Kinh Tạng (dịch chung với giáo sư T.W. Rhys Davids), đã tái bản lần 3 năm 1977.

- 1910: Compendium of Philosophy (Abhidhammattha-Sangaha): Thảng Pháp Tập Yếu Luận (dịch chung với giáo sư S.Z. Aung). Tác phẩm này của ngài Anuruddha, người Tích Lan, sống vào cuối thế kỷ thứ 11 hoặc đầu thế kỷ 12 tây lịch.

- 1913: Psalms of the Brethren (Theragàtha): Trường Lão Tăng Kệ, Tập II, trong Tiểu Bộ Kinh (Minor Anthologies) thuộc Kinh Tạng tái bản năm 1980.

- 1915: The Points of Controversy (Kathavatthu): Luận Sự (những điểm tranh luận), bộ thứ ba trong Luận Tạng (Basket of Higher Teaching), cùng dịch với giáo sư S.Z. Aung, tái bản năm 1979.

- 1917: The Books of Kindred Sayings (Samyutta Nikàya): Tương Ứng Bộ Kinh, Tập I, thuộc Kinh tạng, tái bản năm 1979.

- 1921: Dialogues of the Buddha (Digha Nikaya): Trường Bộ Kinh, tập III, thuộc Kinh Tạng.

- 1922: The Book of Kindred Sayings (Samyutta Nikàya): Tương Ứng Bộ Kinh, tập II, thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1982.

- 1931: The Minor Readings (Khuddakapatha): Tiểu Tụng (những bài kinh ngắn), tập đầu trong 15 tập của Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

- 1931: Stanzas of the Law (Dhammapada): Kinh Pháp Cú, tập 2 trong Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

Ngoài ra, bà còn là bút giả của những tác phẩm nghiên cứu về lịch sử, tư tưởng Phật Giáo Tiểu và Đại Thừa sau đây:

- 1923: A Milestone in Pali Text Society Work (Sự Kiện Trọng Đại trong Hoạt Động của Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali).

- 1927: Buddhism and Negative (Phật Giáo và Sự Tiêu Cực).

- 1928: Gotama the Man (Đức Phật Cổ Đàm là một Con Người).

- 1931: Sakya or Buddhist Origins (Thích Ca hay Nguồn gốc Phật Giáo).

- 1932: Manual of Buddhism (Phật Giáo Khái Luận).

- 1936: The Birth of Indian Psychology and Its Development in Buddhism (Sự Hình thành môn Tâm Lý Học Ấn Độ và Sự Phát Triển Của Nó trong Phật Giáo).

Bà cũng là nữ học giả Phật tử đã viết nhiều bài khảo cứu với lối hành văn rõ ràng, khúc chiết, rất thích hợp cho sự tìm hiểu Phật Pháp của các học giả Âu Mỹ. Những bài khảo cứu giá trị này về sau đã được sưu tập in trong bộ "Wayfarer's Words" (Những lời của một du khách) thành ba tập và được xuất bản năm 1942 là năm bà qua đời.

Cũng như giáo sư T.W. Rhys Davids, sự ra đi vĩnh viễn của bà lúc bấy giờ là một mất mát to lớn không những đối với các nhà nghiên cứu

GỢI EM

Gợi những người em mà tôi hằng gặp trên muôn nẻo đường đời.

*Gót ai rộn bước phong trần
Áo ai lấm bụi gánh phân tử sanh
Thì em ơi, chuyện đã đành!
Nợ tầm thoi, lá dâu xanh... nữa là!
Mai này gió bụi đường xa
Xin em trút nặng tình qua lối mòn
Gió lùa hạt bụi về non
Hào quang kết tụ ngọc tròn kim cương.
Xin em quảng gánh vô thường
Cho trăm hoa nở bên đường tử sanh
Chim linh về hót trên cành
Mùa xuân chín mộng trút nhanh ưu phiền.
Gợi em từ cõi vô biên
Từ tìm thơ vọng nối liền Tâm Kinh
Kiếp phù sinh, kiếp chúng sinh
Cho tan rã mộng ân tình nghe em!
Dặm đời nở cánh hoa thiền
Trong em và cả khắp miền nhân gian
Như mùa xuân của muôn vàn
Cánh vô ưu với hương đàn chiên bay.
Đường trần thảng rộng năm dài
Đóa ba sinh lỡ kiếp này là thoi!
Nẻo về biếc ngọc em ơi,
Rũ cơn hồng bụi, ngọt lời Tâm Kinh.*

South Dakota, Xuân 2017

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ

Phật Học Âu Mỹ mà cả toàn Phật tử khắp nơi trên thế giới. Những người con Phật hậu thế sẽ không bao giờ quên công đức đóng góp lớn lao của bà cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, phiên dịch kinh tạng Nam Tông Pali ra Anh ngữ; và xây dựng, phát triển nền Phật giáo tại các nước Tây Phương.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)



NĂM UẨN

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)

I. Con người là gì?

Để trả lời câu hỏi này có rất nhiều cách, tùy theo cách nhìn của người trả lời:

1. Con người là do ngũ uẩn hợp lại
2. Con người là tập hợp của lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý)
3. Con người là tập hợp của tứ đại (đất, nước, gió, lửa)
4. Con người chính là do 12 nhân duyên.
5. Con người là tập hợp của các bộ máy: hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, thần kinh hệ v.v...
6. Bài học của chúng ta hôm nay nhằm trả lời câu hỏi trên theo cách thứ nhất.

II. Ngũ uẩn là gì?

Ngũ = năm; uẩn = nhóm, kết hợp.

Ngũ uẩn là năm nhóm kết hợp với nhau tạo thành cái mà ta gọi là con người. Đó là: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn.

1. Sắc uẩn: đó chính là hình hài vật chất, là cơ thể (body). Sắc uẩn do 4 đại hợp thành (đất = chất cứng như thịt, xương, răng, tóc v.v...; nước: chất lỏng như mồ hôi, nước mắt, nước bọt v.v...; gió: hơi thở vào, ra; lửa: hơi nóng, nhiệt độ của cơ thể).

2. Thọ uẩn: những cảm giác về thân và tâm, như đau, nhức, êm ái, ngứa, vui, buồn, v.v... Có 3 loại thọ uẩn: lạc thọ (cảm giác vui sướng); khổ thọ (cảm giác đau khổ); xả thọ (cảm giác không vui sướng, không khổ đau).

3. Tưởng uẩn: khả năng ghi nhận, nhớ lại những hình ảnh, âm thanh, mùi vị, cảm giác v.v... do thân và tâm đem

lại. Ví dụ: nghe ---> nhớ ---> vui (giận, buồn).

4. Hành uẩn: những việc cố ý của thân, miệng và ý (ví dụ lời nói định nói mà chưa nói ra thì cũng đã thành khẩu hành rồi).

5. Thức uẩn: cái biết của 6 giác quan (nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức).

Nếu mắt nhìn mà không có mắt của nhãn thức thì tuy nhìn mà không thấy gì cả. Tuy tai chăm chú nhưng không có nhĩ thức thì cũng không nghe gì cả v.v...

Sắc uẩn là phần vật chất, 4 uẩn còn lại là phần tâm lý.

Mỗi cá nhân là sự phối hợp của năm uẩn ấy.

Năm uẩn không tồn tại độc lập mà thường kết hợp với nhau. Ví dụ: thọ đi liền theo tưởng và tưởng đi liền theo thọ (nghe chê thì buồn, khi hết nghe rồi mà nhớ lại tiếng chê cũng buồn v.v...).

Năm uẩn thay đổi luôn, cái này kết hợp với cái kia, không theo thứ tự nào, hiện ra rồi biến đi tạo ra một biến cảm giác gồm những hiện tượng tâm-vật-lý sanh diệt không ngừng nghỉ. Do vậy cái TA chỉ là một tiến trình luôn biến đổi chứ không phải là một thực thể trường tồn bất biến.

III. Bài học rút ra từ ngũ uẩn:

1. Tất cả chúng sanh đều là những hình thành kết hợp từ ngũ uẩn, mọi người đều giống nhau về vật chất (thân tứ đại) với sinh, già, bệnh, chết, và tinh thần (thọ tưởng, hành, thức) với ham vui sợ khổ, tham sống sợ chết. Vậy ta phải học để thực

hành từ bi và hỷ xả; thương yêu chúng sanh như người thân của mình. Không làm cho người khác những gì mình không muốn người ta làm cho mình.

2. Con người với những ngũ uẩn rất vô thường. Có đó rồi mất đó (1 hơi thở ra không vào hay vào không ra là chết). Mặc dù vậy ta không chán nản hay than khóc cho số phận ngăn ngại của con người, mà phải tinh tấn tu học, trau dồi lòng từ bi và trí tuệ, làm lợi mình lợi người để mỗi phút giây đều sống tỉnh thức và xứng đáng là đấng con ngoan của đức Thế Tôn.

3. Đức Phật dạy: Ngũ uẩn tụ, phiền não kết. Vậy, cố gắng tách rời 5 uẩn để được an lạc. Ví dụ: nghe chê thì buồn lúc đó thôi, đừng nhớ nghĩ để rồi cứ nhớ tới và mỗi lần nhớ là mỗi lần buồn lại.

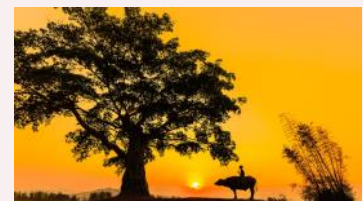
4. Cố gắng giảm bớt sự kết tụ của 5 uẩn, ví dụ:

a. Khi vui đừng hứa (để tránh những điều khó khăn sau này khi tỉnh táo lại).

b. Khi giận đừng nói (để đừng biến mình thành môi lửa sân hận).

5. Cố gắng tinh tấn ngồi thiền để theo dõi hơi thở, quán xét phản ứng của thân và tâm mình trước những cảm thọ và tập làm chậm lại những phản ứng ấy.

(*Tài liệu Tu Học của Bạc Trung Thiên* — tham khảo: *Đức Phật & Phật Pháp* + bài giảng của Ni Sư Trí Hải tại đạo tràng Tuệ



LỄ KÍNH

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Lễ kính là cội nguồn của Hạnh Phúc. Lễ kính là cội nguồn của văn minh và tiến bộ, thiếu lễ kính là đầu mối của bất hòa, đổ vỡ.

Thiếu lễ kính là bước vào sai quấy, tàn bạo, sân hận, là thuốc hôi sinh giặc phiền não.

Chuyện Tề Tuyên Vương thăm chơi nhà Nhan Súc được kể dưới đây lột bày được một phần chân nghĩa ấy.

Tề Tuyên Vương một hôm đến nhà Nhan Súc chơi, ngài bảo:

- Súc bước lại đây.

Nhan Súc cũng bảo:

- Vua bước lại đây.

Các quan thấy vậy bảo:

- Vua là bậc chí tôn, Súc là kẻ hạ thần. Vua bảo Súc lại đây, Súc cũng bảo Vua lại đây, như thế có nghe được không?

Nhan Súc bảo:

- Vua gọi Súc mà Súc lại, thì ra Súc là người ham mộ quyền thế. Súc gọi vua mà vua lại thì vua lại là người quý trọng hiền sĩ. Nếu để Súc này mang tiếng là kẻ ham mộ quyền thế, sao bằng để cho vua được tiếng là biết quý trọng kẻ hiền tài.

Vua nghe lời cao ngạo giận lắm gắt:

- Vua quý hay sĩ quý?

- Sĩ quý, vua không quý.

- Có sách nào nói thế không?

- Tâu có: Ngày trước nước Tần cử quân sang đánh nước Tề có hạ lệnh "Ai dám đến gần mộ Liễu Hạ Huệ mà kiếm củi thì phải tội xử tử." Lại cũng có lệnh "Ai lấy được đầu vua Tề thì được phong Hầu và thưởng nghìn lạng vàng," như thế đủ rõ vua quý hay sĩ quý.

Nên rõ: Lễ kính là tôn trọng những gì luân lý trật tự xã hội, chứ không phải luồn lút khúm núm làm mất phẩm cách con người.

Lễ kính không phải chỉ với người trên mà còn với kẻ dưới nữa.

Kẻ dưới không lễ kính với người trên là cao ngạo, không ai ưa. Tai ách có thể đến không ai lường trước được.

Người trên không lễ kính với kẻ dưới là xem khinh lễ kính, chạm tự ái gây bất phục, chằm ngòi cho sự bất

tín bất trung, gây bạo phản, kết quả cũng không lường trước được.

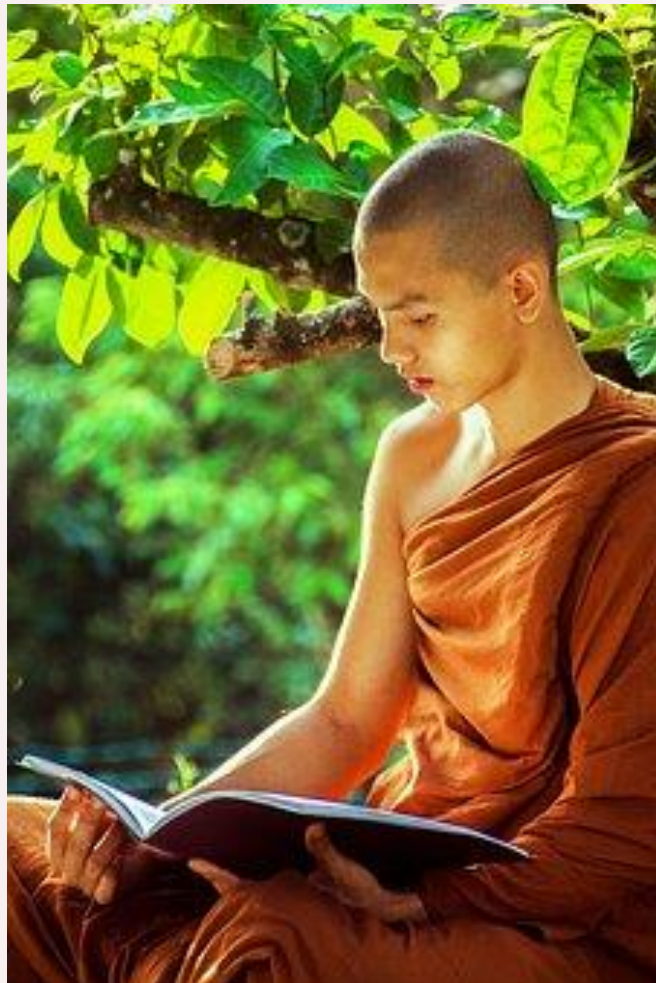
Tiền nhân xưa có dạy:
"Tiên học lễ, hậu học văn,"
là ôm ấp trao truyền cho hậu thế bản hoài thâm diệu ấy vậy.

"Trần thế tranh nhau nói
dạy khôn

Chẳng ai là dạy, chẳng ai
khôn..."

(Nguyễn Bính)

Thị Ngô Nguyễn Đình Khôi





LÝ LUÂN HỒI

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

I. Lời nói đầu:

Con người do ai sinh ra? Sinh ra rồi để làm gì và sẽ đi về đâu? Những câu hỏi này thường làm nhân loại băn khoăn, thắc mắc.

Rất nhiều tôn giáo và triết học chủ nghĩa từ trước đến nay cũng đã tìm tòi và trình bày nhiều giả thuyết khác nhau nhưng hiện tại vẫn chưa thỏa mãn được tính hiếu kỳ của nhân loại. Vấn đề nhân sinh quan vẫn còn đề nặng trong trí óc của con người. Đạo Phật dùng đạo Lý Luân Hồi để trả lời những câu hỏi trên và chỉ rõ địa vị con người trong đạo Phật như thế nào.

II. Những hiểu lầm về nhân sanh:

Những hiểu lầm về nhân sanh quan bao gồm bốn thứ kiến chấp:

1. Chấp đoạn: Cho rằng con người chỉ có với hiện tại, chỉ thực sự có trong mấy mươi năm sống và khi chết là hết, những kiến thức hiểu biết không còn.

2. Chấp thường: Có người cho rằng sau khi chết tuy thân thể tiêu tan nhưng vẫn có một linh hồn bất tử, linh hồn ấy sẽ được lên cõi thiên đàng và mãi mãi hưởng những an vui khoái lạc (nếu tạo nhân lành trong hiện tại), hay sẽ bị đọa vào cõi địa ngục chịu khổ mãi mãi (nếu tạo việc ác).

3. Chấp thân trước không can hệ đến thân sau: Có người cho rằng đầu thân này chết sanh ra thân sau, nhưng thân sau ấy không liên can gì với thân trước.

4. Chấp luân hồi theo luật tiến hóa: Có người cho rằng sự vật luân hồi theo luật tiến hóa.

III. Định Nghĩa Luân Hồi:

Luân : Bánh xe

Hồi : Quay tròn

Luân Hồi là sự thăng trầm mãi mãi của chúng sanh trong sáu cõi phàm, lúc sanh ra làm người, làm trời, làm ngựa quý, v.v...

IV. Sự Luân Hồi của mọi vật:

Lý luân hồi là một định luật chung của tất cả sự vật.

1. Thực vật: Như cây cam, do hạt cây cam gieo xuống đất, mọc thành cây cam, và sanh ra trái có hạt, đem hạt ấy trồng thành cây cam; mãi mãi như vậy không bao giờ dừng nghỉ.

2. Mưa: Nước biển do khí nóng mặt trời bốc hơi lên, hơi gặp khí lạnh đọng lại thành mây, rồi rơi xuống thành mưa, nước mưa chảy ra biển, và bốc hơi lên; cứ tuần hành như vậy không bao giờ mất.

3. Sức nóng: Sức nóng chứa trong cây, tìm chẳng gặp, trông chẳng thấy, nhưng lấy hai cây cọ xát vào nhau một hồi lâu lại có lửa bật cháy. Lửa ấy đốt cây tạo thành than khí, các cây khác hút lấy than khí để chứa lại sức nóng như trước; cứ tuần tự như vậy thì lửa trong cây không bao giờ mất.

V. Nguyên nhân của luân hồi:

Sự sanh tử luân hồi của con người do những nguyên nhân sau đây:

1. Sức mạnh của nghiệp: Con người sống ở trên đời luôn luôn tạo các nghiệp về thân, miệng, ý nghĩ.

Những nghiệp này tiếp nối nhau tạo thành những sức mạnh dắt dẫn con người sau khi chết rồi phải đầu thai để sống một kiếp khác. Sức mạnh của nghiệp đó càng ngày được tăng cường nối tiếp, nên con người luôn luôn phải sống trong sanh tử luân hồi. Có bốn loại nghiệp thường hay dẫn dắt con người đi đầu thai:

a. Tích lũy nghiệp: Nghiệp tạo ra trong nhiều đời trước.

b. Tập quán nghiệp: Nghiệp tạo ra trong đời hiện tại do những thói quen và tập quán.

c. Cực trọng nghiệp: Những nghiệp quan trọng có năng lực tác động mãnh liệt hơn hai nghiệp trước.

d. Cận tử nghiệp: Nghiệp lực tạo ra khi gần chết.

2. Lòng tham sống sợ chết và sự luyến ái của con người: Không ai không tham sống sợ chết, nên khi lâm chung cố hết sức bám víu vào sự sống, tìm hết cách để dành lại sự sống. Và lại tư tưởng chưa được thoải mái về những dự vọng thế gian nên khi chết lại muốn tìm một xác thân khác để thỏa mãn những ước vọng tham dục của mình.

3. Do sự mê mờ chấp trước: Không thấy rõ bản thể thực sự của chính mình. Nhận cái giả dối làm cái thật, và cho cái thật là cái giả. Vì sự nhận định sai lầm cho nên mãi mê chạy theo những cái giả dối để rồi tự làm khổ chính bản thân mình.



VI. Hành tướng luân hồi:

Lối thọ sanh tùy theo hạnh nghiệp tác động khác nhau, tùy tâm sở thích, tùy nghiệp tạo tác mà thành những năng lực dẫn dắt con người đi đầu thai. Như huấn tập những chủng tử thiện thì sẽ được dẫn dắt về những cõi sung sướng. Ngược lại nếu huấn tập những chủng tử bất thiện thì sẽ bị sa đọa vào những cõi như địa ngục, ngạ quỷ, hoặc bàng sanh.

VII. Sự chứng nghiệm của Luân Hồi:

1. Chính trong từng niệm, con người có thể trải qua trạng thái của sáu loài: Nếu nghĩ điều lành thì tâm đang ở trong cảnh giới thiện, khi nghĩ điều ác thì cảnh địa ngục hiện khởi.

2. Cảnh giới của sáu loài có thể lường được qua những hành động hiện tại: Trên cõi đời này, những ngục hình, những phòng tra tấn, những trại giam có những hình phạt như tra tấn, đổ nước sôi, giết điện, chiến tranh tàn phá, v.v... thì đó chính là cái lý của cảnh giới địa ngục.

3. Thần đồng: Như nhà học gia Pascal, mới lên tám mà đã thông thạo về kỹ hà học. Bạch Cư Dị mới lên năm mà đã biết làm thơ. Những sự kiện ấy không thể gọi là ngẫu nhiên được, mà đó là sự hiểu biết của nhiều kiếp trước cho nên khi sanh ra thì đã giỏi xuất chúng.

4. Các chuyện tiền thân: Các chuyện tiền thân do Đức Phật hay các vị Bồ Tát thuật lại, một vài câu chuyện của một vài người nhớ lại kiếp trước. Điều đó cho chúng ta hiểu rằng con người đã từng sống qua nhiều trạng thái khác nhau trong lục đạo. Như ở Ấn Độ có người con gái mới lên tám mà đã biết được chồng con, gia-quyển, xứ sở của cô đời trước.

5. Sự thông cảm giữa người và người: Có người vừa gặp lại sanh lòng yêu thương, có người vừa gặp lại sanh lòng ghét bỏ. Những hiện tượng này cho chúng ta thấy ở trong quá khứ đã từng thương ghét nhau cho nên ở đời này vừa gặp nhau liền có những thiện ác cảm mãnh liệt như vậy.

VIII. Kết luận:

Qua đạo lý luân hồi, Đức Phật dạy rằng:

1. Nguyên nhân chính của sự đau khổ là mê mờ. Chính vì mê mờ cho nên tạo ra các nghiệp nhân để phải chịu sanh tử luân hồi.

2. Con người luân chuyển trong sáu nẻo, tùy nghiệp nhân mà thọ quả báo. Giá trị cao thấp của con người dựa vào tâm niệm hiện tại mà biết được.

3. Chính vì con người luân hồi trong lục đạo cho nên chúng sanh có thể đều là bà con họ hàng với nhau.

4. Đạo Phật nói đến Luân Hồi là giúp con người giải thoát ra ngoài sự sanh tử luân hồi.

*(Tài liệu học tập Phật Pháp của
bậc Trung Thiện GDPTVN)*

TĨNH TỌA

*Đêm khuya lặng lẽ đất trời yên
Tĩnh tọa lòng an, bật não phiền
Thở nhẹ từng hơi, hơi lặng lẽ
Đếm đều môi số, số trầm nhiên
Tâm thiên tự tại ngồi chân thế
Ý đạo thanh thang tỏa ánh liên
Một thoáng quay về nương nẻo giác
Ngàn năm thâm hợp rạng tâm nguyên...!*

TÂM NGUYÊN

*Bình minh thức dậy tụng kinh thiêng,
Thịnh tiếng chuông ngân tỏa khắp miền.
Mong mỗi hữu tình quy nẻo giác,
Cần cầu bá tánh hướng tâm nguyên.
Sáu thời an lạc, không ưu não,
Tám tiết thanh bình, chẳng chướng duyên.
Nghiệp thiện vun trồng: Hoa tuệ nở!
Đèn tâm sáng tỏ, ngát hương nguyên...*

HỌC ĐẠO

*Bàn tăng học đạo chẳng ham cò
Chỉ để Thiên-na, dưỡng thiện cơ
Vọng tưởng lặng xảng, nên gạn lọc
Chân tâm hiển hiện, gắng đừng lơ
Những mong Tĩnh Tấn-quay về cội
Thâm niệm Từ Bi- bước tới bờ
Nấu sủ sôi kinh vun gốc tuệ
Bàn tăng học đạo, chẳng ham cò!*

AM THIÊN TĨNH TẠI

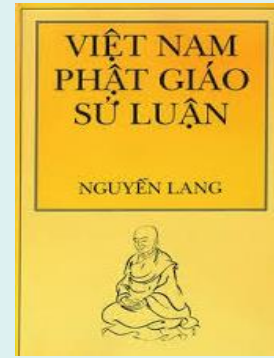
*Am thiên mãi vọng tiếng kinh cầu,
Lắng diệu niệm nhân, lắng khổ đau.
Pháp lữ thông dong tuyên lẽ diệu,
Khách thiên tự tại ngấm hương màu.
Trầm luân, khổ hải, nguyện không kết,
Bỉ ngạn, an bang, nguyện bước vào.
Sớm tới trao dồi kinh lẫn kệ,
Am thiên mãi vọng tiếng kinh cầu!*

thơ CHỨC HIỀN

SINH HOẠT CỦA TĂNG ĐỒ VÀ CƯ SĨ

(Chương XVII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



(kỳ 2, tiếp theo)

AN CƯ KẾT HẠ

Mùa kết hạ bắt đầu từ ngày rằm tháng Tư âm lịch. Chư tăng tập hợp để thực hành yết ma kết giới, quy định ranh giới của sự cư trú trong ba tháng, đánh dấu các góc Đông nam, Tây nam, Tây bắc, Đông bắc. Khi yết ma kết giới đã được thực hiện, không một vị nào có quyền đi ra khỏi ranh giới ấy nữa. Trong trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng, vị tăng chỉ có thể ra khỏi ranh giới nếu có yết ma giải giới trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ hoặc bốn mươi tám tiếng đồng hồ cho vị tăng ấy. Hết mùa kết hạ, chư tăng thực hiện yết ma giải giới và làm lễ tự tứ. Tự tứ (Pravarana) nghĩa là thỉnh cầu một vị tăng khác chỉ cho mình biết những khuyết điểm của mình về sự hành trì giới luật để mình biết lỗi mà sám hối. Trong lễ tự tứ, chư tăng do thực hiện yết ma mà cứ ra hai vị gọi là nhận lãnh tự tứ (thụ tự tứ). Hai vị này ra trước chính điện cùng lạy và quỳ trước mặt nhau. Một vị là tự tứ trước bằng cách nói với người đối diện:

- Bạch Đại Đức, hôm nay là ngày chư tăng tự tứ, tôi là tỳ khưu... (tên) xin tự tứ với Đại Đức thấy hoặc nghe nghĩ tôi có những khuyết điểm lỗi lầm nào về giới luật thì thương xót chỉ bảo cho tôi. Nếu tôi nhận được lỗi lầm, tôi sẽ theo đúng pháp mà sám hối.

Vị này đọc ba lần như thế. Nếu không thấy có khuyết điểm gì, vị đối diện hiện đang đóng vai tự tứ đáp:

- Rất tốt.

Vị tăng tự tứ liền đáp:

- Cám ơn Đại Đức. Và lạy xuống một lạy. Lạy xong thì quỳ lên để đóng vai nhận lãnh tự tứ cho vị kia tự tứ. Khi hai người đã tự tứ xong, đại chúng chia làm hai toán. Mỗi vị nhận lãnh tự tứ đi về một toán. Các tỳ khưu trong toán bắt đầu thay phiên nhau tới quỳ trước vị nhận lãnh tự tứ (vị này thấy vị kia tới quỳ trước mình, cũng quỳ xuống) để tự tứ... Như vậy cho đến khi mọi người trong đại chúng tự tứ xong.

Sinh hoạt của tăng chúng trong một tự viện được quy định theo sáu nguyên tắc hòa hợp gọi là lục hòa:

1- Thân hòa đồng trú: tăng chúng cùng ở một nơi, chia sẻ một môi trường sinh hoạt chung.

2- Giới hòa đồng tu: cùng vâng giữ một thứ giới luật và một thứ quy chế chung cho mọi người.

3- Khẩu hòa vô tránh: cùng tránh sử dụng thứ ngôn ngữ có thể gây không khí bất hòa, để phòng ngừa mọi xung đột.

4- Kiến hòa đồng giải: cùng tôn trọng, hiểu biết và chia sẻ những kiến thức và quan niệm của nhau, không giữ thái độ khép kín và tự tôn.

5- Y hòa đồng duyệt: biết dung hợp mọi ý kiến dị biệt để tạo nên sự hòa hợp vui vẻ trong đại chúng.

6- Lợi hòa đồng quân: cùng chia sẻ những điều kiện vật chất đang có tùy theo nhu cầu của mỗi người, xem mọi lợi tức là của chung.

Mùa kết hạ là mùa tịnh tu, chư tăng ít tiếp xúc với cư sĩ. Buổi sáng, tăng chúng dậy lúc 4 giờ khi nghe ba tiếng chuông báo chúng. Mười lăm phút được để ra để mọi người súc miệng, xếp lại giường chiếu và mặc áo tràng. Ba hồi chuông báo chúng lại vang lên, và tiếp theo đó là tiếng đại hồng chung (chuông lớn) ngân lên từng tiếng khoan thai. Lúc đó mọi người đã ngồi trên thiền sàng và bắt đầu giờ tọa thiền buổi sáng.

Khi đại hồng chung đã điểm xong tiếng thứ một trăm lẻ tám, mọi người tập hợp tại chính điện (Phật đường) để tụng kinh buổi sáng. Nghi thức là nghi thức triêu thời khóa tụng, tức là công phu sáng. Thời khóa chấm dứt khoảng 6 giờ rưỡi; chư tăng nghỉ ngơi nửa giờ trước khi ăn sáng. Giờ ăn sáng được báo hiệu bằng ba tiếng bằng bằng gỗ. Mọi người giữ im lặng trong khi ăn, và sau, và sau khi ăn tụng Tâm Kinh Bát Nhã.

Sau bữa ăn sáng, chư tăng đi lo phận sự của mình: người thì dọn dẹp Phật đường, người thì lo việc vườn ruộng, người thì gánh nước bở củi. Trong mùa kết hạ, thì giờ được để dành nhiều hơn cho việc học tập và do tọa thiền. Đến mười một giờ rưỡi, giờ nghỉ ngơi và chuẩn bị cho bữa cơm trưa đúng giờ Ngọ, bữa cơm chính trong ngày, được báo hiệu bằng ba tiếng bằng. Mọi người trong y áo chỉnh tề, sắp hàng một, đi vào thực đường, đứng ngay ngắn trước



chỗ ngồi của mình. Khi mọi người đã tề tựu, chư tăng chấp tay xá và ngồi lên ghế của mình, ngay thẳng trước chiếc bình bát phần mình. Chuông và bản bắt đầu nghi thức thụ thực. Đầu tiên, chư tăng nâng bát lên trán đọc bài cúng dường. Suốt bữa cơm, chư tăng thực hiện chính niệm: thân khẩu và ý hòa hợp, từ đầu bữa cơm cho đến khi chấm dứt. Sau bữa cơm và Tâm Kinh Bát Nhã, Chư tăng sắp hàng, niệm Phật, đi vào chính điện, diễu hành ba vòng quanh tượng Phật, vừa đi vừa niệm Phật. Một bài hồi hướng chấm dứt nghi thức thụ thực.

Buổi chiều, từ 2 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi, sinh hoạt cũng như buổi sáng: chấp tác, học tập, tọa thiền. Công phu chiều được bắt đầu lúc bảy giờ, sau một trăm lễ tam tiếng đại hồng chung. Tiếp đó là giờ tham cứu hoặc tọa thiền. Mười giờ, sẽ là giờ chỉ tịnh. Ai muốn tiếp tục tọa thiền thì sẽ có thể tiếp tục cho đến khuya.

Tại những chùa chỉ có bốn vị tỳ khưu, sự thực hiện yết ma để kết hạ và kết giới cho ba tháng an cư đã được xem là hợp pháp. Nhưng từ những miền xa xôi hẻo lánh mà một vị tăng không thể về tự viện để kết hạ được, thì vị tăng ấy sẽ an cư ngay tại chùa của mình bằng phương pháp thực hiện tâm niệm an cư. Phương pháp này được áp dụng cho trường hợp trong chùa chỉ có một hoặc hai, hoặc ba vị tỳ khưu. Họ đối trước Phật đường, đọc ba lần lời phát nguyện an cư thì sự an cư cũng thành tựu.

Liên hệ với tự viện, có thể một hay nhiều ngôi nhà nhỏ tạo dựng trong khuôn viên hoặc ngoài khuôn viên của chùa, gọi là thiền thất, hoặc thất, hoặc cốc, dành riêng cho một người tu tập. Nếu một vị tăng, ngoài mùa an cư, muốn dành ra một tuần, một tháng, hoặc ba tháng để thực hiện tọa thiền, thì ông ta có thể sử dụng một thiền thất như thế. Vị tăng này cũng xin làm lễ kết giới trong một khuôn viên nhỏ bao bọc thiền thất (có khi giới hạn là bốn vách của thiền thất). Một vị sa di trẻ tuổi được cử ra để giúp vị tăng kia về mặt cơm nước, áo quần, nước nôi, v.v... Vị sa di này thường để tâm săn sóc và cung cấp những gì vị tăng chỉ nói khi nào rất cần thiết, vì trong những thời

gian tĩnh tu như vậy ông ta thường không nói. Có thể ông ta chỉ viết một câu trên một mảnh giấy và trao cho vị sa di.

Mỗi vị sa di thường thân cận một vị tỳ khưu để học hỏi và để được chỉ dẫn. Người chỉ dẫn này có thể là vị hòa thượng, vị yết ma hay vị giáo thụ trong hội đồng truyền giới. Trong trường hợp những vị này không có mặt trong tu viện thì một vị khác sẽ được chỉ định để hướng dẫn vị sa di, làm người nương tựa cho sa di. Khi vị sa di mới thụ giới tỳ khưu, ông ta cũng phải y chỉ (nương tựa) vào một vị tỳ khưu có nhiều hạ lạp (tuổi hạ) hơn để được chỉ dẫn về cách học hỏi và tọa thiền.

TỌA THIỀN, DU PHƯƠNG, ỨNG PHÚ

Trong mỗi tu viện, vị thiền sư giữ trách nhiệm giảng dạy và hướng dẫn việc tọa thiền thường được gọi là Thượng tọa. Trách vụ chính của vị này không phải giảng giải kinh luận và Phật pháp, mà là hướng dẫn sự tu thiền. Những buổi giảng dạy về cách tu thiền thường ngắn ngủi. Tiếp theo là thì giờ thực tập. Ai có điều gì muốn hỏi thì hỏi trong giờ giảng dạy đó. Nhưng tại những tu viện đông đảo, trong mỗi buổi giảng dạy như thế, vị thiền sư chỉ có thể giải đáp thắc mắc cho một vài người. Những vị sa di và những vị tỳ khưu mới thụ giới ít có cơ hội để hỏi, vì vậy phải đem những thắc mắc của mình để hỏi những vị lớn tuổi hơn, nhất là những vị mình đang y chỉ. Thịnh thoảng thiền sư mở những cuộc tập hợp lớn gọi là đại tham để mọi người có cơ hội tham cứu. Nhưng tại các buổi đại tham này, chỉ những người có căn cơ khá vững mạnh mới dám đặt câu hỏi. Bởi thiền sư thường hay lật ngược các câu hỏi để khám phá trình độ tu chứng của người hỏi.

Stịnh thoảng có giờ rời rảnh, vài ba người được gặp thượng tọa nơi hành lang hoặc trên bờ hồ hay ngoài sân cỏ, họ có thể lợi dụng cơ hội để tham cứu. Những cuộc tham cứu này được gọi là tiểu tham, dễ dàng cho những người sơ cơ hơn. Sơ cơ có nghĩa là mới bắt đầu sự nghiệp tu học mà thôi, đạo nghiệp còn chưa vững. Mỗi tháng một lần, có khi vài tháng một lần, các thiền giả được vào giáp mặt thiền sư trong vài ba phút. Cơ hội này rất quý hóa, bởi thiền giả được thiền sư tiếp một mình, và do đó chỉ có một mình đối diện thiền sư. Có khi thiền giả đặt câu hỏi, có khi thiền sư đặt câu hỏi thăm dò thiền giả; có khi thiền giả trình kiến giải của mình để thiền sư ấn chứng hoặc lắc đầu. Ấn chứng có nghĩa là công nhận rằng kiến giải kia đích thực phát sinh từ những chứng nghiệm của thiền giả, và thiền giả đã đi đúng đường, nên tiếp tục con đường thiền quán hiện tại. Nếu thiền sư lắc đầu thì thiền giả phải cố hỏi để tìm ra chỗ sai lầm của mình trong lúc hành trì, để sự thực tập của mình có kết quả hơn.

Tại tu viện, ngoài thì giờ làm vườn, trồng khoai, trồng bắp, quét dọn, chư tăng tụng kinh,

công phu, học Phật, giảng kinh, dịch kinh và tọa thiền. Có những vị ở luôn suốt đời tại tu viện có vị đi du phương để tham khảo Thiền học với những bậc cao đức nổi tiếng; gặp được bậc thầy vừa ý thì xin lưu trú lại để học đạo và thực tập dưới sự chỉ dẫn của vị này. Có vị ra lập chùa mới và đào tạo các vị tăng sĩ trẻ, bắt đầu từ sự thu nhận những người muốn thụ giới sa di. Có vị ra cộng tác với vài ba vị khác, mở trường dạy Phật pháp. Có vị ra trú trì và hành đạo tại các chùa nhỏ ở các địa phương chưa có tăng sĩ. Mùa hạ họ trở về tu viện an cư; trong chín tháng còn lại, họ hành đạo tại địa phương, giảng giáo lý cho tín đồ, làm lễ quy y tam bảo cho người mới vào đạo, tổ chức tụng kinh sám hối, cầu an, cầu siêu tại chùa. Họ lại đáp lời mời của tín đồ để tới tư gia tụng kinh, giảng đạo trong những dịp cầu an, cầu siêu, tang lễ, v.v... Công việc này gọi là công việc ứng phó, đáp ứng nhu cầu tôn giáo tín ngưỡng của quần chúng. Trong chùa, họ nuôi những người trẻ làm sa di. Chùa có ruộng và vườn thì họ làm ruộng làm vườn; nếu công việc hành đạo chiếm nhiều thì giờ quá thì họ nhờ người cư sĩ tới làm công quả, lo việc vườn ruộng cho chùa. Sau khi những vị sa di đã học tập xong cơ bản của Phật pháp, họ gửi những vị này về tu viện để tiếp tục học thêm. Những tăng sĩ lo việc hành đạo ứng phó thường thân cận nhiều với tín đồ, và nhu yếu tín ngưỡng của tín đồ khiến cho yếu tố Mật tông và Tịnh độ tông càng ngày càng mạnh. Ở các tu viện thiền, ảnh hưởng Mật tông và Tịnh độ tông tuy lớn, nhưng sự tọa thiền vẫn là chính yếu. Tại các lễ cầu an, cầu siêu, sự trì tụng các đà la ni và sự niệm Phật cầu vãng sinh trở thành chính yếu. Số lượng của những vị hành đạo ứng phó thường lớn hơn số lượng của những vị cư trú thường trực trong tu viện. Thường thường người ta ước lượng sự thịnh suy của Phật giáo bằng những trước tác của tăng sĩ và bằng những công trình nghệ thuật và văn học của họ. Tuy vậy, có những người tu học chứng ngộ mà không để lại công trình sáng tác nghệ thuật và văn học; sự thịnh suy không thể chỉ được định đoạt trên những chứng tích kia. Hơn nữa, đứng về mặt tôn giáo tín ngưỡng, sự tôn sùng của quần chúng và số lượng đông đảo của tăng sĩ phụng sự cho tín ngưỡng, cũng có thể được nhận là một dấu hiệu hưng thịnh của Phật giáo dù sự hưng thịnh ấy chỉ đáng kể về mặt tín ngưỡng mà không phải là sự tu chứng.

SINH HOẠT CỦA GIỚI TẠI GIA

Nếu trong hàng xuất gia, các giới luật Sa Di và Tỳ Khưu thuộc Tiểu Thừa còn luật Bồ Tát thuộc Đại Thừa, thì trong hàng tại gia, Ngũ Giới và Bát Quan Trai thuộc Tiểu Thừa còn giới Thập Thiện và Bồ Tát thuộc Đại Thừa.

Xuất gia:

Tiểu Thừa: Sa Di, Tỳ Khưu

Đại Thừa: Bồ Tát giới, Thập Thiện giới

Tại gia:

Ngũ Giới, Bát Quan Trai giới, Bồ Tát giới

Thuyết minh đầu đủ về Ngũ Giới là Kinh Ưu Bà Tắc giới. Nếu một người tại gia chỉ có khả năng lĩnh thụ và hành trì một trong hai hoặc năm giới thì được gọi là thiếu phần ưu bà tắc. Những người thụ trì ba giới trở lên được gọi là đa phần ưu bà tắc. Những người thụ trì đủ hết năm giới thì được gọi là toàn phần ưu bà tắc. Người nữ thì gọi là ưu bà di (Upāsikā).

Bát quan trai giới gồm có tám giới cộng thêm sự ăn chay. Giới này được thụ trì trong một ngày một đêm tại chùa. Người cư sĩ nhận giới này có thể sống y như người xuất gia trong vòng hai mươi bốn giờ đồng hồ. Tám giới là: 1) không sát sinh; 2) không trộm cướp; 3) không tà dâm; 4) không nói dối; 5) không uống rượu; 6) không dùng hương phấn dầu thơm; 7) không nằm giường cao rộng êm ái; 8) không ăn uống ngoài giờ được chỉ định. Chữ quan trong Bát Quan Trai giới có nghĩa là cánh cửa. Thực hành giới này có thể giúp ta đóng bớt những cánh cửa phiền não, loạn tâm, cho nên gọi là "cánh cửa", trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, người cư sĩ tập trung sống trong chính niệm và quán chiếu, gặp gỡ thầy và bạn để học hỏi thêm Phật pháp, ngồi thiền, tập thờ, cắm hoa, học kinh v.v... Thời gian tu Bát Quan Trai giới có thể ảnh hưởng tới những ngày còn lại trong tháng. Bát Quan Trai giới cũng được xem là gạch nối giữa đời sống tu viện và đời sống tu sĩ, và ảnh hưởng của đời sống tu viện đến đời sống cư sĩ phần lớn đều do phương pháp tu học này.

Bồ tát giới, như ta đã biết, gồm có mười giới nặng và bốn mươi tám giới nhẹ, có thể áp dụng cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Bồ tát giới được thiết lập căn cứ trên phẩm Bồ Tát Tâm Địa giới của kinh *Phạm Võng Đại Thừa*. Truyền thống Phật Giáo cho rằng thuyết phục được một nhà lãnh đạo quốc gia (nhơn vương) thụ Bồ tát giới là một công trình rất lớn. Nếu vị Quốc Vương phát nguyện đem khả năng và quyền năng của mình mà làm lợi ích cho nhân loại, thì sự hành đạo có kết quả lớn lao. Giọt mực dưới ngọn bút một vị Quốc Vương, khi ông ta sắp ký một đạo dụ miễn thuế cho dân chúng hay loại trừ những hình phạt tra tấn giam cầm chẳng hạn, được xem như là một giọt nước có đồng tính chất với giọt nước cam lộ từ bi dưới nhánh dương liễu của Bồ tát Quán Thế Âm (6). Trong những thời đại có sự hiện hữu của một đấng quân vương như thế, các tu viện trong thời "chúc tán" mỗi ngày sóc vọng đều có xưng tán và cầu nguyện cho vị "hộ quốc nhơn vương Bồ tát."

Theo sách *Tam Tổ Thực Lục*, năm 1304 vua Anh Tông thỉnh chư tăng vào cung để các quan trong triều thụ giới. Điều Ngự Trúc Lâm chủ tọa buổi truyền giới. Quốc phụ Thượng Tể (Huệ Võ Vương Trần Quốc Chấn) cũng thụ Bồ tát giới tại gia năm 1321. Mãi cho đến cận đại, những Phật

tử cư sĩ nào có ảnh hưởng lớn trong xã hội đều được khuyến thỉnh thụ Bồ tát giới tại gia, dù họ là người trong chính quyền hay trong nhân gian, trí thức hay không trí thức.

Thập Thiện giới được thiết lập căn cứ trên kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, gồm có mười giới:

- 1- Không giết hại sinh mạng, phải tìm cách bảo vệ sinh mạng;
- 2- Không trộm cướp, phải thực hành bố thí;
- 3- Không tà dâm, phải bảo vệ danh dự và hạnh phúc kẻ khác;
- 4- Không nói dối, phải nói sự thật;
- 5- Không nói lời ly gián, phải nói lời xây dựng và hòa giải;
- 6- Không chửi rủa, phải nói lời nhẹ nhàng dễ mến, ái ngữ;
- 7- Không nói lời thêu dệt, phải nói lời tạo nên sự tín nhiệm kính nể;
- 8- Không để tâm tham dục điều khiển mình, phải sống giản dị;
- 9- Không để tâm giận dữ oán thù, phải phát triển tâm từ bi;
- 10- Không níu chặt thành kiến, phải cởi mở để trao đổi.

Mười giới trên có đặc tính của Đại Thừa. Theo sự giải thích của Trí Giả, người thành lập Thiên Thai Tông ở Trung Hoa, thì Thập Thiện có hai mặt: Một mặt là chỉ tức là ngừng lại không làm điều sai ác, một mặt là hành tức là thực hiện những điều lành. *Tam Tổ Thực Lục* cho biết Điều Ngự Trúc Lâm sau khi đi xuất gia thường đi sâu trong nhân gian thuyết pháp về Thập Thiện và khuyến khích dân chúng thực hành giáo lý Thập Thiện.

Trong những thời đại dưới ảnh hưởng của Mật Giáo, người cư sĩ còn chịu lễ quán đảnh (7) và thụ Bồ đề Tâm giới. Bồ đề Tâm giới cũng là luật của Mật tông, còn được gọi là Tam Muội Gia giới (Samaya). Tam Muội Gia có sau đặc tính:

- 1- Hội, có tính chất hội tụ;
- 2- Thời, đúng lúc;
- 3- Tông, thích nghi với truyền thống tông phái;
- 4- Bình đẳng, thể nhập vào thể tính chung của Phật và Bồ tát.
- 5- Kính giác, tỉnh táo và ý thức;
- 6- Trừ cấu chướng, gột bỏ những điều chướng ngại bất tịnh trong tâm lý.

Sáu điều kiện kia là sáu đặc tính của tâm giác ngộ (Bồ đề tâm) theo định nghĩa của Mật Giáo. Bồ đề Tâm giới là giới luật sơ bộ của Mật tông. Giới luật này phải thực hiện đầy đủ trước khi được phép cho thụ trì phép Truyền Pháp Quán Đỉnh (không phải phép Kết Duyên Quán Đỉnh).

Bồ đề Tâm, bản chất của Tam Muội Gia, gồm có ba mặt.

1) Bồ đề tâm hạnh nguyện, phát nguyện thực hành. Nhận thức được rằng tất cả mọi chúng sinh đều có khả năng giác ngộ, nên phát nguyện cứu độ. Mà muốn cứu độ thì phải thực hành bốn lời nguyện lớn(8)

2) Bồ đề Tâm thẳng nghĩa, chấm dứt những tư tưởng ngôn từ và hành động thấp kém; học tập phát huy những tư tưởng, ngôn từ và hành động cao đẹp.

3) Bồ đề tâm tam muội gia, có sáu đặc tính đã kể trên.

Vào ngày chư tăng xuất hạ (rằm tháng Bảy), hội Vu Lan được tổ chức rất lớn tại các chùa; đó là nhờ sự ủng hộ của giới tại gia. Căn cứ trên Kinh Vu Lan Bồn (Ullambana), lễ Vu lan được tổ chức để cúng dường chư tăng, cầu nguyện cho ông bà cha mẹ đã khuất được siêu độ. Những cuộc chẩn tế cho người nghèo, những cuộc thăm viếng người bệnh, những lễ phóng sinh (thả tự do cho chim, cá và những loài khác đã bị bắt) được tổ chức. Nhưng linh nhất là cuộc chẩn tế cho cô hồn: đàn chẩn tế và thí thực được tổ chức từ chiều cho tới khuya. Phép chẩn tế cô hồn được thực hiện theo một nghi thức mang nặng tinh chất Mật Giáo: đó là nghi thức Du Già khoa nghi. Sách *Pháp Sư Đạo Tràng Công Văn Cách Thức* ấn hành năm 1299 thế nào cũng đã chứa đựng một Khoa Nghi về Chẩn tế. Tuy vậy đến năm 1302, khi Hứa Tông Đạo từ Trung Hoa sang, pháp thức chẩn tế mới trở thành rườm rà, nghi thức đầy dẫy văn chương, ấn quyết và thần chú. *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn* của Lê Thánh Tông, *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* của Nguyễn Du đều lấy cảm hứng ở đoạn văn thỉnh thập loại cô hồn trong Khoa Nghi Du Già.

Ngoài hội Vu Lan còn hội Phật Đản. Từ đời Lý, mỗi năm hội Phật Đản đã được tổ chức thật lớn lao rồi. Vua Lê Thánh Tông có lẽ là người đầu tiên đã làm cho lễ Phật Đản đã được tổ chức thật lớn lao rồi. Vua Lý Thánh Tông có lẽ là người đầu tiên đã làm cho lễ Phật Đản trở thành quốc lễ lớn. Lễ tắm Phật bằng nước Ngũ Vị Hương được cử hành sáng ngày mồng một tháng tư tại chùa Diên Hựu. Vua, hoàng hậu, các hoàng tử và công chúa cùng triều thần bách quan đều có mặt. Dân chúng các nơi tụ về rất đông để dự lễ. Sau khi chư tăng tụng xong kinh Phật Thuyết Dục Tượng Công Đức, thì nước thơm được dội lên tượng Phật. Trong khi đó, Vua, quan và quần chúng chấp tay hướng về niêm Phật.

Sau lễ tắm Phật là lễ Phóng Sinh. Vua bước lên kim đài dựng ở trước chùa. Chư tăng tụng kinh *Kim Quang Minh* trong khi một lồng chim được dâng lên. Kinh vừa dứt, vua đưa tay vào lồng bắt một con chim thả cho bay lên. Dân chúng hô lên "Vạn Tuế" rồi cùng thả chim rợp trời. Đời các vua sau đều làm theo vua Thánh Tông trong ngày Phật Đản. Vua Thánh Tông băng hà vào tháng Giêng âm lịch năm 1072; vua Nhân Tông làm lễ nối ngôi ở trước linh cữu. Nhưng vua đợi cho đến sau ngày Phật Đản (mồng tám tháng tư), hành lễ tắm Phật và Phóng Sinh xong thì mới ngự ra điện Thiên An thiết triều lần thứ nhất.

Lễ Tắm Phật và Phóng sinh được tổ chức

vào buổi sáng. Buổi tối có lễ Phóng Đăng, thả hàng ngàn đèn trôi trên sông hồ. Đến đời Lê, lễ Phật Đản không còn là quốc lễ nữa, nhưng dân chúng vẫn tiếp tục phóng sinh và phóng đăng trong ngày Phật Đản dù không có vua chúa tham dự.

Những ngày lễ khác như ngày Kỳ Niệm Xuất Gia, Thành Đạo và Nhập Diệt của Phật cũng được tổ chức, nhưng không được trọng thể bằng hai lễ trên. Thêm vào đó còn các ngày vía các Đức Phật và Bồ Tát.

Những tối 14 và 30 mỗi tháng, nhiều gia đình lên chùa lễ Phật sám hối... Vào những ngày rằm và mồng một, mọi người trong gia đình thường lên chùa lễ Phật, cúng dường, đem theo hoa quả và trầm hương, đèn nến.

Trong quan niệm đạo Phật bình dân, mục đích gần nhất của sự tu hành là tạo thêm công đức. Công đức vốn được dịch từ danh từ Phạn ngữ punya, là sự tập hợp của những hành động tốt, là một kho tàng vô hình bảo đảm cho hạnh phúc của tương lai. Nếu có nhiều công đức, người ta sẽ được sống an lành trong kiếp này và trong những kiếp sau, không những mình và con cháu mình được có thể được thừa hưởng. Công đức cũng như một trường mục tiết kiệm trong ngân hàng vậy. Muốn tạo công đức phải làm công quả. Công quả là một danh từ bình dân có nghĩa là có công thì có quả. Giữ giới, ăn chay, tụng kinh, in kinh, làm chùa, đúc tượng, cúng chùa, chẩn tế cho người nghèo khổ và cho cô hồn đói lạnh... đó là những việc làm tạo nên công đức. Nếu không có phương tiện tài chính thì cũng có thể dùng thì giờ của mình để tạo công đức, như tới chùa tụng kinh cầu an, cầu siêu, sung vào ban tượng tế để đi lo cho những người nghèo khổ, đói, bệnh.

Người cư sĩ cũng biết rằng mục đích cuối cùng của sự tu hành là giải thoát. Những phương pháp tạo dựng công đức trên kia được gọi là tu phúc, không đủ để giải quyết vấn đề sống chết mai sau. Vì vậy phải tu huệ. Tu Huệ là niệm Phật, học kinh và ngồi thiền. Niệm Phật là một lối ngồi thiền dễ thực hành hơn hết, vì niệm Phật cũng đưa đến sự định tâm, gọi là nhất tâm bất loạn.

- (6) Lời tán dương nước từ bi của Quán Thế Âm: "Hoặc đọng dưới ngòi bút rồng của đấng quân vương sẽ làm cho sông ơn tràn khắp, hoặc đọng trên cành liễu của Bồ tát tươi thành cam lộ" (Hoặc tại quân vương lọng bút hạ tán tác ân ba, hoặc cư Bồ tát dương liễu đầu sai vi cam lộ).
(7) Xin xem chú thích Quán đỉnh ở Chương XVI: "Tổng quan về Phật Giáo đời Trần" tập I
(8) Tứ hoằng thệ nguyện: "Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; phiền não vô tận thệ nguyện đoạn; pháp môn vô thượng thệ nguyện học; Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành."

CỘI NGUỒN XUÂN

*Ô hay xuân vẫn chưa tàn
Ngân ngơ một cõi địa đàng bướm hoa
Kê từ cô quận đi ra
Một trời phương ngoại thiết tha đã từng
Nhớ người chung cuộc rung rung
Ruồi rong mây độ nửa chùng xuân sang
Mộng hồ điệp hãy chưa tan
Mình mơ hay chú bướm vàng hóa thân
Mới hay đời những phong trần
Dở dang tình chữa một lần phi phong
Này em má đỏ môi hồng
Mùa xuân ca hát giữa dòng thiên nhiên
Thương sao vóc hạc em hiền
Tình đau chẳng đặng vẫn miền hỷ hoan
Đêm rằm trẩy hội lên non
Hoàng hoa hóa hiện hai con hạc vàng
Xuân xanh ngát lá trên ngàn
Nguyệt thường hiển hiện bóng nàng phát phơ
Em về phố chợ rong chơi
Áo xiêm xúng xính mắt ngời phấn son
Sắc xuân nàng nhé mãi còn
Dở dang tình vẫn chưa tròn tương tư
Ngày xưa chưa nói tạ từ
Ngày xuân giữ lại trang thư úa vàng
Thay màu áo mới xuân sang
Cội nguồn xuân vẫn vĩnh hằng hỷ hoan.*

ÁO LỤA XÈNH XANG

*Tôi xa cố quận mấy mùa
Ngày xuân man mác lên chùa niệm hương
Mai vàng rực rỡ một phương
Nao nao ngày tết nhớ thương ngút ngàn
Xùng xình áo lụa xênh xang
Em vui trẩy hội rộn ràng trồng lân
Trăm năm một cuộc phong trần
Tết miền phương ngoại mấy lần phi phong
Dư âm chất chứa trong lòng
Mùa xuân cố quận một dòng ngát xanh
Này em vóc hạc thanh thanh...*

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

Atlanta, tháng giêng 2017

PHẬT TỬ VIỆT NAM ĐẦU TIÊN

Nguyên Giác dịch ra tiếng Anh

Chử Đồng Tử là người Phật tử Việt Nam đầu tiên.

Ông sống cùng cha là Chử Cù Vân tại Hưng Yên trong thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch. Một hôm, nhà cháy, chỉ còn chiếc khố hai cha con thay nhau mặc. Khi rời nhà, Chử Đồng Tử mặc khố và cha phải ở nhà, và ngược lại.

Trong giờ hấp hối, người cha dặn con phải giữ lấy khố để mặc. Thương cha, Chử Đồng Tử cãi lời, liệm khố chôn theo cha. Chử Đồng Tử câu cá ban đêm, ban ngày bơi theo thuyền buôn để đổi thực phẩm.

Vua Hùng Vương thứ ba có con gái tên là Tiên Dung, cô thích đi thuyền du lịch khắp nước. Một hôm, công chúa và đoàn hầu tới Hưng Yên. Thấy đoàn thuyền rồng tới, Chử Đồng Tử vui mình vào cát ẩn thân.

Tiên Dung quây màn quanh một bờ lau để tắm, không ngờ gần Chử Đồng Tử. Cô xối nước tắm, làm lộ thân hình Chử Đồng Tử dưới cát. Ngạc nhiên và mắc cỡ, Tiên Dung hỏi sự tình. Rồi suy nghĩ kỹ, công chúa xin kết hôn với Chử Đồng Tử.

Buồn bực và giận dữ, Vua Hùng Vương cấm công chúa về cung. Cặp vợ chồng mới dọn về Hà Thám, mở chợ, buôn bán hàng để mưu sinh. Dân địa phương kính thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung làm chúa, để tỏ lòng mang ơn hai người làm cho khu vực trở nên thịnh vượng.

Chử Đồng Tử và bạn thương buôn thường du hành để mua bán. Một hôm, nhìn thấy ngọn núi Quỳnh Tiên của huyện thoại, Chử lên núi, gặp vị sư tên Phật Quang (nghĩa: ánh sáng Đức Phật) tu ở một ngôi chùa. Sau khi nghe sư thuyết pháp, Chử Đồng Tử giao hết tiền cho bạn thương buôn để ở lại học Phật Pháp với nhà sư.

Khi bạn thương buôn quay thuyền lại đón, Chử Đồng Tử được Phật Quang tặng một cây gậy và một chiếc nón lá thần thông. Chử Đồng Tử về nhà, kể cho vợ về giáo pháp giải thoát. Hai người bỏ việc buôn bán, lên đường tìm thầy học đạo.

Một hôm, hai vợ chồng thấy mệt, nên ngừng nghỉ giữa đồng, cắm gậy úp nón lên trên.

Bỗng nửa đêm, thành quách, cung điện vàng hiện lên cùng với lính gác, người hầu.

Dẫn chúng trong vùng kinh ngạc, tới dâng hương và trái cây, xin làm thần dân của hai người. Nơi này trở nên phồn thịnh và độc lập như một nước riêng.

Vua Hùng Vương nghĩ là dân vùng này có ý tạo phản, nên ra lệnh cho lính tới dẹp. Khi lính nhà vua tới, dân chúng xin ra trận chống cự nhưng Tiên Dung chỉ cười và nói mọi người hãy bình yên.

Trời tối, quân nhà vua đóng trại bên kia sông, ở bãi Tự Nhiên.

Đến nửa đêm, bỗng nhiên bão to gió lớn nổi lên, lay động khắp vùng. Thành trì, cung điện, Tiên Dung, Chử Đồng Tử, lính gác và thần dân bay lên trời. Đất sụp xuống và trở thành một cái đầm lớn.

Cho đó là điều linh dị, nhân dân bèn lập miếu thờ hai người, gọi đầm đó là đầm Nhất Dạ Trạch (Đầm Một Đêm).

Truyện vừa kể trên là từ văn học truyền khẩu. Nhưng hiện nay đang có ít nhất bốn ngôi đền cổ ở tỉnh Hưng Yên, nơi dân chúng tôn thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung. Vào thế kỷ thứ 6, Tướng Triệu Quang Phục đưa binh đoàn trú đóng trong Đầm Dạ Trạch để mai phục quân Trung Quốc xâm lăng. Đó là cuộc chiến du kích đầu tiên tại Việt Nam. Bản doanh chiến khu này bây giờ là xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

PHÁP THIỀN

Hãy tỉnh thức trong mọi thời;

hãy cảm thọ hơi thở vào và ra.

Hãy thấy rằng trong hít thở, chỉ có hơi thở chuyển động

và không hề có ai đang thở.

Hãy thấy rằng trong cảm thọ, chỉ có cảm thọ biến đổi

và không hề có ai cảm thọ.

GHI CHÚ:

Bảng hình này đã hiệu đính. Dịch giả trân trọng cảm ơn cư sĩ Nguyễn Đình Trung về góp ý chính xác rằng Chử Đồng Tử đúng là trong thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch.

Bảng hình có thể xem ở đây:

<http://youtu.be/qQ5Cv85c4To>

(Xem bản dịch tiếng Anh →)

THE FIRST VIETNAMESE BUDDHIST

Translated by *Nguyen Giac*

Chu Dong Tu was the first Vietnamese Buddhist.

He lived with his father, Chu Cu Van, in Hung Yen in the third century BC. One day, a fire burnt their house down and left only a loin-cloth for them to share. While going out of the house, Chu Dong Tu wore it and his father had to stay home, and vice versa.

When laying dying, his father told his son to inherit the loin-cloth. Loving his father, Chu Dong Tu disobeyed and buried it with his father's body. Chu Dong Tu went fishing at night, and swam at day to merchant boats to exchange food.

The third Hung King had a princess named Tien Dung, who liked traveling by boats around the country. One day, she and her royal entourage came to Hung Yen. Seeing the royal boats coming, Chu Dong Tu got in hiding beneath the sand.

Tien Dung hung curtains around a reed bank, incidentally near Chu Dong Tu, and took shower. She poured water on her body, and his body was exposed when the sand slipped. Surprised and shy, Tien Dung asked about his situation. Then after thinking carefully, she asked him to marry her.

Sad and angry, Hung King banned her from entering the palace. The newlywed couple moved to Ha Tham, opened a market, and traded goods for a living. To show their gratitude for bringing them prosperity, the local people revered the couple as their royal rulers.

Chu Dong Tu and his fellow merchants frequently traveled for trade and business. One day, seeing the legendary Quynh Tien Mountain, he climbed up and met a monk named Phat Quang (meaning the Light of Buddha) at a temple. After listening a sermon from the monk, Chu Dong Tu left all the money to his fellow merchants, and stayed with the monk to learn Buddhism.

When his fellow merchants sailed back to pick him up, Chu Dong Tu was given by Phat Quang a magical staff and a magical cone hat.

Chu Dong Tu came home, and told his wife about the way of liberation.

The couple left their business, and traveled afar to seek a master who would teach them the Buddhist way.

One day, they felt tired and stopped to rest in a vacant field. They put the staff straight up

and hung the cone hat over it.

At midnight, they saw a citadel appeared around and in which a gold palace with so many their new subjects and guardsmen.

Surprised, the villagers in the region came to offer fruits and incense, and asked Chu Dong Tu and Tien Dung to become their lords. The region turned prosperous and independent as a new kingdom.

Thinking that the regional people tried to incite an uprising, the Hung King ordered his soldiers to conquer the region. When the royal soldiers came near, the regional people showed the will to go to war. Tien Dung smiled and told everybody to remain at peace.

The sky turned dark. The royal soldiers had to camp across a river, at Tu Nhien Field.

At midnight, a storm with strong wind shook the whole region. Then the citadel, the gold palace, Tien Dung, Chu Dong Tu, the guardsmen and all regional people fled into the sky. The land below collapsed and became a large marsh.

Filled with awe, the villagers around built a shrine to worship the couple, and named the marsh as Nhat Da Trach Marsh (The Marsh That Was Created in Just One Night).

The story above is a folktale recorded from ancient oral history; however, there are currently at least four ancient shrines in Hung Yen Province where they worship Chu Dong Tu and Tien Dung. In the 6th century, the General Trieu Quang Phuc kept his soldiers hiding in the Nhat Da Trach Marsh to ambush the invading Chinese troops. That is the first guerrilla war in Vietnam. The guerrilla stronghold now is part of the Da Trach Commune, Khoai Chau County, Hung Yen Province.

MEDITATION

Be mindful all the time;

just feel the breaths in and out.

See that in breathing there is just the breaths moving

and there is no one who breathes.

See that in feeling there is just the feeling varies

and there is no one who feels.

NOTE: This is the corrected version. The translator would like to say thanks to Mr. Nguyen Dinh Trung for his correct advice that the time of Chu Dong Tu should be in the third century BC.

The video can be watched here:

<http://youtu.be/qQ5Cv85c4To>

SÀU RIÊNG GIỌT NẶNG

rượu nóng hơi cay đường khuya vắng
một trời nổi gió dưới chân đêm
buồn trông
ngóng đợi trăng lên
sầu riêng giọt nặng ướt thêm rêu tôi.

NỖI BUỒN NHẢY MÙA

mùa như trăng rùng đêm
ôi nổi sầu ta tuyết điệu
khóc lên đi
lệ rung run
nổi thâm kín như sương mù
khóc khô sợi nước
mùa êm mưa hôn ta
ôi mộng nào chảy như rừng sóng bạc
khóc lên đi lệ thom tho
nổi buồn đó theo ta sầu năm tháng
mùa đau cho đời ta
ôi nổi buồn rục rờ
khóc lên đi lệ tình ta
buồn thiên thu trong hôn ta nhảy mùa.

NGÁT NGÂY

chỉ thấy em cười là ngát ngây
những vết say tươi đọng nơi này
xin làm một chút tình thơ đẹp
cho em run nhẹ mỗi lần say
mắt sáng môi hồng vui áo xanh
vàng từng buổi nắng má hanh hanh
trong bóng trời xuân em nhẹ bước
cỏ đường như mở rộng hồn anh
nắng chạy trên đường theo dáng xuân
vàng trên cây cỏ nổi băng khuâng
em vươn tay đẹp trời năm tháng
ngây ngát len về run xác thân.

TÌNH TÔI

tôi si dại với tình tôi
tôi đau giữa lúc vành môi em cười
tôi thơ thẩn nhật tình người
tôi khiêm cung nhận nửa đời nhân duyên
tôi yêu trong nỗi buồn phiến
tôi tan tác giữa tình biển biệt bay.

SÓT LẠI

dù sao cây cũng còn xanh lá
em vẫn còn đây với mộng vàng
tôi còn đây với tương tư lạ
cuối mùa hoa phượng gió thu sang

còn đây chuông sớm rung hư tịch
gác vắng tinh sương vọng tiếng cười
giòng nước phân chia đời hai nẻo
tình xa dư vị đắng lòng tôi.

QUYÊN RŨ

một góc em cười ta xôn xang
đường chim xoã tóc rũ thiên đàng
màu nắng tìm về trong dáng liễu
một phút em cười, ta bất an

đợt sóng nào đưa em đến ta
huyền hư áo mở vóc thân ngà
mắt em chỡ cả trời huyền mộng
ập xuống hôn ta mây trận hoa

đời sóng nào dâng em dáng tiên
trời nhưng trái thảm đón chân mềm
một phút nào thôi trời chợt tắt
đường cung ta thấy mỗi màu êm.

thơ PHÙ DU



PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ NHÂN QUYỀN

TORU SHIOTSU - *Giáo sư Luật, Đại học Soka (Tokyo)*

Nguyễn Hiệp dịch

Thường có những hoài nghi về mối liên hệ giữa Phật giáo và vấn đề nhân quyền. Sự thật là kinh sách Phật giáo không trực tiếp đề cập đến nội dung hay hình thức "bảo vệ nhân quyền" theo quan điểm hiện nay. Tuy nhiên, Thánh kinh của Thiên Chúa giáo và kinh sách của các tôn giáo khác cũng không ngoại lệ. Vậy tại sao Thiên Chúa giáo và Phật giáo lại nhận lấy sự phê bình khác nhau về sự đóng góp của họ đối với lý thuyết nhân quyền? Câu trả lời nằm ở sự phát triển riêng biệt của hai tôn giáo về chiều hướng, mục đích trong việc nắm bắt những vấn đề khác nhau của xã hội hiện đại, trong khi vẫn giữ gốc rễ nơi các kinh điển được viết vào thời xa xưa, và những nỗ lực giải thích những kinh sách này đã được thực hiện như thế nào. Trong bài viết này, tôi sẽ xem xét những vấn đề này, chủ yếu tập trung vào phương pháp giải thích.

Quan điểm triết học về luật

Đề tài Phật giáo và Nhân quyền, trên thực tế, không được nghiên cứu nhiều ở Nhật và ở những nước khác. Về đề tài này, nổi bật nhất là những bài viết của Sally King và Damien Keown - hai tác giả này tiếp cận lý thuyết nhân quyền từ chuyên ngành Phật học. Phương pháp tiếp cận mà tôi sẽ thực hiện khởi từ quan điểm luật học. Lý thuyết nhân quyền chủ yếu liên quan đến luật. Và trong khi đề tài của tôi có thể giống với đề tài của những tác giả như King và Keown, thì phương pháp nghiên cứu của tôi hoàn toàn theo chiều hướng ngược lại.

Có lẽ tôi nên giải thích ở đây rằng luật mà tôi muốn nói không phải luật trong nghĩa hẹp của cách hiểu luật pháp, mà đây là sự tiếp cận Phật giáo từ quan điểm rộng về triết học luật. Quan điểm triết học luật trong trường hợp này không nói đến việc bảo đảm những quyền căn bản của con người, mà nhận diện một cơ sở lý thuyết đối với quyền con người theo nghĩa của từ này. Ở đây, tôi xem nhân phẩm (Human Dignity) là cơ sở của lý thuyết quyền con người, và xem xét tư tưởng Phật giáo có thể đóng góp cho vấn đề nhân phẩm như thế nào. Do đó ở cả hai phương diện, lý thuyết nhân quyền và tư tưởng Phật giáo, tiêu điểm sẽ tập trung vào phương pháp giải thích.

Trước hết tôi sẽ xem xét vấn đề phương pháp giải thích lý thuyết nhân quyền. Tiêu điểm ở đây tập trung vào việc trao đổi về quan

điểm quyền tự nhiên trong triết học luật, và nhân phẩm là nền tảng của nhân quyền. Về quyền tự nhiên, tôi đề cập đến quan điểm "tất cả con người sinh ra đều tự do và bình đẳng" được tìm thấy trong Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ năm 1776, và Tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1789, được đặt cơ sở trên cách nhìn về nhân loại mà nó xác nhận rằng, ở trạng thái tự nhiên của mình, loài người sống trong bình đẳng và tự do. Khái niệm về quyền tự nhiên này từng là sức mạnh thúc đẩy các cuộc cách mạng Anh, Pháp và Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, mỗi khi những cuộc cách mạng này kết thúc và mỗi quốc gia thảo nên một bản hiến pháp bảo đảm quyền con người, thì những quyền này trở nên "được hệ thống hóa". Rồi những gì đã xuất hiện là khái niệm về chủ nghĩa thực chứng luật pháp, khái niệm về tư tưởng luật được hệ thống hóa, quan niệm rằng chỉ những quyền cá nhân được định rõ trong hiến pháp mới được đảm bảo. Theo cách nghĩ này, bất cứ sự nghiên cứu nào về quan niệm nhân loại được tìm thấy nơi các khái niệm về quyền tự nhiên đều bị đánh mất, để lại hệ thống luật như là mối quan tâm duy nhất. Tuy nhiên, trái ngược với khuynh hướng này, một sự hưởng ứng quan điểm về quyền tự nhiên đã được nhận diện ở nhiều quốc gia, đặc biệt sau Thế chiến thứ II, kết hợp với sự tranh luận sôi nổi về những gì chính xác được định nghĩa là một con người, và những gì được quy định để bảo vệ phẩm giá của con người đó.

Ví dụ, hiến pháp Hoa Kỳ được ban hành trên 200 năm, và không tuyên bố rõ ràng về quyền đời tư, mà nó đã trở thành một quyền con người có tính bắt buộc trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên từ trường hợp của Roe vs Wade (quyền phá thai [1]), Tòa án tối cao Hoa Kỳ đã xác nhận quyền về đời tư trong giải thích của mình về nguyên tắc xét xử công bằng của Luật trong Tu chính thứ 14 (quyền công dân [2]). Bằng phương pháp giải thích này, các thẩm phán không xem xét quyền về đời tư được viết trong Hiến pháp có phải là một quyền con người cụ thể hay không, mà hiểu nó theo nguyên tắc xét xử luật như là một quyền con người mà nó tất yếu nên được bảo đảm vì sự tự do con người.

Ở quan điểm này của Tòa án tối cao, khái niệm về quyền tự nhiên không trực tiếp được

nói đến, nhưng chỉ ít nó cho thấy sự hiện diện của tự do và một cách nhìn về con người như là tự do quyết định lấy những vấn đề mà chính họ quan tâm. Triết gia luật Ronald Dworkin đã đưa ra vấn đề về phương pháp giải thích này một cách cụ thể hơn. Dworkin khẳng định rằng, để phân loại nhân quyền bằng việc xem chúng được phát biểu một cách cụ thể trong Hiến pháp hay không là vô nghĩa. Ông cũng xác nhận rằng Hiến pháp là một hệ thống các nguyên tắc, mà những nguyên tắc đó là sự đối xử công bằng và tự do căn bản, và rằng quyền về đời tư có thể suy ra từ những nguyên tắc này. Quan điểm của Dworkin phần nào gần với khái niệm về quyền tự nhiên.

Kế tiếp, chúng ta hãy xem xét hiến pháp Đức (Luật căn bản Bonn), xem như là một ví dụ mà ở đó khái niệm về quyền tự nhiên được thể hiện nơi những điều khoản thực tế của một bản hiến pháp. Điều 1 của hiến pháp Đức nói rõ rằng nhân phẩm là bất khả xâm phạm, và rằng quyền lực của bộ máy tư pháp, cơ quan lập pháp và hành pháp được gắn kết bằng cơ sở này. Hơn nữa, quy định về nhân phẩm ở trong hiến pháp hình thành nên cơ sở cho việc giải thích nó để bảo đảm những quyền con người cụ thể, và nhân phẩm là một quyền con người phổ quát bao gồm những quyền con người khác. Nói cách khác, giải thích chính xác nhân phẩm là gì là tối cần thiết trong việc bảo đảm nhân quyền.



The first paragraph of the first article of the German Constitution states, "Human dignity shall be inviolable. To respect and protect it shall be the duty of all state authority."

Câu đầu tiên trong Chương Một của Hiến pháp Đức xác định rằng "Không được xâm phạm phẩm giá con người."

Nhiệm vụ của chính quyền nhà nước là tôn trọng và bảo vệ phẩm giá con người."

Như những trường hợp này minh chứng, lý thuyết nhân quyền xem con người là tự do và bình đẳng đang có khuynh hướng gia tăng hiện nay, một niềm tin vốn có bên trong khái

niệm quyền tự nhiên, và đặt sự truyền bá cách nhìn này trên quan điểm nhân phẩm. Điều mà ở Nhật gọi là nhân quyền (jinken), và quyền lợi (kenri) thì trong tiếng Anh là "right" và tiếng Đức là "recht", cả hai đều có nghĩa là "đúng". Điều này có thể được xem như là bắt nguồn từ quan điểm rằng, thay vì phải đảm bảo nhân quyền bởi một hệ thống đặt ra để làm việc đó, nhân quyền nên được xây dựng và bảo vệ bởi hệ thống ấy vì chúng là "đúng", bởi vì chúng biểu thị cách mà đời sống con người nên là, và vì nhân phẩm.

Tóm lại, chỉ khi chúng ta xem xét vấn đề quyền con người từ quan điểm triết học về luật này thì chúng ta mới có thể nhìn thấy khả năng của những ý tưởng đã được chia sẻ bởi hệ tư tưởng Phật giáo. Nếu chúng ta thừa nhận phương pháp giải thích lý thuyết nhân quyền của chúng ta là một trong những quan điểm được đặt cơ sở trên nhân phẩm, chúng ta nên nghĩ về sự nối kết giữa phương pháp của chúng ta và câu trả lời cho câu hỏi nhân phẩm có ý nghĩa gì trong tư tưởng Phật giáo, thay vì nhăm vào những thành ngữ riêng biệt của kinh điển. Vì thế tôi nên đánh giá phương pháp giải thích này như đã đánh giá kinh điển Phật giáo.

Công việc giải thích các kinh điển Phật giáo

Như đã nói rõ từ đầu, việc không nhận ra những tư tưởng mà Phật giáo chia sẻ liên quan đến lý thuyết nhân quyền trước hết có thể quy cho việc thiếu hiểu biết về cách giải thích kinh Phật. Do đó, chúng ta hãy nghĩ đến một cách thức giải thích những kinh điển này, từ ba cách nhìn khác nhau.

1 ■ Trước hết, chúng ta cần nhận thức độ rộng của những thuật ngữ Phật học. Thiên Chúa giáo đã có sự sửa đổi qua hàng thế kỷ từ khởi nguyên của nó đến ngày nay, và hiện có nhiều hình thức khác nhau, như các Giáo hội Công giáo (Roman Catholic), Tin Lành (Protestant) và Chính thống giáo Đông phương (Eastern Orthodox). Phật giáo đã trải qua những thay đổi tương tự, và hiện nay nói chung được chia thành hai dòng chính: Phật giáo Theravada ở Nam Á và Phật giáo Đại thừa ở Bắc Á.

Tuy nhiên, những học giả Tây phương có khuynh hướng chỉ tập trung vào nguồn gốc lịch sử Phật giáo và chỉ tập trung vào Phật giáo Theravada, kết quả do đó có sự giới hạn trong việc hiểu tư tưởng Phật giáo. Trong một vài trường hợp cực đoan, thậm chí người ta cố hạ thấp tầm quan trọng của Phật giáo Đại thừa, dựa trên một giả thuyết rằng Phật giáo Đại thừa không thật sự là lời dạy của Đức Phật Thích Ca, Đức Phật lịch sử. Tuy nhiên, giống như Thiên Chúa giáo, chúng ta cần xem Phật giáo một cách rộng rãi hơn chứ không chỉ xét về phương diện nguồn gốc, mà bao gồm sự phát triển lịch sử và vị trí hiện tại của nó.

Xem xét những phát biểu của giáo sư Ma-

sato Nagao về vấn đề này là điều quan trọng. Theo Giáo sư Nagao, kinh sách Phật giáo mang ba ý nghĩa: một, những lời dạy do Đức Phật Thích Ca thuyết giảng; hai, những lời dạy liên quan đến Đức Phật (các quy luật và chân lý); và ba, những lời dạy được thiết lập để giúp con người đang sống hiện nay đạt được Phật quả. Ở đây tôi muốn đặc biệt lưu tâm đến phần thứ ba.

Trong Phật học, kinh điển viết bằng tiếng Pali được tin là trình bày trực tiếp nhất lời dạy của Đức Phật Thích Ca, và Phật giáo Theravada được đặt cơ sở trên những lời dạy này. Tuy nhiên, nếu chúng ta có một cái nhìn rộng rãi hơn về những khái niệm của Phật giáo và kể cả những lời dạy nhằm mục đích đạt đến Phật quả, kinh điển Phật giáo Đại thừa thật sự vô cùng quan trọng. Về phương diện lịch sử, Phật giáo đã phát triển như một sự truyền trao có thể giúp con người đạt đến Phật quả. Vì thế quan điểm "Phật giáo sống" cũng rất quan trọng.

Thiên Chúa giáo có thần học, là những chú giải sâu rộng về Thánh kinh. Thần học Thiên Chúa giáo luôn cố gắng nói về những vấn đề khác nhau mà những người Thiên chúa và các xã hội Thiên Chúa giáo đối mặt. Cụ thể ở Thiên Chúa giáo phương Tây, về phương diện lịch sử đã là "Thiên Chúa giáo sống" phát triển cùng với thời đại. Phật giáo cũng không nên giới hạn mình. Phật giáo phải tiếp tục phát triển giữa sự hỗn mang của xã hội hiện đại.

2 ■ Thứ hai là vấn đề giải thích kinh Phật. Nỗ lực mô tả Phật giáo bằng việc trích dẫn những đoạn kinh riêng lẻ thì không đầy đủ ý nghĩa. Rõ ràng kinh điển được viết vào thời cổ đại sẽ không có sự nổi kết trực tiếp với những tư tưởng hiện đại về nhân quyền. Cho dù chúng ta tìm thấy một đoạn kinh nào đó có liên hệ đến một quyền con người cụ thể được tìm thấy trong các hiến pháp hiện đại đi chăng nữa, như tự do ngôn luận chẳng hạn, một sự liên hệ như vậy sẽ là hời hợt, và về mặt lô-gíc không thật sự dễ được chấp nhận.

Vấn đề quan trọng là tìm ra những gì kinh sách đang nỗ lực chuyển tải qua ngôn từ và biểu đạt. Nói cách khác, nhận ra nơi chúng những nguyên tắc và tư tưởng. Tìm kiếm những nguyên tắc và tư tưởng trong những bản kinh theo cách này chính là giải thích. Và việc giải thích những bản kinh này phải liên quan nhiều đến cú pháp và luân lý. Nó cũng phải tính đến bối cảnh lịch sử của thời đại. Tuy nhiên quan trọng hơn cả là nhận ra rằng việc giải thích kinh điển không phải là tiến trình một chiều mà ở đó chúng ta nhận lấy những thông điệp từ quá khứ. Vì rằng Phật giáo vẫn đang hiện hữu tại đây và bây giờ, bất cứ những ai cố gắng giải thích kinh điển cần biết đến những vấn đề mà thế giới ngày nay đang đối mặt khi họ tìm kiếm câu trả lời ở trong quá khứ. Nói cách khác, sự giải thích này cần đến một tiến trình hai chiều. Việc thảo luận trước đây về mối



liên hệ giữa Phật giáo và nhân quyền đã có thiếu sót bởi những nhà nghiên cứu chỉ tập trung vào những diễn đạt riêng lẻ trong giải thích của họ về kinh điển, gây phương hại đến việc tìm ra những nguyên tắc và tư tưởng, và bởi sự hiểu biết của họ về những vấn đề xã hội là không đầy đủ.

Thêm nữa, sự nhận thức về những vấn đề xã hội có ý nghĩa rất lớn. Chúng ta cảm thấy đau khổ hay không khi đối mặt với những vấn nạn của xã hội? Cảm thấy đau khổ vì người khác có thể được xem là có tình cảm đối với nhân quyền. Tình cảm đối với nhân quyền này đòi hỏi rằng, khổ đau cần phải được làm cho vơi giảm. Nói cách khác, việc hình thành nên một học thuyết nhân quyền là vì mục đích cứu giúp. Nhận thức về những vấn đề xã hội đòi hỏi tình cảm đối với nhân quyền này bổ sung một cấu trúc luật pháp hợp lý đối với việc bảo vệ có ý nghĩa vụ nhân quyền.

3 ■ Thứ ba, chúng ta phải tìm kiếm những tư tưởng Phật giáo mà chúng phù hợp với việc thảo luận về nhân phẩm trong luật. Tất nhiên Phật giáo không mô tả nhân phẩm theo nguyên nghĩa của từ này, mà có những khái niệm riêng của nó và những khái niệm này tương đồng với khái niệm nhân phẩm, bởi vì Phật giáo chỉ cho chúng ta cách thức con người nên sống, và điều này có thể nối kết với việc thảo luận hợp pháp về nhân phẩm.

Tiêu điểm của tôi ở đây là tập trung cụ thể vào những khái niệm của Phật giáo Đại thừa, tại vì như tên gọi "Đại thừa" hàm ý, nó được phát triển như một phong trào Phật giáo với sự nhấn mạnh vào việc thực hành Bồ tát hạnh nơi những con người bình thường. Như sự vận động của loài người, Phật giáo Đại thừa

cung cấp sự hướng dẫn cho đời sống mà nó nổi kết mật thiết với đời sống hàng ngày. Thật khó để rút ra một sự thảo luận cụ thể về định nghĩa con người, định nghĩa nhân phẩm, từ Phật giáo mà ở đó chủ yếu chỉ nhấn mạnh vào các thánh tích và lễ nghi xa lánh đời sống hàng ngày.

Thảo luận về sự hiện hữu con người trong Phật giáo Đại thừa có cả phương diện quy tắc và nhận thức luận. Thêm vào, nó bao gồm nhiều quan điểm, không được sắp xếp theo một trình tự cụ thể hay được xếp vào trong bất cứ loại hệ thống nào. Sự thảo luận của tôi ở đây chỉ là một khía cạnh, qua việc thảo luận dựa theo luật về vấn đề nhân quyền. Tất nhiên điều này thừa nhận một điều là việc giải thích kinh điển bằng việc đọc chúng từ một cái nhìn cố định. Từ đây tôi sẽ tiếp tục sự xem xét của mình về tư tưởng Phật học bằng việc tập trung vào những khái niệm Phật tính, Duyên khởi và Nghiệp.

(còn tiếp một kỳ)

Toru Shiotsu - Nguyên Hiệp dịch
(Source: <http://www.giacngo.vn/triethoc/2010/10/21/7A6452/>)

Chú thích:

[1] Roe v. Wade, 410 U.S. 113 (1973), [1] was a landmark decision by the [United States Supreme Court](#) on the issue of [abortion](#). The Court held that the [constitutional right to privacy](#) extends to a woman's decision to have an abortion, but that right must be balanced against the state's [two legitimate interests for regulating abortions](#): protecting prenatal life and protecting the mother's health

[2] The Fourteenth Amendment (Amendment XIV) to the [United States Constitution](#) was adopted on July 9, 1868 as one of the [Reconstruction Amendments](#).

Its [Citizenship Clause](#) provides a broad definition of citizenship that overruled the decision in [Dred Scott v. Sandford](#) (1857), which held that blacks could not be citizens of the United States.

Its [Due Process](#) Clause prohibits state and local governments from depriving persons (individual and [corporate](#)) of life, liberty, or property without certain steps being taken. This clause has been used to make most of the [Bill of Rights applicable to the states](#), as well as to recognize [substantive rights](#) and [procedural](#) rights.

Its [Equal Protection Clause](#) requires each state to provide equal protection under the law to all people within its [jurisdiction](#). This clause later became the basis for [Brown v. Board of Education](#) (1954), the Supreme Court decision which precipitated the dismantling of [racial segregation in the United States](#).

TỪ ĐÂU ĐẾN!

*Mưa bay lát phát ,em từ đâu đến!
Xói xả hiên nhà,mưa đến từ đâu?
Tí tách giọt vu vơ rơi lẳng đơng
Bong bóng chiều trôi giỡn tóa hoa ngày.*

BÓNG THỜI GIAN

*Năm tháng vèo mau đã quá nhanh
Bóng câu qua cửa vợi sao đành!
Ánh mây sợi bạc mờ phai tóc
Màu mắt chân chim đậm rẽ nhành.
Luyến tiếc chuyện xa càng bờ ngõ
Lãng xãng ngày cũ mãi trôi quanh.
Thôi thì chẳng ngại gì mê-ngộ
Vô trụ lòng an trôi nắng thanh.*

YÊU TỪ NGUYÊN SƠ

*Hương yêu vẽ dáng ngọc nga
Trùng khơi vọng suốt nồn nà thân tiên
Nụ hôn tung cánh diệu hiền
Vườn xuân hoa sắc môi liền bờ thương
Nàng rục rờ nét thiên hương
Em hư ảo thật chẳng thường chẳng như
Bờ mây râm mát ưu tư
Thượng thừa vô trụ yêu từ nguyên sơ.*

LỚP HỌC ĐẠO VÀNG

*Trái lòng thanh tịnh tỏa bông bành
Lớp học đạo vàng trí rộng thênh
Su diễn Di Đà mây đốn ngộ
Chuông ngân Đa Bảo huệ bùng lên
Tâm an độ thể từ thường định
Chỉ nguyện hồng dương hỷ chẳng quên
Hương ngát tri ân thầy giảng dạy
Truyền thừa Phật pháp rộng mông mênh.*

thơ

HOA CÁT PHAN VĂN

Người giao hàng cần mẫn

HUỆ TRẦN

Trong những sinh hoạt hàng ngày, không ai trong chúng ta không từng phải đi mua sắm những nhu yếu phẩm, những vật dụng cần thiết để phục vụ cho cái thân sống lâu, sống mạnh. Có những món ta tự đi, có những món người bán sẽ đến giao tận nhà. Có những món giao đột suất, có những món giao định kỳ... Những người giao hàng định kỳ đó, trông thì có vẻ siêng năng, đều đặn, nhưng thế nào chả có lúc trái gió, trở trời hay có việc gia đình bất thường mà người đó đã không thể giao hàng đúng hạn.

Nhưng có một người giao hàng không bao giờ trễ hẹn và món hàng người ấy giao không bao giờ suy yếu chất lượng. Chẳng phải người ấy chỉ giao hàng cho một nhà, một phố, mà người ấy giao khắp nơi, khắp chốn, bất cứ nơi nào, dù nơi đó có sự hiện diện của nhân loại hay không. Người giao hàng này không có tên gọi, chẳng có hình dung nhưng không ai có thể chối bỏ công năng tận tụy, bền bỉ, cần mẫn của người đó. Món hàng được giao có tên là "hai mươi bốn giờ."

Từ hừng đông khi mở mắt thức dậy, dù ta muốn hay không, người- giao-hàng- không-chân-dung đã đứng ngay bên giường, trao cho ta món hàng hai mươi bốn giờ. Món hàng đó, chất lượng đồng đều như nhau, từ Âu sang Á, nhưng cách xử dụng thế nào là tùy từng người nhận.

*Thức dậy miệng mỉm cười
Hăm bốn giờ tinh khôi
Xin nguyện sống trọn vẹn
Mắt thương nhìn cuộc đời*

(*)

Sống thế nào để được coi là sống trọn vẹn?

Tất nhiên, đi vào chi tiết, cái nhìn của mỗi người mỗi khác, nhưng cũng có những điểm chung khó có thể phủ nhận. Đơn giản, đơn cử ngũ giới trong đạo Phật. Khi một người Phật tử thọ tam quy ngũ giới thì năm giới này sẽ là thành trì giúp người đó xử dụng món hàng hai mươi bốn giờ một cách xứng đáng. Năm giới đó là:

*Không sát sanh
Không trộm cắp
Không tà dâm
Không nói dối
Không uống rượu*

Năm giới rất đơn giản, rất dễ hiểu này chính là cái NHÂN căn bản để làm người.

Ta sơ ý đứt tay, đau thế nào thì con sâu cái kiến khi bị thương tích cũng đau thế ấy. Người con Phật, ý thức được những đau đớn này phải thể hiện lòng đại bi, tránh sát hại sinh linh.

Ta mất của, tiếc rẻ và sót sa thế nào thì người bị ta lấy món chi cũng cùng trong tâm trạng đó. Người con Phật phải đem lòng đại từ mà tôn trọng tư hữu của người khác.

Ta bị phản bội, phụ bạc, đau khổ thế nào thì người khác cũng rơi vào tuyệt vọng như thế. Người con Phật phải lấy đạo lý làm trọng, không xâm phạm vào hạnh phúc người khác.

Ta nói dối để đạt điều ta muốn, tất sẽ tác hại ngược lại tới người nghe. Người con Phật phải biết tôn trọng sự thật, không thêu dệt nói lời sai trái.

Rượu là chất có thể làm ta rơi vào tình trạng mất tự chủ, mất sáng suốt, kéo theo bao

tác hại vô lường do không còn tỉnh táo. Người con Phật phải biết tránh trước, bằng cách không xử dụng rượu và các chất độc tố.

Chỉ cần tỉnh giác và tuân theo ngũ giới, ta đã xử dụng món hàng hai- mươi- bốn- giờ một cách rất xứng đáng rồi. Nếu ta siêng năng thêm chút nữa, quán chiếu và tu tập Bát Chánh Đạo là con đường cao quý Đức Thế Tôn từng chỉ dạy thì ta còn còn làm đẹp biết bao cho đời sống. Mỗi bài pháp Đức Thế Tôn tuyên giảng đều có thể dẫn giải qua mọi trình độ từ cạn đến sâu, tùy căn cơ chúng sanh. Ở đây, chỉ tạm nhìn bằng khía cạnh đơn giản nhất để dễ giúp ta an lạc qua mỗi giây, mỗi phút.

Vậy Bát Chánh Đạo là gì?

Đó là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Nói một cách dễ hiểu hơn thì tám điều đó là: Nhận thức chân chính, Suy nghĩ chân chính, Lời nói chân chính, Hành động chân chính, Sinh kế chân chính, Chuyên cần chân chính, Niệm lực chân chính và Định lực chân chính.



Nhận thức chân chính được xếp đứng đầu Bát Chánh Đạo vì điểm này rất quan trọng. Khi cái thấy biết của ta được suy lường cẩn trọng thì bấy điểm sau sẽ được nuôi dưỡng bằng chánh niệm để tưới tắm hạt giống lành thiện trong từng ý nghĩ, từng hành động.

Theo đạo lý duyên khởi thì cái nọ vì cái kia mà có. Tất cả mọi hiện tượng đều là Nhân và đồng thời cũng là Quả, không có cái gì thuần túy chỉ là nhân hay quả.

Được sắp đặt đứng đầu Bát Chánh Đạo, với tư cách là nhân, Chánh Kiến nuôi dưỡng bấy phần kia; nhưng với tư cách là Quả thì bấy phần kia lại nuôi dưỡng Chánh Kiến.

Như quan sát chiếc lá, tưởng lá chỉ sinh ra nhờ cây, lá là con của cây, nhưng nhìn sâu sắc hơn thì lá cũng là mẹ của cây vì ngay thời gian lá đang ở trên cây, lá đã góp phần biến những nhựa nguyên thành nhựa luyện để không chỉ nuôi lá mà còn trở về nuôi cây.

Khi khởi niệm, Chánh Kiến chỉ là những kiến thức có tính cách khái niệm bên ngoài, nhưng khi có Chánh Tư Duy cùng làm việc thì Chánh Kiến bắt đầu có sự phát triển sâu sắc ở bên trong. Tiếp tục hành trì tới Chánh Ngữ ta sẽ nhận ra, là lời nói chân chánh chẳng những làm đẹp ta mà còn là gạch nối cần thiết để làm đẹp người...

Một người Phật tử, chỉ nương theo được những pháp giới căn bản thôi, cũng có thể giúp ta sống đời đáng sống. Huống chi Đức Thế Tôn còn để lại bao lời dạy vàng ngọc qua những bài pháp khác như Tứ vô lượng tâm, Thất giác chi, Tam giải thoát môn, Lục ba la mật, v.v...; bao tư tưởng uyên áo qua rừng kinh điển như Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Duy Ma Cật, v.v... để những ai có đủ duyên bước sâu vào cửa Phật mới thấy được lòng đại từ đại bi của Đức Thế Tôn sau bốn mươi chín năm thuyết pháp không ngừng nghỉ.

Hiện tại, rồi sẽ là quá khứ

GỎI, SAU TRẬN LŨ QUÊ NHÀ

*Gởi, sau trận lũ quê nhà
Chút mai nắng ấm, chút hòa thuận mưa
Chút gió nồm, giữa ban trưa
Chút hương khói, buổi giao thừa đầu năm
Chút duyên thơ, ánh nguyệt rằm
Chút tình si thuở trăm năm mặn nồng
Chút than, bên bếp lửa hồng
Chút xanh màu lá, ruộng đồng cần khô
Chút đau, trên những nấm mồ
Chút thương, nhẹ vành khăn xô cho đời
Góp bao nhiêu chút thành lời
Là ngàn hoa: nở bên trời có hương...*

thơ XUYÊN TRÀ



và sẽ thành tương lai. Thế nên, hãy sống thế nào cho xứng đáng ở hiện tại thì đó chính là quá khứ và tương lai.

Hai mươi bốn giờ mỗi ngày đang có trước mắt, đang có trong tay mà không làm chủ được thì nói chi tới quá khứ đã qua, tương lai chưa tới? Mỗi con người bình thường đều có tuệ giác, có khả năng đạt tới Định, Niệm, Tuệ, nghĩa là, mỗi chúng sanh đều có Phật trong tâm, vô minh dày thì Phật khuất, vô minh mỏng thì Phật mờ, vô minh diệt thì Phật tỏ.

Tu là siêng năng quét bụi vô minh để ông Phật trong ta hiển lộ

*Siêng năng quét đất Bụt
Cây tuệ nảy mầm xanh*

(*)

Hãy tự thành thật với

mình khi mỗi ngày, kiểm điểm đã xử dụng món hàng 24 giờ như thế nào, ta sẽ biết ta có đang sống không, hay ta chỉ có mặt mà mỗi 24 giờ trôi qua, chẳng làm gì có ích cho mình, cho người thì có thực là ta đang sống?

Chớ nói sống như thế là sống như cỏ cây, sẽ oan cho cỏ cây lắm! vì mỗi hơi thở của cỏ cây cũng góp phần làm trong lành không khí.

Trong khi uể nhể từ tâm địa sân hận đang làm khô héo bao tình người!!!

Huệ Trân

(Cốc Thánh Thơ – Mưa
Tháng Hai)

(*)Thi kệ nhật tụng Làng

Mai

Về vùng nắng ấm

NGUYỄN VĂN SÂM

Con đường trước mặt yên tĩnh. Những chiếc xe nằm im lặng kể đuôi nhau sát lề từ xa coi thoáng qua như mấy con rắn khổng lồ đang ngủ kỹ sau khi ăn no kênh bụng. Khung cảnh im ắng của buổi sáng sớm khi mặt trời còn ngủ với một chút sương mù lừng lững quyen trên đầu có sức hấp dẫn kỳ lạ khiến già Được chạy xe lòng vòng trên những con đường nhỏ ít xe cộ, cố tìm một chút thư thả để tránh sự bức bối trong lòng khi những suy nghĩ về một quyết định hơi khó khăn lúc tuổi già.

Vùng Garden Grove, Santa Ana, Midway City, Anaheim, trung tâm người Việt của tiểu bang nắng ấm California. Ngó vô những căn nhà mà bên hông hoặc xum xuê những bụi thanh long sai trái, hoặc vài ba cây cam oản nhánh, hay mấy cây chanh trái lớn bằng nắm tay vàng lườm, hay chần chần hơn, một bụi chuối với lá hình phướn quen thuộc quê nhà, già Được biết rằng nơi đó gia đình một người đồng hương đương cư ngụ. Và dĩ nhiên là ông/bà ấy hằng ngày kiếm chút thời giờ giữa hai công việc phải làm để bón gốc, tía cành tưới nước cho công trình mình, một chút đỡ nhớ quê cộng với một chút thanh nhàn. Thật ra già Được muốn dời nhà xuống đây lâu rồi, vùng sa mạc đồi núi khô cằn trên kia chỉ thích hợp khi người ta còn có thể lái xe phom phom vững tin mình vẫn còn đủ phong độ trong phản ứng. Bây giờ với số tuổi ngấp nghé tám mươi, lái xe đường xa xuống khu đô hội của người Việt hằng tuần là cả vấn đề. Phải di chuyển thôi, dầu rằng đụng vô chuyện này là có bao nhiêu điều phải giải quyết. Bà vợ thường nói là

quyết định mau quá, nhà bán đồ bán tháo như đá gà thấy thua trước mắt quăng bắt vớt ăn ba ăn tư giờ chót. Nghĩ tới đó già Được cười cười một mình, liếc qua người ngồi kế bên.

Không gian buổi tinh sương còn đượm mùi thơm nhẹ nhàng của cây cỏ, già Được mở cửa kiếng xe xuống phần nửa, hít thở không khí trong lành. Có chút gì thân mật trong cảnh trí còn đượm lại trong tâm tư lúc còn nhỏ ở Sài-gòn hiện ra với khu nhà thương Grall êm đềm của những hàng cây đại ngựa rợp lá, cửa đám me đốt xanh cành cao vói tới mây xanh gần Sở Thú. Và những con đường chung quanh khu Thị Sách sau tòa nhà Quốc Hội, mang tính cách thanh bình và quý phái nữa!

Ông quay qua nói với vợ:

'Em coi đường phố sạch sẽ, không có những bảng treo văn hóa, quyết tâm cải cóc

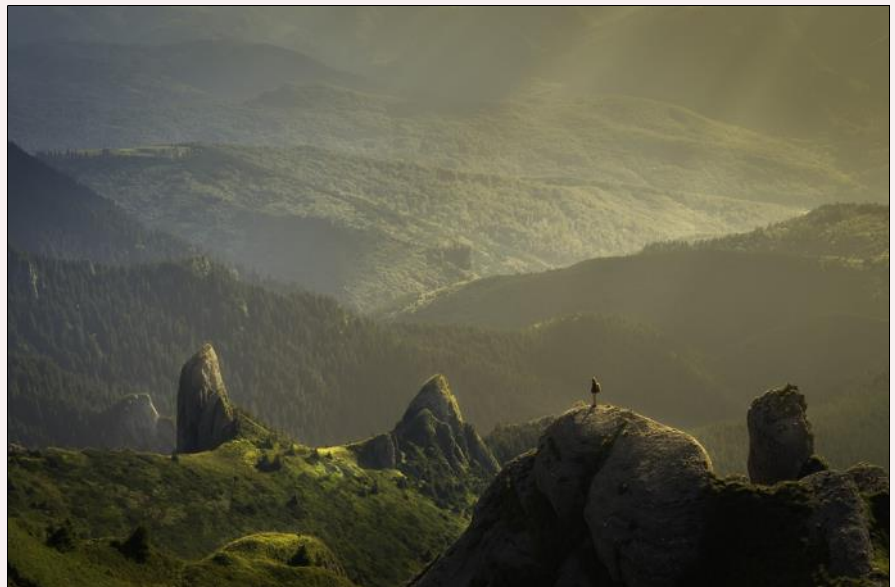
khô gì hết mà kiếm đồ mắt cũng không thấy những đồng rác đồ bậy, càng không có những kẻ vạch quần tự nhiên phóng uế ra đường.'

'Xứ văn minh, người ta làm theo luật, công chức công nhơn làm hết bốn phận thì chẳng những đường phố sạch mà những chuyện trái tai ngứa mắt cũng ít xảy ra.'

Trí nhớ già Được đi ngược về miền xa xôi của tuổi trẻ và chuyện thực tế ông chứng kiến trong kỳ về quê ăn Tết vừa qua. Khắp nơi cờ đảng, cờ nước đỏ đường. Mấy hôm Tết chẳng những đầy 'mưa sa trên nền cờ đỏ' mà đi đâu cũng thấy rác rưởi hôi thúi bên dưới tấm biểu ngữ kịch cỡm 'Mừng Đảng, Mừng Xuân...'

Mãi mê suy nghĩ, già Được để xe mình chạy vô đường cao tốc 22, ông chép miệng lầm bầm 'kiểu này cũng là biểu hiệu của tuổi già tới kể bên chừ, làm mà không có chủ ý.' Xe cô hơi nhiều tuy rằng hầu hết đều đúng luật và rất thân thiện nhường làn xe khi mình để đèn báo hiệu. Chợt thấy tấm bảng lớn trên lề in hình một tên khỏe mạnh, mặt bậm trợn, đương gồng gân bít miệng một người ốm yếu, chuyện xảy ra trong một phiên tòa gây nhiều tai tiếng bên nhà, ông buột miệng hỏi vợ:

'Em biết chuyện ngày



trước Cai Nên đánh người rồi bị đánh trả không?’

‘Cách đây cả thế kỷ rồi, hình như ông này đánh nhà cách mạng Tạ Thu Thâu hay Phan Văn Hùm gì đó.’

‘Ừ, thẳng chết bầm này đánh ông Phan Văn Hùm. Chuyện xảy ra năm 1928, ông Hùm đi Bến Lức định diễn thuyết chống thực dân, Cai Nên, tên chó săn của chánh quyền thực dân ngoại quốc lúc đó được lệnh căn mũi căn lái, bị cự cãi, hấn ta tức khí đánh ông Hùm và bị ông đánh lại... Dĩ nhiên là ông Hùm bị bỏ tù vì ‘chống đối người thì hành pháp luật.’ Nhưng rồi Cai Nên cũng bị sa thải sau đó không lâu, về nhà đuổi gà cho vợ. Chuyện ruồi bu này thì nhiều người biết.’ Với nụ cười nửa miệng thích thú, ông kể thêm. ‘Tức cười là năm nào cách đây gần bảy chục năm, lúc đó anh đầu chừng độ mười tuổi, theo bà con đi về chơi vùng Bà Điểm. Người dân ở đây chỉ cái mà nói là của Cai Nên. Mà không lớn nhưng sạch sẽ, coi ngon lành hơn các mã lạn bên cạnh. Anh len lén lên trên đó đá mỗi ngày vài ba bận. Đá về rống về rần mà khoái chí.’

Người đàn bà xăn xớm:

‘Quậy trời thần dữ he!’

Già Được làm tỉnh, chăm chú hơn vô tay lái. Những chuyện có vẻ con nít, dơ dáy, thường không được đàn bà hoan nghinh. Ông im lặng suy nghĩ khi nhớ tới hình ảnh những lá cờ máu treo bên trên và người dân đổ rác đầy tràn bên dưới. Chắc cũng là một sự phản đối ngầm được vô thức điều khiển như mình lúc nhỏ, ông đi đến kết luận và mỉm cười với mình.

Người vợ trở về thực tế:

‘Sống cho có căn nhà khang trang, chết cho có năm mồ coi được được một chút với người ta!’

‘Ờ có căn nhà khang trang thì được, nhưng không nhứt thiết phải có năm mồ coi được được. Biết bao nhiêu người chọn thiêu xác, hiến xác. Trước đây trên đường tìm tự do gần triệu người vui thân thủy mộ... Nhưng mà thôi, nói

về chuyện mồ mả buồn lắm!’

Già Được thở dài, ông không muốn mở ra thêm một cuộc tranh luận mới. Tranh luận về dọn nhà hay không, dọn về vùng nào, mua hay mượn, mua thì chừng bao nhiêu tiền, dọn thì lúc nào thuận tiện... cũng đã làm ông nhức đầu rồi. Thêm nữa, đồ đạc những gì cần để, những gì cần bỏ. Bán hay cho, bán thì giá nào, cho thì cho ai. Ôi! Bao nhiêu là vấn đề đặt ra, không dễ dàng gì được đồng thuận.

Có tiếng điện thoại kêu vang. Người bạn mới quen không lâu, chẳng thân thiết chi mấy gọi hướng dẫn cách sống ở đây. Vợ chồng nên làm giấy ly dị, giả tách ra làm hai mới lãnh được tiền già nhiều hơn. Có thể sau này xin housing mỗi người một cái, cho thuê lên hay share kiếm thêm. Có địa chỉ rồi thì đi bác sĩ người mình để để xin thuốc này nọ dư gởi về cho bà con nghèo khổ bên nhà làm phước.

Già Được xin lỗi để tắt máy. Mấy cái vụ mánh mung này nghe chói tai mà cứ bị nghe hoài. Bực mình bực mảy. Một kiểu tham lam lường gạt lòn lách. Bên kia đầu dây cố gắng nói thêm. ‘Anh gần tám chục tuổi để xin y tá phụ đến nhà giúp đỡ. Xin được người mình thì điều đình với họ khỏi tới làm, tiền lãnh

chia hai. Thiên hạ chơi chiêu này đầy trời.’ Già Được tắt máy không vị nể với câu nói xốc hông: ‘Cảm ơn anh, anh giỏi quá! Tôi thì chịu thua không làm được chuyện kỳ cục đó!’ Tiếng *giỏi quá* và *chịu thua* được Già nhấn mạnh.

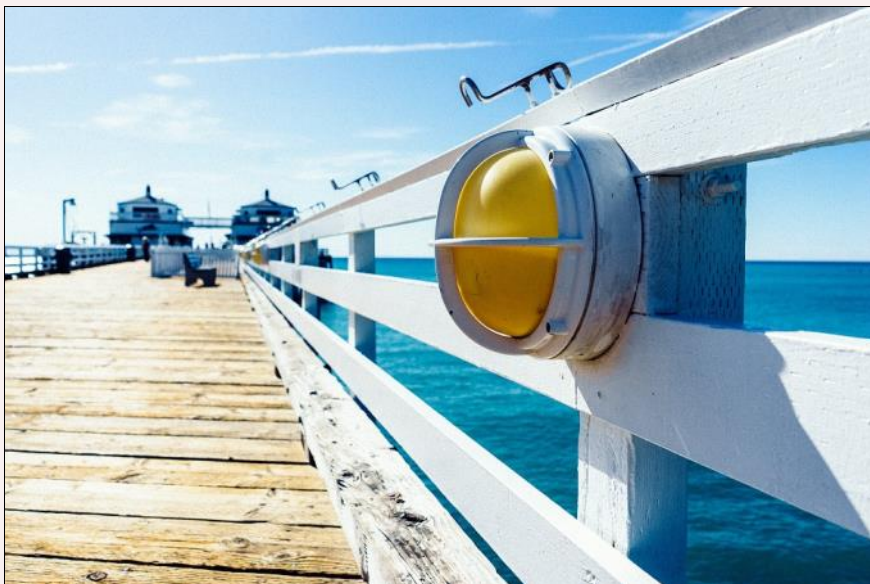
Người ta thường thích làm tài khôn dạy cho người khác chuyện phi pháp. Ông này xúi giục mình tạo thêm một chút tham lam cuối đời để mang nặng Nghiệp trước khi Về. Đối với người biết an nhiên thì thêm một chút nữa cũng chẳng ích lợi gì. Không hưởng bậy những thứ thêm đó thì đã có ại chết đói đâu?

Ông quay sang hỏi vợ:

‘Em có coi một bài trên internet của một thức giả bên Đức kêu cứu rằng xin đừng làm xấu người Việt Nam không? Bên đó thiên hạ xuất nhiều chiêu gian lận tiền bạc mà còn đem những thói hư tật xấu ra đường như nói lớn tiếng trong điện thoại, ồn ào chen lấn nghinh ngang trên tàu điện, quần áo xốc xếch, phun nhổ bừa bãi, ngoáy tai, móc cứt mũi nơi công cộng...’

‘Có! Bên này mấy tật xấu đó tương đối ít hơn hay gần như không có...’ Trầm ngâm một chút người đàn bà nói thêm:

‘Tuần trước đi mua bánh mì ở đây, em bị một bà son phấn lõe loẹt ào ào chạy vô, vệt mọi người bắt câu lớn nhỏ



để tới trước quầy kê người bán hàng bán cho hai ổ, giọng bà ta nghe bắt thấy 'thương.' 'Mau lên em ơi, chị đậu xe trước cửa sợ bị phạt...' Cả đoàn xếp hàng không ai nói gì nhưng chắc là thấy ngán ngẩm chuyện bà ta làm như vậy. May là bữa đó không có người Mỹ nào, nội cái nhìn trở mặt và cái lắc đầu thờ dãi của họ cũng thấy mắc cỡ rồi.'

Mỉm cười với vợ, Già Được nói buông xuôi:

'Thì ai cũng có lý do khi làm chuyện trật chìa. Người bạn hồi nãy thường nói với mọi người là 'Túng thì phải tính.' Mình làm vậy vì Nghèo. Cái Nghèo được đưa ra làm lý do tế thần để che cái Tham.'

Nghĩ tới chuyện lùm xùm về cấm đoán di dân của ông Tổng Thống đắc cử bằng phiếu của cử tri đoàn, già Được bực bội nói một hơi:

'Khi người ta làm chuyện gì đó nghĩ là không được đúng thì cái cố đưa ra cho mọi người thấy chỉ là cái cố giả. Thế kỷ trước người Tàu bị cấm vô nước Mỹ vì bị gán cho là dơ dáy, thiếu văn minh. Biết đâu sau này vài sắc dân châu Á bị cấm vì gian lận những chương trình lợi ích và gian tham như không đóng thuế khi buôn bán thức ăn, nhà hàng, tiệm nail... tới tuổi gần già thì sang nhượng tài sản lại cho con cái để được hưởng đủ mọi thứ... Chuyện họ làm như chó ăn vụng bột, ai cũng thấy cũng biết hưởng gì chánh quyền, tại vì chuyện này chuyện kia nên người ta chưa khui ra thôi. Anh 'xi net' với anh chàng mau miệng hồi nãy cũng vì lẽ đó. Anh không muốn dân ở đây dán một cái nhãn xấu cho người mình. Bị dán nhãn thì biết bao nhiêu là bất lợi cho người đồng chủng đến sau.'

Người vợ gật đầu đồng ý:

'Vậy đó! Có bao nhiêu ăn bao nhiêu hơn là có khả năng chi tiêu rộng rãi một chút mà lo đầu đau...'

Thấy vợ vui vui anh tấn công luôn về chuyện đời nhà.

'Em nghĩ sao? Vùng này mình vui thú tuổi già được chớ? Hay là mình di chuyển

xuống đây, càng sớm càng tốt?'

Người vợ đồng ý nhưng không nói rõ ràng ý của mình:

'Xuống đây em có thời giờ như nhóm bạn của em, hằng tuần đi thăm người già trong nursing home. Họ tội lắm, thấy người đến thăm là vui mừng lộ ra mặt, có người còn rơi nước mắt. Hát hò cho họ, nói chuyện này nọ, cắt móng tay móng chân cho những ông bà quá yếu khiến họ cứ bịn rịn không cho mình về...'

Già Được chộp dịp nịnh vợ:

'Em nói như vậy thì Tâm em là Tâm thiện. Tốt lắm. Đúng ý anh. Tâm thiện thì Nghiệp chướng nặng mấy cũng thành nhẹ. Và tâm hồn thì thanh thản.'

Ông muốn nói thêm câu mà ông thường tự hào kháo khía với bạn bè: 'Đàn ông có hồng nhan thì nhiều. Vợ chồng tri kỷ cũng không phải thiếu. Tôi vừa có hồng nhan vừa có tri kỷ. Nhưng thôi, anh sợ những lời khen quá đáng trở thành cái lỗ mọi trên ghe, sẽ làm cho ghe chìm trong đường dài...'

Trời từng tưng sáng. Một vài người đi làm sớm đã lái xe ra đường. Bên lề dành cho người đi bộ hai người đàn bà dắt hai con chó đi dạo để khỏi túng chưng túng cẳng. Cặp chó đùa giỡn coi bộ khoái chí.

Già Được lái xe về phía biển Huntington Beach. Chắc phải ra biển hóng gió một chút. Đi bộ trên bờ cát nghe tiếng sóng rì rào, hít cái hương nồng vị mặn của buổi sáng yên bình bên này đại dương chắc 'không bỏ bề ngang cũng bỏ bề dọc.'

Già Được kiểm chỗ đậu xe. Hai người xuống cát, đi lần tới cầu cảng. Trời tuy còn sớm, mấy dàn khoan ngoài khơi chưa hiện ra, cả dải núi phía bên kia vịnh chưa chịu lộ mặt nhưng mấy tay câu cũng mấp mé thùng cá 'chiến lợi phẩm.' Những gương mặt nắng gió lăm lì, không vui không buồn, đa phần là người

mình, câu để giải khuây đỡ nhớ quê nhớ biển vậy thôi, kiếm thêm tô canh chua nấu mằn hay ơ cá kho quẹt trên mâm cơm thịt thà ê hề đến thừa mứa ở xứ người... Bà vợ hỏi vói một người câu khi anh ta kéo lên con cá bóng láng vậy vùng tuyệt vọng trên móc. 'Chia ít cá về ăn anh ơi? Bi nhiêu? Bi nhiêu cũng được mà.' Sự mua bán dấm dúi diễn ra thiệt mau vì người đi câu sợ bị 'treo cần' mất cả thú vui khi nhìn sợi dây căng bên dưới lúc cá cắn câu.

Ờ mà niềm vui có gì lớn lao lắm đâu trong cuộc sống chập chờn này, những cái được mất đồng thuận với nhau trong lòng bao dung hi xả, như người đi rà kim loại trên bãi cát kia, anh ta cứ lăm lũi quờ cái cây có gấn nam châm qua lại trên cát bằng sự kiên nhẫn đến kinh ngạc người bàng quan. Cái máy kêu títt títt và anh xúc lên một cent trong ánh mắt vui, thay vì sự thất vọng cho công khó nhọc của mình... Ở đời mà, biết bao nhiêu cho đủ! Bà vợ giả bộ đi vòng vòng dưới bờ biển, mấy đồng bạc cắc rớt lấp loáng dưới chân, có đáng gì đâu mà thấy vui trong bụng.

Sóng ầm ì xa xa, biển dàu thay đổi, bên kia trùng trùng là quê hương mình bây giờ đã đổi thay, lạ lẫm đến chua xót. Gió thổi phất phơ mái tóc bạc trắng của cặp vợ chồng già tha hương. Già Được thấy bàn tay mình được đan vô những ngón tay khô nhiều xương của vợ. Chuyện đời nhà xuống vùng nắng ấm này già biết đã được duyệt ý, chấp thuận. Ý nghĩ nhà ở đây ảm thum mà giá cao ngất trời không còn ảm ảnh cản trở ai nữa.

'Biển đẹp thiệt,' già Được nói trong khi xiết mạnh mấy ngón tay.

Nguyễn Văn Sâm
(Victorville, CA. Rằm tháng giêng con Gà 2017)

NGHỀNH NGÃNG

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Tai là bộ phận để nghe. Ngoài việc thu nhận âm thanh, thính giác còn có vai trò quan trọng trong việc trao đổi tin tức hoặc liên lạc giữa người với người cũng như giúp tâm hồn thư giãn khi nghe những lời nói dịu hiền hoặc những điệu âm nhạc nhẹ nhàng, thoải mái.

Thính giác hiện diện thường xuyên, khi ngủ cũng như thức. Một tiếng động nhẹ ban đêm cũng làm ta thức giấc. Một âm thanh xa với cũng lọt vào tai dù ta có tập trung vào công việc đang làm.

Nhiều người thường không để ý tới giá trị của thính giác cho tới khi không nghe được nữa thì mới nhận ra rằng điếc là một tai họa. Nạn nhân rơi vào tình trạng cô đơn, ngơ ngác không biết sự việc xảy ra ở chung quanh. Có người bị trầm cảm, buồn phiền thấy mình như bị đặt ra ngoài sinh hoạt gia đình, xã hội.

Nhưng cũng có người, bịt tai chẳng thèm nghe những điều thị phi gossip, cho đỡ bận tâm. Hoặc "điếc không sợ súng," tình bơ việc mình mình làm, chẳng cần để ý tới công luận.

Sau đây là một số nguyên nhân:

Điếc có thể do thừa kế: Nếu cha hoặc mẹ bị điếc thì con có nhiều rủi ro cũng bị điếc.

Suy yếu thính giác trước hoặc sau khi em bé sinh ra vì sanh thiếu tháng, bé thiếu dưỡng khí, mẹ bị các bệnh giang mai, bệnh ban đào (rubella) trong khi có thai hoặc do mẹ dùng thuốc độc hại cho tai trong thời kỳ mang thai...

Bệnh nhiễm như viêm màng não, sởi, quai bị, viêm tai trong mãn tính, nước vào tai trong

4- Do tác dụng độc của dược phẩm (kháng sinh streptomycin, thuốc trị sốt định kỳ)... vào bộ phận nghe ở tai trong

5- Chấn thương não sọ hoặc tai

6- Xơ cứng xương tai là một rối loạn di truyền đưa tới mất thính giác: Xương ở tai trong tăng sinh khiến cho xương bàn đạp dính vào cửa sổ bầu dục và gây trở lại cho việc dẫn truyền âm thanh vào tai trong. Trường hợp này có thể giải phẫu chữa được.

7- Ngồi trên phi cơ cũng có thể bị giảm thính giác tạm thời. Đó là khi áp suất không khí ở tai giữa mất cân bằng, nhất là lúc máy bay đáp xuống. Để tránh khó khăn này, nên mở rộng miệng và nuốt mạnh để mở ống Eustache.

8- Người cao tuổi thường hay bị mất thính giác nhiều hơn so với các tuổi khác. Trên 60 tuổi, cứ ba vị thì một vị nghềnh ngãng. Trên 75

tuổi thì quá nửa các cụ bị kém nghe.

Trong đại hội hàng năm họp ngày 17 tháng 2 năm 2007 của Hội American Association for the Advancement of Science tại San Francisco, tác giả Streven Greenburg báo động rằng vào năm 2050 sẽ có khoảng 50 triệu người cao tuổi ở Hoa Kỳ bị suy yếu thính giác. Lý do là tuổi thọ ngày càng cao dẫn tới suy yếu dây thần kinh thính giác, tiếng động cơ khí trong môi trường cũng gia tăng. Hơn nữa người cao tuổi cũng dùng nhiều thuốc hơn, và một số thuốc cũng gây tác dụng xấu lên thính giác.

9- Nguyên nhân trầm trọng nhất là khi tai phải liên tục nghe các âm thanh quá mạnh như tiếng súng lớn, nhạc quá ồn ào, làm việc trong cơ xưởng nhiều máy móc phát âm.

10- Bít ống tai như khi ráy tai quá nhiều hoặc có dị vật lọt vào tai.

Ngay từ khi mới sinh ra, trẻ em có thể đã bị điếc. Do đó các em cần được xét nghiệm, đo khả năng nghe để tìm ra bệnh và điều trị. Trẻ em bị điếc thường chậm biết nói, học hiểu, tiếp nhận kiến thức và gặp nhiều khó khăn tại trường học, với bạn bè.

Để phòng tránh mất thính giác:

Khi tai bị nhiễm trùng, cần được điều trị tới nơi tới chốn để tránh tổn thương tai rồi bị điếc.

Đừng cố lau chùi lỗ tai với vật sắc hoặc tăm quần bông gòn để tránh tổn thương ống tai và đẩy ráy xấu vào tai.

Tránh nơi có tiếng động quá to, che lỗ tai với nút bịt tai (ear plug).

4- Khi màng nhĩ bị thủng, tránh để nước vào tai trong. Khi bơi lội cần có nút bịt tai.

5- Khám bác sĩ ngay khi nghi là tai bị nghềnh ngãng, nhiễm trùng tai hoặc ù tai.

6- Khi làm việc trong môi trường nhiều tiếng động, nên đo thị giác theo định kỳ để sớm tìm ra khó nghe và áp dụng phương thức phòng tránh điếc.

Theo cơ quan Y tế Thế giới, 50% điếc có thể phòng tránh được qua chúng ngừa các bệnh gây điếc, sớm tìm ra nguyên nhân gây điếc và điều trị bệnh.

Đây là điều đáng mừng. Để bớt đi những hoạt cảnh như:

"Điếc hay ngóng, ngọng hay nói" hoặc:

"Ông nói gà, bà nói vịt."

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

BÁNH ÍT TRẦN LÁ GAI

(*Boehmeria nivea*)

Bánh ít lá gai thường được gói kiểu hình vuông với nhiều lớp lá chuối, gói kiểu này lâu và hao lá nên gói kiểu ít trần, nhanh lẹ và tốn ít lá chuối.

1. Nguyên liệu:

- 1 lb và 1/2 lb bột nếp (1 lb = 16 oz = 453 g)
- Khoảng hơn 1 cup nước để xay lá Gai và trộn bột
- 1 bịch 12 oz hạt đậu xanh cà
- Lá gai (hái hết lá của 1 cây lá gai như trong hình)
- Một ít dừa sợi non (young coconut), mua ở hàng đông lạnh, cho dừa vừa thối, nhiều quá sẽ không ngon...
- 1 muỗng cà phê hương bưởi
- 8 muỗng canh đường (thích ngọt thì cho thêm đường)
- 1 muỗng cà phê muối
- 1 muỗng canh dầu ăn
- Lá chuối để lót bánh, cắt miếng nhỏ vuông hay tròn tùy ý
- Dầu ăn để thoa lá chuối và bánh

2. Thực hiện:

Dừa sợi đem rửa sạch, để thiết ráo nước, hấp sơ, nếu là dừa tươi thì không cần hấp. Đậu xanh ngâm mềm, rửa sạch, đem hấp với muối cho chín và tán nhuyễn liền. Bắt chảo lên, cho dầu vào, đổ đậu xanh đã tán nhuyễn vào, đổ đường vào, đường sẽ tan làm cho đậu quện lại với nhau và dẻo dẻo, sau đó cho dừa sợi vào trộn đều, nêm hương bưởi vào trộn cho thiết đều rồi vò viên, để đó.

Lá Gai hái xuống rửa sạch, tưới bỏ gân lá, cho vào máy xay sinh tố với 1 cup nước, xay cho thiết nhuyễn. Sau đó đổ vào bột để nhồi, nếu thiếu nước thì cho từ từ mỗi lần một ít hông thì bột sẽ bị nhão bắt bánh không được...khi nhồi cho đều rồi để bột nghỉ 10-15 phút rồi bắt đầu bắt bánh.



Lấy một cục bột vò viên, lấy hai tay ép lại cho thành miếng tròn, bỏ cục nhân vào, gói lại như gói chè trôi nước, thoa dầu cho đều bánh, để bánh lên miếng lá chuối nhỏ có thoa dầu để khi chín bánh dễ lột, xếp bánh vào xúng.

Khi đã làm xong hết bánh, bắt xúng lên bếp hấp khoảng 10 phút là bánh chín.

Hy vọng các bạn làm được món bánh này thiết ngon...

G. Phương

(Món Chay Thanh Tịnh)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TĂNG QUAN

Chúc Phú

Tăng quan luận (僧官論) là một trong những bộ luận do ngài Thích Ngạn Tông (557-610) (1) trước tác, nhằm thuyết minh và lý giải các chức vụ do chư Tăng đảm nhiệm (廣明僧職) (2).

Toàn văn của tác phẩm này đến nay vẫn chưa tìm thấy mà chỉ còn tựa đề của tác phẩm được ghi lại trong Pháp uyển châu lâm, quyển một, Đại Tổng Tăng sử lược, quyển hai, Đại Đường nội điển lục, quyển năm... Đây là tiền đề gợi mở để chúng tôi thực hiện đề tài Luận về vấn đề Tăng quan.

Như vậy, ngay từ thời vua Tùy Dạng Đế (569-618) tại Trung Hoa, vấn đề người xuất gia đảm nhận những chức vụ do triều đình sắp đặt (僧官), là một hiện thực lịch sử, được quan tâm và kiện toàn về cơ sở lý luận như tác phẩm của ngài Thích Ngạn Tông đã chỉ ra.

Trong khuôn khổ của đề tài, Tăng quan được hiểu là chức vụ của chư Tăng do triều đình bổ nhiệm, để thống lãnh Tăng, Ni các chùa viện trên toàn quốc, nhằm duy trì kỷ cương và phát triển Phật giáo (3). Tăng quan có thực quyền và lương bổng cụ thể.



Nguồn gốc và niên đại hình thành Tăng quan ở Ấn Độ

Căn cứ vào tư liệu lịch sử, định chế Tăng quan không phải xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc mà được hình thành từ thời vua Āsoka (272-236 B.C) (4) ở Ấn Độ cổ đại. Theo lịch sử, sau khi thống nhất toàn cõi Ấn Độ và trở thành một quốc gia rộng lớn, vua Āsoka đã tổ chức

một bộ máy quản lý nhà nước quy mô và khoa học. Theo bi ký số 3 (Bi ký Girnar) (5), nhà vua đã thành lập các chức quan như Rājuka, Yutā, Pādesika với chức năng tuần du đất nước trong mỗi năm năm nhằm phổ biến Chánh pháp và giải quyết các vấn đề cấp thiết khác của quốc gia.

Đặc biệt, đối với vấn đề tôn giáo, ông đã thành lập một cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo gọi là *Dharma Māhamātra* (6). Quan chức Dharma Māhamātra có thể là người thế tục và cũng có khả năng là người đại diện của các tôn giáo. Thông tin từ bi ký của vua Āsoka đã cho thấy điều này.

Theo chủ trương của vua Āsoka trong bi ký số 5 (Bi ký Mānsehrā), *"ta dùng các quan chức này trong mọi giáo phái nhằm xây dựng và phát triển Chánh pháp vì lợi ích và hạnh phúc cho những ai tận trung với tôn giáo. Các quan chức này cũng được cử phục vụ tại các xứ sở và dân tộc như Yona, Kamboja, Gandhāra, Rāstrika, Pitinika và các dân tộc Aparānta hay các bộ tộc biên giới phía Tây. Họ được cử phục vụ trong quân đội, trong các hội chúng ẩn sĩ Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, giữa những người nghèo khổ và người già yếu nhằm mục đích mang lại lợi ích và hạnh phúc cho họ và để giúp những người thực hành Chánh pháp thoát khỏi phiền toái. Họ cũng được cử nhằm xem xét đơn kháng án của các phạm nhân, giúp phạm nhân khỏi bị ngược đãi, giải phóng phạm nhân trong trường hợp phạm nhân phải nuôi con dại hay gặp quá nhiều bất hạnh hoặc bị khổ sở bởi tuổi già. Họ cũng được bổ làm việc tại Pataliputra và tại các tỉnh thành bên ngoài, trong các hậu cung của các anh chị em ta và bất cứ nơi nào có thân nhân của ta sinh sống. Ta dùng các quan chức Dharma-Mahāmātra này khắp nơi trong vương quốc của ta để họ giúp mọi người thực hành Chánh pháp, tận trung với Chánh pháp và làm các việc thiện."* (7)

Vua Āsoka đã dành nhiều quan tâm đến quan chức Dharma Mahāmātra bởi lẽ ở bi ký số 12, ông đã minh giải thêm chức năng và nhiệm vụ của quan chức này (8). Theo bi ký số 12, vua Āsoka tôn trọng mọi giáo phái. Theo ông, tôn trọng giáo phái của mình không đồng nghĩa với việc chê bai giáo phái người khác. Điểm nhấn trong bi ký 12 là quan điểm về bình đẳng phát triển tôn giáo (9). Đó là một trong những

nguyên do ra đời của quan chức Dharma Mahāmātra.

Mặc dù đã trở thành một Phật tử chính thức (Upāsaka) vào năm thứ 8 sau khi lên ngôi (10), tuy nhiên trong quan điểm đối với các tôn giáo đang hiện hữu trên đất nước mình, ông luôn dành cho họ một sự quan tâm và đối đãi hết mực trọng thị. Đây cũng là lời dạy của Đức Phật đối với tướng quân Siha được thể hiện trong kinh Tăng chi (11), mà có lẽ vua Āsoka đã tiếp thu và thực hành theo lời dạy đó.

Về niên đại thành lập tổ chức Dharma Mahāmātra, theo tác phẩm *History of Indian Buddhism*, thì vua Āsoka thành lập quan chức Dharma Mahāmātra vào năm thứ 13 sau khi lên ngôi. Phối kiểm tác phẩm thì được biết, đây không phải là quan điểm của tác giả Lamotte mà được ông dẫn lại từ một tác phẩm khác (12).

Với tác phẩm *King Ashoka and Buddhism* (13), tác giả Ananda W.P Guruge cũng cho rằng niên đại thành lập quan chức Dharma Mahāmātra vào năm thứ 13. Tác giả Smith A. Vincent trong tác phẩm *Rulers of India* (14) cho rằng vào năm thứ 14 sau khi lên ngôi, vua Āsoka thành lập quan chức Dharma Mahāmātra. Tác phẩm tiếng Việt Vua A Dục Vương (Asoka) cuộc đời và sự nghiệp của tác giả Thích Tâm Minh cũng cho rằng quan chức Dharma Mahāmātra được thành lập vào năm thứ 13 sau khi vua Āsoka lên ngôi (15).

Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả James Prinsep, được ghi lại trong tác phẩm *The Journal of the Asiatic Society of Bengal* (16) thì cho rằng vua Āsoka thành lập quan chức Dharma Mahāmātra vào năm thứ 10 sau khi lên ngôi. Trong bản dịch Anh ngữ bi ký số 5, thuộc tài liệu của nhà khảo cổ Cunningham, trong tác phẩm *Corpus Inscriptionum Indicarum: Inscriptions of Asoka*, cũng cho rằng, sự kiện quan trọng đó diễn ra vào năm thứ 10.

Căn cứ vào cụm từ *Dasavasabhis* (17) được nhà khảo cổ Cunningham cẩn thận rập lại từ bi ký số 5 và cả bi ký số 8 (18), đã khẳng định rằng, quan chức Dharma Mahāmātra đã được vua Āsoka thành lập vào năm thứ 10 sau khi lên ngôi.

Ở đây, nếu tạm thống nhất dùng bảng niên biểu Āsoka do tác giả Lamotte cung cấp, thì niên đại chính xác để vua Āsoka tổ chức thành lập quan chức Dharma Mahāmātra vào năm thứ 10 sau khi lên ngôi, tức là năm 258 trước Tây lịch (19).

Với vua Āsoka, kể từ khi quy ngưỡng Phật giáo, ông đã nỗ lực hết mình trong sự nghiệp phát triển Phật giáo. Bản thân mình đi chiêm bái thánh tích, cho phép con trai xuất gia và đi hoằng pháp ở các nơi, xây dựng chùa tháp và lưu truyền Pháp Phật qua các dạng minh văn, bi ký ở nhiều nơi trong và ngoài đất nước... Tất cả những ý nguyện vĩ đại đó khó có thể hoàn thành trọn vẹn nếu như không có một bộ phận nhân sự chuyên trách. Sự ra đời của các quan



chức Dharma Mahāmātra cũng nhằm vào mục đích này.

Không những vậy, với một quốc gia rộng lớn về lãnh thổ, đa dạng về sắc tộc, tôn giáo, thì việc thành lập một cơ quan chuyên trách về vấn đề tôn giáo có một ý nghĩa quan trọng. Vì lẽ, ngoài chức năng bảo hộ sự phát triển của tôn giáo thì cơ quan chuyên trách này còn góp phần vào việc ngăn ngừa sự xung đột giữa các tôn giáo, góp phần ổn định và phát triển đất nước.

Có thể nói, sự ra đời của quan chức Dharma Mahāmātra là một sáng tạo mang tính tiên phong của vua Āsoka trong lãnh vực liên quan đến tôn giáo.

Lược sử và định chế Tăng quan tại Trung Quốc

Định chế Tăng quan ra đời tại Trung Quốc nhằm giải quyết việc nội bộ của Tăng đoàn. Trong một vài trường hợp đặc biệt, Tăng quan còn đảm nhiệm những tước vụ quan quyền, có vai trò tương tự như một vị quan lại thế tục.

1- Niên đại hình thành

Theo *Lương cao tăng truyện*, truyện của ngài Cưu Ma La Thập (344-413)²⁰ và ngài Tăng Lược (347-416) (21), thì vào thời kỳ Hậu Tần (384-417), Phật giáo phát triển mạnh mẽ, số lượng Tăng nhân ở thời kỳ này rất đông đảo (22), và cũng do vậy đã bước đầu phát sinh những tệ trạng trong sinh hoạt Tăng-già. Với tâm nguyện góp phần trùng hưng Tam bảo, để đoàn thể Tăng-già thanh tịnh và trang nghiêm, vua Diêu Hưng (366-416) vào niên hiệu Hoảng Thủy năm thứ bảy (405) đã ban thư cầu thỉnh ngài Tăng Lược lên ngôi vị lãnh đạo Tăng-già toàn quốc, gọi là *Tăng chánh*. Đồng thời, để hỗ trợ Phật sự, nhà vua cũng cung thỉnh ngài Tăng Thiên làm *Duyệt chúng*, các ngài Pháp Khâm và Tuệ Bản làm *Tăng lục*.

Cũng theo *Lương cao tăng truyện*, quyền tám, ngài Thích Tuệ Cơ được ban sắc làm *Tăng chủ*, quản lý 10 thành. Nội dung tiểu truyện



cũng cho rằng Tăng chánh của miền Đông Đô được khởi nguồn từ đây vậy (乃勅為僧主掌任十城。蓋東土僧正之始也) (23). Trong khi đó, ngài Tuệ Cơ thọ 85 tuổi và viên tịch vào niên hiệu Kiến Vũ năm thứ ba, triều Nam Tề Minh Đế, tức năm 496, điều đó đã cho thấy rằng, ngài Tăng Lực viên tịch thì ngài Tuệ Cơ vừa mới ra đời.

Và như vậy, định chế Tăng quan tại Trung Quốc xuất hiện vào năm 405 và người đầu tiên làm Tăng quan là ngài Tăng Lực.

2- Cơ cấu tổ chức

Mô hình tổ chức của định chế Tăng quan ở Trung Quốc lúc đầu mang tính tự trị và độc lập tương đối. Tuy nhiên, cùng với sự thăng trầm của các triều đại tại Trung Quốc, tính tự trị độc lập đó cũng ít nhiều thay đổi, tùy theo quan điểm và sách lược của từng triều đại.

Về cơ quan lãnh đạo tối cao, theo *Đại Tống Tăng sử lược* (24), quyển trung, vào thời Đông Hán, các Sa-môn Thích tử trực thuộc sự quản lý của Hồng Lô Tự. Đến thời Bắc Ngụy, theo *Quảng Hoảng minh tập*, quyển 2, thì cơ quan lãnh đạo cao nhất của Phật giáo lúc đầu gọi là *Giám Phước Tào*. Sau đó, vào niên hiệu Thái Hòa năm thứ 21 (497) cơ quan này đổi tên thành *Chiêu Huyền Tào*. Đến thời nhà Đường, lập Sùng Huyền Tự thuộc Hồng Lô Tự. Đến thời kỳ nhà Minh, vào niên hiệu Hồng Vũ năm thứ 5 (1382) đã thành lập *Tăng Lực Ty* nhằm quản lý Tăng Ni toàn quốc và phụ thuộc vào Lễ Bộ (25). Cơ chế quản lý Phật giáo thời nhà Minh cũng được áp dụng ở Giao Châu (26).

Về chức danh lãnh đạo Tăng-già tối cao, ban đầu được gọi là *Tăng chánh* (thời nhà Tần), *Đạo nhân thống*, *Sa-môn thống*, *Tăng thống* (thời Bắc Ngụy), *Đại Tăng chánh* (thời nhà Lương), *Tăng chủ* (thời Lưu Tống, Nam Tề), *Quốc thống* (thời Đông Ngụy), *Chiêu huyền thống* (Bắc Tề), *Đại thống* (nhà Tùy), *Tăng thống* (nhà Đường), *Thống lãnh* (thời nhà Minh)...

Để hỗ trợ cho lãnh đạo Tăng-già tối cao

điều hành Phật sự, tùy theo từng giai đoạn lịch sử mà nhân sự Tăng quan cấp dưới có các chức danh như *Duy na*, *Duyệt chúng*, *Tăng đô*, *Sa-môn đô*, *Chiêu huyền đô*, *Thông thống*, *Đoạn sự Sa-môn*, *Đô áp Tăng chánh*, *Công tào*, *Chủ ba viên*, *Tả nhai Đại Công đức sử*, *Hữu nhai Đại Công đức sử*, *Tăng lục*, *Tả nhai Tăng lục*, *Hữu nhai Tăng lục*... Bộ phận nhân sự này không những có đạo phong, giỏi về kinh điển mà còn vững vàng về kiến thức xã hội. Chính vì vậy, đã có trường hợp tiền triều ủng hộ Phật pháp thì làm Tăng quan, nhưng đến khi vương triều kế nhiệm bãi bỏ Phật pháp thì vẫn có khả năng làm một vị quan thế tục. Đây cũng là trường hợp của Đạt Ma Xà Na (達磨闍那), tiếng Tùy gọi là Pháp Trí, đã từng làm Sa-môn đô ở Chiêu Huyền Tự (27), sau khi Phật giáo bị bức hại, ông trở về đời sống thế tục và làm Thái thú quận Dương Xuyên ở Dương Châu (28).

Có một điều lưu ý trong chức danh lãnh đạo Tăng-già tối cao, đó là ngôi vị *Pháp chủ*. Thực ra, trong hệ thống chức danh Tăng quan không có tên gọi này. Trong kinh điển, Pháp chủ là mỹ hiệu tôn quý, dùng để chỉ cho Đức Phật Thích Ca (29). Trong tác phẩm *Sắc tu bách trượng thanh quy*, tên gọi Pháp chủ chỉ cho *Quốc sư* (cũng còn gọi là *Đế sư*) như ngài Bạt-hợp-tư-bát (拔合斯八) (30). Ngoài ra, Pháp chủ còn chỉ cho bậc Đại Pháp sư chuyên diễn giảng kinh điển như ngài Tăng Đạo (31), ngài Pháp Viện (409-489) (32), ngài Tăng Mân (33) (467-527), ngài Tĩnh Tung (537-614) (34)...

3- Thực quyền và lương bổng

Tăng quan về cơ bản có thực quyền. Trường hợp đầu tiên phải kể đến là sự kiện vua Diêu Hưng hạ chiếu cho Ngụy thượng thư lệnh Diêu Hiến bức ép hai vị xuất gia tên là Thích Đạo Hằng và Thích Đạo Tiêu cởi áo cà-sa ra đời, giúp vua thừa hành vương nghiệp. Hai vị Tăng nhân này đã khẩn thiết dâng biểu trình bày tâm nguyện và khẳng khái thệ rằng: thà bỏ thân mạng chứ không thể lìa cà-sa (縊服之下誓畢身命) (35). Do vì muốn nhị vị Tăng nhân này phò vua giúp nước, Diêu Hưng đã viết thư cầu thỉnh Quốc sư Cứu Ma La Thập và ngài Tăng chánh Đạo Lực, xin các ngài góp lời trợ khuyên (願法師等曷以喻之). Sau khi nhận thư, cả hai ngài đều viết tấu dâng lên với lời lẽ chí tình và thống thiết, tán thán chí nguyện của hai bậc xuất gia kỳ đặc này (36). Để cuối cùng, hai ngài Thích Đạo Hằng và Thích Đạo Tiêu được vào núi Lang Tà (琅邪山) ẩn tu cho đến cuối đời (37).

Theo *Phật tổ thống ký*, vào niên hiệu Cảnh Minh năm thứ hai (501), triều vua Tuyên Vũ Đế (483-515), thời Bắc Ngụy, đã ban chiếu rằng: nếu Tăng nhân phạm tội sát nhân, thì y theo luật của thế tục mà xử, ngoài ra nếu phạm các tội khác, thì giao cho Chiêu Huyền Đô thống để phân xử theo luật Phật (38). Ở

thời nhà Đường, vua Huyền Tông ban chiếu: Tăng Ni có tội thì y theo luật Phật mà phân xử. Đường Đại Tông cũng ban chiếu: Quan ty trong thiên hạ, không được đánh đập hay làm nhục Tăng Ni. Xem ra, trong vai trò quản lý Tăng Ni, Tăng quan có những quyền hạn nhất định, thể hiện ở vai trò bảo hộ cũng như độc lập phân xử những việc liên quan đến Tăng đoàn.

Ở đây, một trong những đặc điểm của cơ chế quan trật, đó là lương bổng. Tăng quan do vương triều cung cử và bổ nhiệm, nên cũng nằm trong định chế đặc thù này.

Khi ngài Tăng Lực nhận vai trò Tăng chánh, phẩm trật thuộc hàng Thị trung, nên được vua Diêu Hưng cấp xe và người hầu cận. Mặc dù vậy, ngài đã nhường xe cho người già yếu, tật bệnh, còn bổng lộc thì cúng dường cho chúng Tăng (39).

Với ngài Tăng Căn (僧瑾), khi được vua Lưu Tống Minh Đế ban sắc làm Thiên hạ Tăng chủ (天下僧主), thì đồng thời cấp một bộ nghi trượng (法仗), 20 người hầu cận thân tín, xe cộ để đi lại và mỗi tháng cấp ba vạn tiền.

Vào năm Thái Thủy nguyên niên (465), Lưu Tống Minh Đế sắc Sa-môn Đạo Mãnh làm Cương lĩnh, mỗi tháng cấp ba vạn tiền, cử bốn người thân tín và 20 người hầu hạ, xe và kiệu mỗi loại một chiếc (40). Với bổng lộc được ban, ngài Đạo Mãnh chẩn thí cho người nghèo và xây dựng chùa miếu.

4- Vai trường hợp đặc biệt

Trong một số trường hợp đặc thù, Tăng nhân đôi khi đảm nhận những tước vị tương tự như quan lại thế tục.

Theo *Phật tổ thống ký* (41), quyển 51, vào thời Bắc Ngụy, phong Sa-môn Pháp Quả làm *Nghi thành tử*, sau đó lại gia phong thêm là An thành công. Theo *Phật tổ lịch đại thông tải* (42), việc phong quan tước cho Tăng nhân, được khởi đầu từ ngài Pháp Quả. Vào thời Lương Vũ Đế, đã sắc Sa-môn Huệ Siêu làm *Thọ quang điện Học sĩ*.

Đường Thái Tông phong Sa-môn Trí Uy làm Triều tán Đại phu. Vua Cao Tông cũng sắc cho Sa-môn Huệ Uy làm Triều tán Đại phu. Vua Trung Tông cũng sắc ngài Huệ Phạm làm Chánh nghị Đại phu. Vua Đường Đại Tông phong cho Sa-môn Bất Không làm Đặc tiến Hồng lô khanh, sau đó lại gia phong thêm là Khai phủ Nghi đồng Tam ty tước Quốc công, hưởng bổng lộc ba ngàn hộ...

Tăng quan là lãnh vực không chỉ dành riêng cho chư Tăng, vì ngay từ rất sớm, đã có sự tham gia của chư Ni. Theo Tỳ-kheo-ni truyện, quyển 2, *Phật tổ thống ký*, quyển 36, *Đại Tổng Tăng sử lược*, quyển trung, vào niên hiệu Thái Thủy năm thứ hai (466), Lưu Tống Minh Đế đã ban sắc cho Tỳ-kheo-ni Bảo Hiền làm Tăng chánh, quản lý chư Ni ở kinh đô (都邑僧正)

(43), cúng dường đầy đủ tứ sự và mỗi tháng cấp một vạn tiền. Để hỗ trợ với Bảo Hiền, nhà vua đã sắc phong cho Tỳ-kheo-ni Pháp Tịnh làm *Duy na* ở kinh đô (京邑都維那) (44). Có thể nói, đây là hai vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên tham gia vào lãnh vực quản lý Tăng nhân trong thiên hạ.

Cũng lưu ý rằng, với hai vị Tỳ-kheo-ni nêu trên, tuy mang tên gọi là *Tăng chánh* và *Duy na* nhưng chỉ có nghĩa là quản lý Ni chúng ở kinh đô, vì cùng thời kỳ này, Lưu Tống Minh Đế đã sắc phong cho ngài Tăng Căn làm *Thiên hạ Tăng chủ* (45).

Kết luận

Tăng quan có khởi nguồn từ rất sớm, tuy nhiên tư liệu tại Ấn Độ không đề cập nhiều. Tại Trung Hoa, định chế Tăng quan được tổ chức mô phỏng theo bộ máy nhà nước thế tục, với phẩm trật và lương bổng rõ ràng.

Xuyên suốt thời phong kiến, định chế Tăng quan được thiết lập với tên gọi khác nhau, cách thức tổ chức và quản lý khác nhau. Thế nhưng, điểm chung trong định chế Tăng quan giữa các triều đại phong kiến là thừa nhận vai trò tự trị tương đối của tổ chức Tăng đoàn.

Vào thời Đông Tấn, Tăng Ni đặt dưới sự quản lý của bộ máy vương quyền. Đến thời ngài Cư Ma La Thập, từ khi bản kinh *Phật thuyết kinh nhân vương Bát-nhã Ba-la-mật* do ngài dịch được phổ biến, đã cho thấy rằng, một trong những điều kiện làm cho Phật pháp suy vong là lập quan lại thế tục để quản lý Tăng Ni (46). Có lẽ thấy được điều này nên Diêu Hưng, là đệ tử của ngài Cư Ma La Thập, đã giao việc Tăng cho chư Tăng quản trị, thể hiện ở việc lập ngài Tăng Lực lên làm Tăng chánh, điều hành và quản lý việc của Tăng.

Tuy làm Tăng quan, do tính chất công việc nên phải liên hệ đến đời sống thế tục, thế nhưng các ngài Tăng quan vừa được dẫn ở trên, không những khẳng định phẩm chất đạo đức riêng có của hàng Thích tử, mà còn cho thấy tính chất phụng sự dân thân, mang dáng dấp của tâm hành Bồ-tát.

Chúc Phú

(1) 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第二, 釋彥琮.

(2) 大正藏第 54 冊 No. 2126 大宋僧史略, 卷中.

(3) Phật Quang Đại từ điển, tập 4, Thích Quảng Độ dịch, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, 2000, tr.5043.

(4) Lamotte, Étienne, History of Indian Buddhism, Paris: Institute Orientaliste Louvain-La-Neuve, 1988, p.213

(5) Cunningham, Alexander, Corpus Inscriptionum Indicarum: Inscriptions of Asoka, Vol. I. Calcutta: Office of the Superintendent of Government Printing, 1877. p.68; 118.

(6) M.Monier-Williams, A Sanskrit English Dictionary, Springfield, VA: Nataraj Books, 2014, p.511.

(7) Thích Tâm Minh, A Dục vương (Ashoka) Cuộc đời và sự nghiệp, NXB. Tôn giáo, 2004, tr.308-309.

(8) Cunningham, Alexander, Corpus Inscriptionum Indicarum: Inscriptions of Asoka, Vol. I. Calcutta: Office of the Superintendent of Government Printing, 1877. p.84;125.

(9) Ibid.

(10) Lamotte, Étienne, History of Indian Buddhism, Paris: Institute Orientaliste Louvain-La-Neuve, 1988, p.226.

(11) Kinh Tăng chi, chương Tám pháp, phẩm Lớn, kinh Tướng quan Sĩha, NXB.Tôn Giáo, 2005, tr.540. Nguyên văn: Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Sĩha, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường những món ăn cho những ai đến với Ông". Bạch Thế Tôn, con nghe như sau, Sa-môn Gotama nói: "Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử các người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí những người khác không có phước lớn. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta mới có phước lớn, bố thí cho đệ tử những người khác không có phước lớn". Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho Nigantha.

(12) Lamotte, Étienne, History of Indian Buddhism, Paris: Institute Orientaliste Louvain-La-Neuve, 1988, p.227.

(13) King Ashoka and Buddhism, Anuradha Senviratna Ed. Sri Lanka: Kandy, 1994. p. 50.

(14) Vincent A. Smith, M.R.A.S, Rulers of India: Ashoka- the Buddhist Emperor of India, London: Oxford, 1901, p.119.

(15) Thích Tâm Minh, A Dục Vương (Ashoka) Cuộc đời và sự nghiệp, NXB.Tôn Giáo, 2004, tr.308.

(16) James Prinsep F.S.R., Journal of the Asiatic Society of Bengal, Vol 7, Part 1. Calcutta: 1838, p.252.

(17) Cunningham, Alexander, Corpus Inscriptionum Indicarum: Inscriptions of Asoka, Vol. I. Calcutta: Office of the Superintendent of Government Printing, 1877. p.72.

(18) Cunningham, Alexander, Corpus Inscriptionum Indicarum: Inscriptions of Asoka, Vol. I. Calcutta: Office of the Superintendent of Government Printing, 1877. p.77.

(19) Lamotte, Étienne, History of Indian Buddhism, Paris: Institute Orientaliste Louvain-La-Neuve, 1988, p.226.

(20) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第二.

(21) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第六. Ngài Tăng Lược viên tịch vào năm cuối niên hiệu Hoảng Thủy, hưởng thọ 70 tuổi.

(22) 大正藏第 54 冊 No. 2126 大宋僧史略, 卷中. Nguyên văn: 始姚秦之世. 出家者十室而半.

(23) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第八.

(24) 大正藏第 54 冊 No. 2126 大宋僧史略.



(25) 卍新續藏第 77 冊 No. 1521 (古今圖書集成)釋教部彙考, 卷第六.

(26) Đại Việt sử ký toàn thư, bản in Nội các quan bản, tập 2, NXB. KHXH, Hà Nội, 2004, tr. tr. 259.

(27) Theo Lịch đại Tam bảo ký, quyển 9, truyện ngài Na Liên Đề Đa Xá, Đạt Ma Xà Na đảm nhận chức Sa-môn đồ.

(28) 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第二, 闍那崛多. Nguyên văn: 智因僧職轉任俗官, 再授洋州洋川郡守.

(29) 大正藏第 01 冊 No. 0001 長阿含經, 卷第六, 小緣經. Nguyên văn: 為世間法主.

(30) 大正藏第 48 冊 No. 2025 敕修百丈清規, 卷第二.

二.

(31) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第七.

(32) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第八.

(33) 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第五.

(34) 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第十.

(35) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第六.

(36) Toàn văn các bản thư, tấu giữa Diêu Hưng và các ngài Cửu Ma La Thập, Tăng Lược, Tăng Thiên... hiện bảo lưu tại: 大正藏第 52 冊 No. 2102 弘明集, 卷第十一.

(37) 大正藏第 49 冊 No. 2036 佛祖歷代通載, 卷第七.

(38) 大正藏第 49 冊 No. 2035 佛祖統紀, 卷第三十八. Nguyên văn: 景明二年. 詔僧殺殺人依俗格斷. 餘犯悉付昭玄都統. 以內律僧制判之.

(39) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第六. Nguyên văn: [(丰*力)/石]躬自步行. 車輿以給老疾. 所獲供卹常充眾用.

(40) 大正藏第 49 冊 No. 2035 佛祖統紀, 卷第三十六; 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第七.

(41) 大正藏第 49 冊 No. 2035 佛祖統紀, 卷第五十一, 沙門封爵.

(42) 大正藏第 49 冊 No. 2036 佛祖歷代通載, 卷第十二.

(43) 大正藏第 50 冊 No. 2063 比丘尼傳, 卷第二, 普賢寺寶賢尼傳二十一.

(44) 大正藏第 50 冊 No. 2063 比丘尼傳, 卷第二, 普賢寺法淨尼傳二十二.

(45) 大正藏第 50 冊 No. 2059 高僧傳, 卷第七.

(46) 大正藏第 08 冊 No. 0245 佛說仁王般若波羅蜜經, 卷下. Nguyên văn: 大王. 未來世中一切國王太子王子四部弟子. 橫與佛弟子書記制戒. 如白衣法. 如兵奴法. 若我弟子比丘比丘尼立籍. 為官所使. 都非我弟子. 是兵奴法. 立統官攝僧. 典主僧籍. 大小僧統共相攝縛. 如獄因法兵奴之法. 當爾之時佛法不久.

TUỔI THƠ SÀI GÒN

Ánh nắng cuối ngày thoi thóp bên hiên
Chiều Sài Gòn có người đi xa về buồn đến lạ
Trong gian nhà cuối phố
Dăm mái đầu con con
Dăm vầng mắt nâu non
Tròn xoe
Thao tháo
Dán vào màn vi tính
Mãi miết những trò chơi

Vĩa hè nằm chơi vơi
Chờ những bước chân rộn ràng
Nhảy dây
Cút bắt
Tiếng cười trong vắt
Lấn khuất phía sau lưng

Thằng bé ngáp ngừng
Chìa tay tờ vé số
"Cô ơi ! làm ơn mua hộ
để chiều về Bà có được bát cơm"

Cô bé tóc cột cọng cỏ rom
Lê bàn chân còm còi qua từng hẻm nhỏ
Nhặt những mảnh ve chai người ta vứt bỏ
Như nhặt nụ cười vừa đánh rớt ngày hôm qua

Con búp bê trong xó nhà khóc oa oa
Cánh diều sau hè nằm rên rĩ
Chợt nghe mỗi mình đắng vị
Giữa phố đông người để lạc mất tuổi thơ xa

Đêm Sài Gòn,
lộng lẫy
xa hoa
Đòng người đi qua
vô tình
hờ hững
Lòng rưng rưng
khi tình cờ bắt gặp
nơi ngã tư đèn,
thằng nhỏ ăn xin mù
ngồi hát:
"Sài Gòn đẹp lắm...
Sài Gòn ơi...
Sài Gòn ơi..."

VIẾT CHO GIÒNG SÔNG TUỔI THƠ

Chảy trong tim tôi một giòng sông
Không xanh, không mộng
Không dừa nghiêng xõa tóc
Giòng sông của những mảnh đời khó nhọc
Nước đục bốn mùa,
Chan chát nắng mưa

Tuổi thơ tôi là những buổi trưa
Xếp thuyền giấy thả vào giòng nước
Và mong thuyền chở đi bao mộng ước
Đến bờ bến tươi hồng.

Tuổi thơ tôi - những ngày đông
Co ro trong gian nhà vách thưa, gió lùa toả
Nghe tim mình buốt giá
Thương một con cò còn lặn lội bờ sông.

Tuổi thơ tôi canh cánh mãi bên lòng
Nỗi lo toan: cơm - áo
Cánh diều ước mơ chao đảo
Chẳng bao giờ với được tới trời xanh.

Không có cổ tích với ông Bụt hiền lành
Tuổi thơ tôi: một mình - lặng lẽ
Chỉ có sông mang lời ru khe khẽ
Vỗ về, xoa dịu nỗi đau.

...Giòng sông,
nơi tuổi thơ tôi đi qua mãi nặng ơn sâu
Lạc lõng giữa đất người tôi bỗng quay quắt
muốn
Một lần thôi - được ngược chảy về nguồn.

thơ **DIÊU LINH**



TỨ TẤT ĐÀN – MỘT PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRONG PHẬT GIÁO

Tâm Thường Định

Nhật Ký Giáo Dưỡng: TỨ TẤT ĐÀN - MỘT PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRONG PHẬT GIÁO

Trước tiên, sứ mệnh và mục đích của giáo dục luôn thay đổi theo không gian, thời gian, quốc độ và niềm tin của mỗi người. Nhưng quan trọng hơn, "Học để làm gì?" Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization - UNESCO), có Bốn trụ cột trong việc học (The Four Pillars of Learning)[1]. Học để biết; Học để làm; Học để tự khẳng định chính mình/học để làm người; và Học để cùng chung sống.

Riêng ở quốc độ này, "Mục đích chính trong trường học tại Hoa Kỳ là để cung cấp cho sự phát triển tiềm năng trọn vẹn của từng học sinh để sống đạo đức, sáng tạo, và có hiệu quả trong một xã hội dân chủ." ("The main purpose of the American school is to provide for the fullest possible development of each learner for living morally, creatively, and productively in a democratic society")[2]. Còn thời Việt Nam Cộng Hòa thì triết lý giáo dục được đặt trên nền tảng: nhân bản, dân tộc, và khai phóng [3]. Ngày nay, không biết nền tảng Giáo dục Việt Nam của chúng ta đang đặc ở đâu?

Riêng trong Phật Giáo, thiên ý của chúng tôi là sứ mệnh và mục đích tối hậu vẫn là "Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn." Nói cách khác là Tự mình tìm ra chân lý, giúp người thấy ra chân lý, và tất cả đều giác ngộ ra sự thật/chân lý. Còn tổ chức Gia Đình Phật Tử thì lấy Bi-Trí-Dũng làm nền tảng. Ngoài Đức dục, trí dục, và thể dục, chúng tử và huân tập là



những phương tiện thiện xảo để giáo dục tuổi trẻ ngày nay. Tuy nhiên chúng tôi muốn đề cập đến Tứ Tất Đàn trong việc sự Giáo dục trong Phật Giáo.

Theo Hoà thượng Thích Thái Hòa, trong bài *Tứ Tất Đàn Và Sự Ứng Dụng Trong Cuộc Sống*, Thầy giải thích như sau:

Tứ Tất Đàn, tiếng Phạn là catvari siddhanta; catvari có nghĩa là tứ và siddhanta phiên âm là tất đàn, có khi còn được phiên âm là "Tất Đàm", và dịch là "Tác Thành Tự", có nghĩa là làm cho công việc thuyết pháp của Đức Phật được thành tựu. Chữ siddhanta, Hán dịch là "thành tựu", nghĩa là nhờ dựa vào bốn phương pháp này, mà Đức Phật thuyết pháp và thành tựu được sự nghiệp hoằng hóa, giáo hóa chúng sinh, đưa chúng sinh từ mê lầm đến giác ngộ, từ sinh tử đến Niết Bàn, từ phàm lên Thánh, từ mê lầm đến sự hiểu biết cao thượng.

Nội dung Tứ tất đàn gồm có: 1. Thế giới tất đàn; 2. Vị nhân tất đàn; 3. Đối trị tất đàn; và 4. Đệ nhất nghĩa tất đàn. Đây là bốn phương pháp mà Đức Phật đătùy duyên và bất biến, giảng dạy và thành tựu viên mãn mà chúng ta có thể áp dụng ngày nay. Vì tính chất tùy duyên ở trong đạo Phật, chúng ta cũng tùy duyên sinh hoạt, giảng dạy, và hoằng Pháp cho thế hệ kế thừa những phép kinh sau:

1) Thế giới tất đàn: Vì sự an lạc và hạnh phúc của chúng sanh, đức Phật đã dùng phương tiện tùy thuận chúng sinh mà thuyết pháp và giảng dạy.

2) Vị nhân tất đàn: Ngài vì tùy vào căn cơ trình độ cao hay thấp, tâm lý, chủng tử của mỗi người mà dùng phương tiện này, phương





tiện khác để họ dễ tiếp thu, mau tiến hóa hầu sống hài hoà an lạc.

3) Đối trị tất đàn: Ngài vì tùy thuận chỗ mê lầm và tâm bệnh của chúng sinh mà nói Pháp đối trị, như một vị Bác sỹ giỏi tùy bệnh cho thuốc để hồi phục.

4) Đệ nhất nghĩa tất đàn: Khác với 3 tất đàn trước, chỉ là phương tiện, thì Đệ nhất nghĩa tất đàn là cứu cánh và là mục đích giáo dục của đạo Phật. Khi đức Phật thấy cơ duyên của chúng sinh đã thuận thực Ngài không dùng phép tuồng đối mà khai thị con đường Trung đạo và Nhị đế (hai sự thật), thật tướng của các Pháp, để thuyết cái thật tướng của vạn pháp để cho chúng sinh sớm giác ngộ.

Như huynh trưởng Tâm Minh Vương Thuý Nga chia sẻ, "Đây là nét đặc sắc của Giáo dục Phật Giáo nói chung hay giáo dục của đức Thế Tôn nói riêng. Trong một thời Pháp của đức Thế tôn lúc Ngài còn tại thế, Ngài thường vận dụng 4 tiêu chuẩn hay 4 nguyên tắc để trình bày một vấn đề (một sự thật, một chân lý...)" Hoà thượng Thích Thái Hoà còn căn dặn:

Quý vị phải biết rằng, trong Thế gian tất đàn có Đệ nhất nghĩa tất đàn, nên nói theo thế gian mà không sai với chính nghĩa; nói thuận theo với thế gian mà không sai với Niết bàn; ở trong sinh tử mà không sai với Niết bàn giải thoát.

Cũng vậy, trong Vị nhân tất đàn có Đệ nhất nghĩa tất đàn, trong Đối trị tất đàn có Đệ nhất nghĩa tất đàn.

Chúng ta phải tùy căn cơ, tùy từng hoàn cảnh của con người, từng hoàn cảnh xã hội mà giáo hóa, chúng ta tùy thuận mà không tùy thuộc. Vì sao? Vì trong Đối trị tất đàn, trong Vị nhân tất đàn, trong Thế gian tất đàn, mỗi cái đều có Đệ nhất nghĩa tất đàn. Cho nên, trong cái tùy duyên có tính chất bất biến bên trong.

Đây là điều mà các anh/chi/em cần phải học tập, chiêm nghiệm để có thể hành đạo được ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào.

Nói tóm lại, Tứ tất-đàn là bốn phương tiện thiện xảo trong giáo dục mà Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni đã thực hành và giảng dạy. Theo gót chân Ngài, chúng ta cũng nên tùy theo căn cơ trình độ và bối cảnh xã hội khác của đoàn sinh / học sinh / đối tượng v.v... để thích nghi

làm lợi lạc cho quần sanh và xã hội. Tuy nhiên, chúng ta cần phải nhớ cho rằng sự ra đời của Đức từ phụ vẫn là mang lại sự giác ngộ và giải thoát cho tất cả chúng sanh. Mà muốn thành tựu được sự giác ngộ giải thoát này, chúng sanh, mà nhất là chúng ta, cần phải huân tập, tu dưỡng và chuyển hoá thân lẫn tâm từ khổ đau thành cuộc sống an vui, hạnh phúc và thanh thản cho mình và cho người, ngay bây giờ và cho cả tương lai.

Reference:

1. Tâm Minh Vương Thuý Nga, Phương Pháp Truyền Đạt Trong Giáo Dục Phật Giáo Và Trong Môi Trường GDPT, Trang nhà Thư Viện Hoa Sen. <http://thuvienhoasen.org/a17351/phuong-phap-truyen-dat-trong-giao-duc-phat-giao-va-trong-moi-truong-gdpt>
2. Thích Hạnh Bình, Đạo Phật Xưa Và Nay, Trang nhà Quảng Đức. <http://quangduc.com/a42869/2-dac-tinh-giao-duc-cua-phat-giao>
3. Thích Thái Hoà, Tứ Tất Đàn Và Sự Ứng Dụng Trong Cuộc Sống, Trang nhà Thư Viện Hoa Sen. <http://thuvienhoasen.org/a13153/tu-tat-dan-va-su-ung-dung-trong-cuoc-song>

[1] The four pillars of learning,

<http://www.unesco.org/new/en/education/networks/global-networks/aspnet/about-us/strategy/the-four-pillars-of-learning/>

The four pillars of learning are fundamental principles for reshaping education:

Learning to know: to provide the cognitive tools required to better comprehend the world and its complexities, and to provide an appropriate and adequate foundation for future learning.

Learning to do: to provide the skills that would enable individuals to effectively participate in the global economy and society.

Learning to be: to provide self analytical and social skills to enable individuals to develop to their fullest potential psycho-socially, affectively as well as physically, for a all-round 'complete person.

Learning to live together: to expose individuals to the values implicit within human rights, democratic principles, intercultural understanding and respect and peace at all levels of society and human relationships to enable individuals and societies to live in peace and harmony.

[2] <http://www.ascd.org/ASCD/pdf/journals/>

ed_update/eu201207_infographic.pdf

[3] Nguồn – Wikipedia.org. Giáo dục Việt Nam Cộng hòa. Chính sách văn hóa giáo dục, trang 5, Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam Cộng hòa (1972)



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



SOUP VI CÁ MẬP

Nam Tào phán hỏi:
- Các người đã tới số đâu, sao lại kéo đến đây đông thế?
Hồn các con cá mập kêu oan:
- Chúng con sống ở biển khơi bị bọn người bắt cắt lấy vi bán cho nhà hàng nấu soup, còn thân họ quăng trở lại biển. Chúng con chết ngập rất thê thảm.

Nam Tào đau lòng rơi lệ:
- Bọn người mê cứ nghĩ soup vi cá mập là bổ, sung sức... nên gây bao tội nghiệp. Thế giới văn minh đã cấm, đã kêu gọi bảo vệ đời sống hoang dã mà chúng chẳng chịu hồi tâm.

NGÃN SÔNG

Thần Biển trách:
- Đã lâu không gặp nhau, dạo này ít thấy huynh về chơi.
Thần Sông than thở:
- Bọn gian tham, tàn độc xây cả chục con đập ngăn sông. Tại hạ không sao đi được!

Thần Biển vỗ trán:
- Thảo nào có mấy loài thủy tộc nói với ta: Không có lỗi lợi về nguồn để sanh nở.

Thần Sông nắm tay Thần Biển:

- Thảm lắm huynh ơi! Đập ngăn sông làm cho trên ứ dưới cạn. Nhiều loài thủy tộc có cơ tuyệt chủng, môi trường bị phá hủy.

Hai vị nhìn nhau nước mắt lưng tròng.

KINH TẾ

Theo trào lưu chùa to Phật lớn. Thầy danh văn chạy vạy làm cho bằng được nhưng xây xong thì nợ nần tùm lum, kinh

phí điều hành lớn. Thầy bảo các huynh đệ:

- Kinh Phật huynh đệ thuộc rồi, bây giờ các vị lo kinh... tế nhé!

Các huynh đệ nhìn nhau nhưng không nói gì, giờ làm vườn có vị than:

- Từ khi được bảo trợ đến giờ chỉ thấy lo kinh tế chẳng có học hành, tu tập gì cả!

Một người khác cảm thán:
- Xuất gia vào chùa nào ngờ gặp cái gia khác!

SỐ HÊN SỐ XUI

Một anh Việt mua thuế xe muốn biến số chín nút. Nhân viên phụ trách bảo:

- Muốn biến số theo ý thì phải trả thêm tiền.

Anh Việt đồng ý, anh nhân viên vui tính hỏi:

- Số này có gì hay mà anh chịu trả thêm tiền?

Anh Việt bảo:
- Số chín nút hên, gặp số bù thì xui.

Không ngờ anh nhân viên lại là người mộ Phật và học Phật. Anh ta nói với anh Việt kia:

- Mình làm cái gì thì nhận cái nấy, con số sao có thể làm cho mình hên hay xui!

Anh Việt nín thinh.

SÀI HOA TRẦN

Trần nổi danh phong nhiêu, sung túc, mưa thuận gió hoà. Cư dân thuận hậu, hào hiệp... bao nhiêu người tìm về lập nghiệp. Giang hồ phong cho mỹ hiệu: "Minh Châu Bảo Bối." Từ khi Hồng giáo chủ xưng hùng thì trần trở nên tiêu điều, bao phong hoá hay, lệ cũ đẹp đều phế bỏ. Nhiều người đau lòng đành bỏ đi xứ khác lập

nghiệp. Giang hồ bốn bể không phục đảm tiêu gán cho nó hỗn danh:

- Ngọc Hành Đông Phương Giáo chủ giận lắm bèn cho khắc cái biển to tướng:

- Hồng Ngọc Đông Phương.

A DẬU

Ngày xuân rảnh rỗi, mẹ theo A Dậu du xuân viếng danh lam thắng cảnh, đến một ngôi đền to nọ thấy nhiều người vào xem mẹ cũng toan vào, nào ngờ A Dậu kéo tay mẹ bảo:

- Nì đừng có vào đền này, xúi quẩy lắm, làm ăn lụn bại đấy!

Mẹ ngăn nừ, A Dậu bồi thêm:

- Bà của ngộ nói: đền này thờ hung thần, khi sống lão giết nhiều người lắm, khi chết đàn em thờ để ăn oản đấy mà. Nì nghĩ kỹ đi, sống bất nhân, chết bất an, mình xem sẽ bất hạnh!

ÔNG TRÙM LÀNG MỌ

Làng Mẹo giàu mạnh nhất thiên hạ, hay chu cấp, bảo trợ cho đàn em nên nghiêm nhiên trở thành minh chủ xưa nay. Ấy vậy mà mới đây ông trùm mới của làng lại tuyên bố:

- Làng Mẹo chỉ lo cho làng Mẹo, không có của đâu nuôi bảo cô. Các vị tự lo đi!

Đàn em lo lắng, có kẻ vội tìm chủ khác dựa lưng. Nhân sĩ trong làng vốn coi khinh ông trùm:

- Lão trọc phú lỗ mãng, thiếu cận.

Người làng lo lắng:

- Tự cắt bỏ vây cánh vạy đại bàng khác gì vịt què!

Georgia, Jan/01/17



Lòng ngưỡng mộ Phật Pháp của Vua A Dục

Sọan giả: THÍCH MINH CHIẾU
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

*Hoa thơm nhờ nhụy
Người có giá trị bởi đạo đức.*

Vua A Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng cảm mộ quá dồi dào nên mỗi khi ngự ngoài đường hề gặp vị Tỳ kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu khấu đầu lạy.

Có một vị đại thần tên là Da Tát lấy thể làm quá đáng bèn can ngăn vua rằng: "Các Tỳ kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm." Vua yên lặng không trả lời.

Cách vài ngày sau, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào. Ông Da Tát phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu

người của ông Da Tát bán thời không ai mua cả. Vua hỏi cố sao, ông Da Tát trả lời: Vì đầu người là vật hèn hạ không có giá trị gì. Vua lại hỏi: "Chỉ có một đầu này là hèn hạ hay tất cả đầu người đều hèn hạ?" Ông Da Tát đáp: "Tất cả đầu người đều hèn hạ." Vua bèn hỏi: "Vậy đầu Trẫm đây cũng hèn hạ sao?" Ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau Vua cũng thú thật đầu Vua cũng hèn hạ.

Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: Phải! Người muốn can ta đừng lạy các vị Sa môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trẫm này là một vật hèn hạ không ai thèm mua, vì cúi xuống mà được thêm công đức, thêm giá trị lên, thì phổng có hại gì? Nhà người muốn chỉ trích các thầy Sa môn là người các cấp không sang trọng nhưng nhà người không rõ uy đức của

các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp người ta, chớ đi tu học phân biệt giai cấp làm gì. Như người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói "Người này là kẻ có tội" và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Trái lại con người hèn hạ mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng ai cũng cúi đầu.

Vua nói đến đây, bèn chỉ hẫn vào mặt ông Da Tát mà nói lớn rằng:

"Nhà người há lại không biết câu này của Đức Phật Thích Ca hay sao? Ngài dạy 'Người có trí thời đầu vật không có giá trị cũng làm nên giá trị.' Ta muốn theo Phật, người lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến khi ta nằm xuống đất như cây mía kia thì đầu muốn lạy, muốn đứng dậy, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vậy người để yên ta lạy các vị Sa môn để kiếm chút phước đức. Nếu có người dám tự nói 'Ta là người đáng tôn trọng hơn cả,' thời người ấy là người u mê nhất đời vậy. Nếu lấy huệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân thể ông vua và thân mọi người giống nhau, cũng là da, thịt, xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa trang sức bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức thời trong thân thể người hèn hạ nhất ở đời cũng có được, chính cái ấy con người trí giả gặp đầu cũng phải cung kính phải vái lạy vậy."

Trích: **Viên Âm**



Điều kỳ diệu đã xảy ra

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Nó buồn tình cứ đi lang thang vô định, nhiều khi xong ca không muốn về nhà cứ để mặc cho tư tưởng và đôi chân muốn đi đâu thì đi. Nó đi không biết đi về đâu, tìm một cái gì đó mà nó cũng không biết đó là cái gì; ngày tháng vẫn trôi qua như thế. Cho đến một hôm nọ, trong lần lang thang như thế nó lại ghé vào một ngôi chùa trông có vẻ đơn sơ vắng vẻ. Nó ngắm nhìn kiếng chùa ngoài sân và cũng không có ý định vào trong, nhưng rồi có một lực vô hình nào đó đưa bước chân nó bước vào chánh điện. Trông thấy tượng Phật nhưng nó cũng không có ý định lễ lạy nhưng không hiểu sao nó tự động sụp lạy!

Ngày xưa khi còn nhỏ, ba nó vẫn thường dạy nó đọc kinh, lễ Phật. Nó rất chăm, rất thích thú nhưng khi lên đến cấp III thì tự nhiên xao lãng hết. Thậm chí nó còn sanh ra chống báng:

- Tượng Phật bằng gỗ, đá mà mắc gì phải lạy?

Ba nó giải thích, khuyên lơn nó rất nhiều nhưng nó vẫn không nghe, ngựa non háu đá mà. Nó tiếm nhiệm nhiều quan niệm sai lầm ở ngoài đời nên sanh ra vậy, mặc dù nó sanh ra trong gia đình Phật giáo thuần thành.

Ngày tháng trôi qua, thời gian như nước chảy mây bay, như phi hoa lạc điệp... Nó lên thành học rồi lấy vợ ở luôn trên đó. Nhiều người bảo:

- Chẳng chả may mắn "chuột sa hũ nếp."

Nhưng người đời cũng bảo: "Năm trong chăn mới biết chăn có rận" thật cũng chẳng sai tí nào. Ban đầu vợ chồng cũng đầm ấm hạnh phúc

nhưng mật ngọt chẳng nhiều, thời gian hạnh phúc chẳng bao nhiêu; chẳng mấy chốc là tới thời vỡ mật. Vợ nó vốn làm ra nhiều tiền, nắm giữ tay hòm chìa khoá, nhà cửa tài sản. Nó thì lương công chức ba cọc ba đồng... dần dà vợ nó sanh ra cống cao, tự kiêu. Vợ nó ý tiền coi thường nó lại còn khi dễ cả bên chồng. Nó giận lắm nhưng yếu thế thật cơ không làm gì được lạng lẽ lấy Kiều:

"Thấp cơ thua trí đàn bà
Trông vào đau ruột nói
ra ngại lời"

Có lần hai vợ chồng cãi và nhau nó nói:

- Khi yêu nhau đàn bà dễ thương như con mèo, khi cưới về rồi thì biến thành sư tử hết ráo!

Vợ nó the thé:

- Lương ông không đủ cho tôi ăn sáng!

Cuộc sống ngày càng ngọt ngat, nặng nề. Vợ nó chẳng những giữ tiền, trùm sò có hạng mà lại còn ghen kinh khủng! Nếu vợ của Phòng Huyền Linh đời Đường sống đây chắc cũng bái vợ nó làm sư phụ (*). Nhiều lúc nó muốn ly dị hay bỏ đi quách nhưng thương con nên ráng nhịn nhục.

Nhịn nhục đủ điều, buồn tình vô hạn, cô đơn tận cùng nên nó mới để bước chân lạng tử lang thang đó đây. Rồi cơ duyên thế nào mà nó đến ngôi chùa đơn sơ vắng vẻ này. Sau lần lễ Phật hôm ấy nó cảm thấy trong người có một sự xao động lạ lùng, tâm can nó có gì như thôi thúc nó lờ mờ cảm nhận có một sự thay đổi trong lòng nó nhưng nó cũng không biết là cái gì. Thế rồi nó tự nhiên tìm hiểu

về Phật Pháp. Nó đọc ngẫu nhiên những sách vở tài liệu có được. Nó lên mạng tìm đọc với sự say mê hấp dẫn mà xưa nay nó chưa từng có. Nó bắt đầu đến chùa thường xuyên. Nó bắt đầu học tụng kinh, lạy Phật. Nó làm với tất cả tâm thành và toàn ý. Vợ nó thấy có sự khác lạ, có lần còn chế giễu:

- Tu hú chứ tu gì ông!

Nó giận lắm nhưng làm thinh. Nó tự nghĩ chắc là khảo nghiệm đây! Có một hôm nó tụng kinh xong và cảm thấy khoan khoái và an lạc lạ lùng, bèn gọi phone về cho ba nó:

- Con mới tụng xong thời kinh và cảm thấy hỷ lạc lắm, cảm lòng không đặng nên gọi nói cho ba biết đây!

Ba nó cảm động lắm, không ngờ thằng nhỏ ngày nào chống báng vậy mà giờ trở nên thuần thành như vậy. Ba nó còn nói:

- Đây là cái tin vui nhất mà ba nhận được! Đây là cái may mắn lớn nhất cho dù có trúng số độc đắc cũng không bằng!

Ngày tháng như bóng câu qua cửa sổ, như dòng sông cuốn trôi tất cả, như lá rụng mây bay... Nó cứ giữ nguyên hiện trạng như thế, ráng nhằn nhục và học Phật. Nó nghe lời sư phụ ráng buông bỏ những gì không cần thiết cho nhẹ người, ráng xả những gì mang nặng trong lòng cho tâm thanh thoi. Nó đọc sách thiền rất ham mộ những chuyện: Đả, hét, bồng... của Lâm Tế; chuyện chế tượng của Đơn Hà; Chuyện chuyển ngữ của Bách Trượng... Nhưng xem ra thì cũng khó. Nó tự thấy Tịnh Độ tương đối thích hợp hơn, nhưng nó vẫn thường ngồi thiền tịnh tâm sau thời kinh hoặc ngồi thiền nhưng giữ câu Phật hiệu trong tâm, trụ tâm ở câu Phật hiệu...

Một hôm vợ nó đưa nó một ít tiền và nói:

- Nghe má bệnh, gọi ít tiền về quê cho má uống thuốc.

Nó vô cùng ngạc nhiên, trong lòng thấy quái lạ nhưng vẫn không nói gì. Rồi hôm nọ

vợ nó cũng lên chùa lễ Phật, nó thấy lạ lắm quá nhưng cũng im lặng. Bạn bè gọi hùn phước giúp người nghèo khổ, nó bảo vợ đưa ít tiền. Vợ nó liền đưa. Nó vốn ngại hỏi tiền vợ vì xưa nay luôn bị chửi hay nói nặng nhẹ; thế mà bây giờ đưa tiền mà không có gì bực bội cả. Nó cảm nhận được có một sự thay đổi nào đó từ vợ nó. Nó lên chùa kể chuyện với sư phụ. Sư phụ bảo:

Có lẽ sự gia hộ của Bồ Tát! Khi tâm con chuyển thì cảnh chuyển. Vợ con có lẽ cũng bắt đầu chuyển.

Nó vui trong lòng không kể xiết, liền lên cánh điện lạy Phật tạ ơn. Nó nghĩ những ngày lang thang mà không biết mục đích, không biết đi đâu về đâu... Ấy vậy mà bước đến ngôi chùa này, có lẽ có sự gia hộ của chư Phật, chư Bồ Tát, thiên thần! Phật pháp đã làm sống lại nó. Phật Pháp đã cứu cuộc hôn nhân trên bờ gãy đổ. Nó thấy lòng vui đến rơi nước mắt. Nó nhớ lời một vị sư nào đó nói rằng:

- Trong đạo Phật không có thần thông, biến hóa... Sự chuyển đổi tâm niệm của lòng người mới chính là thần thông!

Ngày tháng qua mau, mùa đến rồi mùa đi. Nó cũng dần qua tuổi thanh niên, thế gian vô thường vẫn ngày ngày xảy ra bao biến đổi nhưng niềm tin vào Phật Pháp của nó không có gì có thể làm lung lay. Nó nghĩ cái cơ duyên này có thể từ tiền kiếp xa xưa, cái cơ duyên nào được vun bồi lúc còn nhỏ ba nó chỉ dạy... Đã có lúc những tưởng nó mai một rồi, nào ngờ nó vẫn âm ỉ và đến một ngày nó lại bùng lên ngọn lửa hồng. Nó nhớ có lần thầy nó cười cười bảo:

- Con người ta khi mà khổ quá thì tự nhiên họ lại giác ngộ, họ lại tỉnh ra!

Ý thầy muốn nói cùng tắc biến, biến sanh thông. Không ngờ nó lại soi thấy mình ở trong cái ngữ cảnh này.

Đào Bang, tháng Giêng 2017

The Story of a Group of Six Bhikkhus

Dhammapada – Verses 231 - 234

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verses (231) to (233) of this book, with reference to a group of Six Bhikkhus.

Six Bhikkhus wearing wooden sandals, and each holding a staff with both hands, were walking to and fro on a big stone slab, making much noise. The Buddha hearing the noises asked Thera Ananda what was going on, and Thera Ananda told him about the six Bhikkhus. The Buddha then prohibited the Bhikkhus from wearing wooden sandals. He further exhorted the Bhikkhus to restrain themselves both in words and deeds.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 231: Guard against evil deeds, control your body. Giving up evil deeds, cultivate good deeds.

Verse 232: Guard against evil speech, control your speech. Giving up evil speech, cultivate good speech.

Verse 233: Guard against evil thoughts, control your mind. Giving up evil thoughts, cultivate good thoughts.

Verse 234: The wise are controlled in deed, they are controlled in speech, they are controlled in thought. Indeed, they are perfectly self-controlled.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



NGHE CD 10 BÀI ĐẠO CA DO CA SĨ BÍCH LIÊN HÁT: MƯỜI PHƯƠNG MÂY NỔI NHƯ CÁNH HOA TRÔI

Huỳnh Kim Quang

Ngày Mừng Một Tết Đinh Dậu người viết nhận được một món quà ưa thích từ nữ ca sĩ Bích Liên tặng. Đó là CD Đạo Ca Giữa Thành Quách Sương Mù gồm 10 bài đạo ca mà cổ nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ thơ của thi sĩ Phạm Thiên Thư do ca sĩ Bích Liên hát với phần hòa âm phối khí của nhạc sĩ Hoàng Công Luận.

CD Đạo Ca này đã được giới thiệu trong buổi sinh hoạt văn nghệ cuối năm tại Hội Trường Việt Báo trên Đường Moran, thành phố Westminster, với chủ đề Tâm Xuân vào tối Thứ Bảy, ngày 14 tháng 1 năm 2017 với sự góp mặt của nhiều ca sĩ được mến mộ như Kim Tước, Bích Liên, Thương Linh, Phạm Hà, Trần Đại Phước, Lan Hương, Phạm Duy Hùng, Nhóm Cát Trắng và Ban Nhạc Hoàng Công Luận.

Rất tiếc, hôm đó người viết không thể có mặt để thưởng thức! Nhưng bù lại mấy ngày Tết năm nay được nghe đi nghe lại nhiều lần CD Mười Bài Đạo Ca do ca sĩ Bích Liên tặng thì đã "phê" và thỏa mãn lắm!

Cảm nhận đầu tiên mà người viết có được là sự ngạc nhiên đến thích thú khó tả về sự kỳ diệu khi thơ của thi sĩ Phạm Thiên Thư được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và được ca sĩ Bích Liên hát. Khi nghe những bài Đạo Ca này qua giai điệu của bài hát người viết có cảm nhận như là Phạm Duy đã chắp đôi cánh vào thơ Phạm Thiên Thư và ca sĩ Bích Liên thì dùng nội lực tinh âm để thổi đôi cánh của thơ bay bổng lên cao, cao vút, cao tận cõi trời không mênh mông bất ngát.

Nói như thế không phải là

quá đáng vì người viết đã từng đọc và yêu thơ của thi sĩ Phạm Thiên Thư từ lâu lắm. Nhưng, cảm nhận lúc đọc thơ và lúc nghe nhạc đã phổ thơ của ông thì khác hẳn. Đó là hai cảm trạng, hai thể giới khác nhau.

Đọc thơ, tâm đắc và thấm ý thì người đọc cũng có những cảm nhận thật sâu lắng, vì trong thơ vốn có nhạc. Nhưng âm ba nhạc tính trong thơ đi từ đôi mắt vào tâm, vào lòng một cách lặng lẽ âm thầm. Còn nghe thơ qua bản nhạc được ca sĩ hát lên thì đi từ tai, và đôi khi cảm nhận cả toàn thân 6 căn, nên cảm xúc lan tỏa khắp thân tâm, rất tràn đầy, rất viên mãn. Đọc thơ đôi khi phải vận dụng đến tư duy để hiểu và thú vị. Nghe nhạc thì nhạc điệu, tiếng hát cất lên là đi thẳng vào lòng, vào hồn, vào tâm, không cần phải đắn đo suy nghĩ gì cả, mà cảm nhận ngay tức thì. Cũng ngay trong khoảng khắc tức thì đó người nghe bay bổng hay trầm mình theo giai điệu, theo lời nhạc.

Nói thật, đây là lần đầu tiên người viết nghe trọn vẹn tiếng hát của ca sĩ Bích Liên diễn đạt 10 Bài Đạo Ca. Càng nghe người viết càng thích. Người nữ ca sĩ này có chất giọng thật là mượt mà, cao vút mênh mông mà cũng trầm ấm sâu thẳm. Ca sĩ Bích Liên ngoài thiên phú chất giọng còn điều luyện trong kỹ thuật diễn đạt bằng giọng hát để lột tả trọn vẹn tứ thơ của gã thi sĩ họ Phạm.

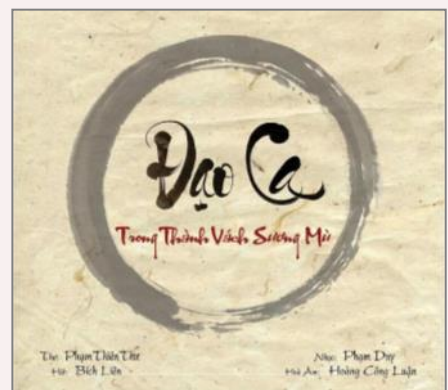
Chẳng hạn, trong Bài Đạo Ca số 1 có tên Pháp Thân, ca sĩ Bích Liên thổi nội lực tinh

âm vào lời bản nhạc để đẩy người nghe thâm nhập thật sâu vào cõi Pháp Thân, cõi nhất thể của ngã và pháp, của chủ và khách, của ta và người, bằng cách phát âm tròn, nhanh, lấy lực âm thanh thật sâu mạnh chữ "a ha," để diễn tả cảm thức bùng vỡ khi giác ngộ tính vô ngã giữa ta và người qua câu hát:

"A ha, ta tuy hai mà một! A ha, ta tuy một mà hai!"

"A ha, ta tuy hai mà một! A ha, ta tuy một mà hai!"

"Pháp thân" là thuật ngữ nhà Phật, tiếng Sanskrit (Phạn) là "Dharmakaya". Dharma là pháp. Kaya là thân. Chữ Pháp bao gồm nhiều nghĩa: về lý nó chỉ lý tánh, pháp tánh, phép tắc, nguyên lý; về sự nó chỉ tất cả mọi sự mọi vật, từ hữu hình đến siêu hình, từ tâm đến cảnh. Pháp thân là bản thể của tất cả các pháp, là chân thân của pháp. Nó vô tướng vô hình. Trong Phật Giáo Đại Thừa, Pháp thân chỉ cho một trong ba thân của Phật: Pháp thân, báo thân và ứng thân. Vì là bản thể của tất cả pháp cho nên Pháp thân



Hình bìa CD Đạo Ca



vượt qua mọi giới hạn, không phân biệt ta người, chủ khách. Điều nghĩa này được chàng thi sĩ họ Phạm đưa lên tới tột đỉnh qua đạo lý tánh không hay vô ngã trong Bài Đạo Ca Số 9 ở câu hát:

"Tôi không là tôi, Người không là người," vì tất cả các pháp là:

"Mười phương mây nổi như cánh hoa trôi

Như sóng ra khơi, như hơi gió thổi

Như mây xa vời, như bóng hạc trời"

Chỗ này giống hệt như ý trong Kinh Kim Cang Bát Nhã:

"Tất cả các pháp có tạo tác đều như giấc mộng, huyền hóa, ảo ảnh, bọt nước, sương mai, điện chớp."

Có lẽ vì thế, nhạc sĩ Phạm Duy đã dẫn người nghe vào Đạo Ca qua cánh cửa Pháp thân. Nhưng đó là cánh cửa không cửa (vô môn), là cửa Không vậy! Không là triết lý tánh không của nhà Phật. Không không phải là chẳng có gì, hay đối nghịch với có. Không là vì bản chất của mọi sự vật đều không có tự tánh cố định, là vô ngã. Không tự thành mọi pháp và nằm ngay trong mọi hiện hữu.

Bước vào cửa Không của nhà Phật thì thấy ngay Đại Nguyên, là nguyên lớn cầu thành Phật và cứu khổ chúng sinh.

"Thương người như thương thân! Thương người như thương mình!"

Lời nhạc của Bài Đạo Ca Số 2 Đại Nguyên đã được ca sĩ Bích Liên cất cao lên như thế.

Và cứ lập đi lập lại mấy lần để nhắc người nghe rằng Đại Nguyên là phải luôn luôn ghi nhớ và thực hành.

Đại nguyên của nhà Phật không phải chỉ là lời nguyện ước suông, nói rồi để đó mà không làm, hay làm những việc để làm cho qua loa mà thành được Đạo. Đại Nguyên đôi khi được thể hiện qua hình ảnh của Chàng Dũng Sĩ như Đạo Ca Số 3 đã chuyên chở qua giọng hát lạnh lốt, hùng tráng, cao vút và sắt như gươm báu vừa tuốt ra nơi sa trường. Lời và nhạc ở đây theo nhịp quân hành, mạnh, hùng, bi tráng, dũng mãnh.

Biểu tượng cao cả của sự thành tựu đại nguyên chính là hình ảnh bồ tát Quán Thế Âm. Bài Đạo Ca Số 4 làm động lòng người qua câu chuyện tấm lòng yêu thương bao la vô tận của người Mẹ. Người Mẹ đó là bồ tát Quán Thế Âm. Trong truyền thống Đại Thừa Phật Giáo, bồ tát Quán Thế Âm tượng trưng cho lòng từ bi vô lượng của chư Phật và bồ tát. Vì thế, ngài thường thị hiện thân nữ nhân, thân người mẹ để cứu khổ chúng sinh. Ngài xem chúng sinh như con. Lời thơ của thi sĩ Phạm Thiên Thư vừa đẹp, thơ mộng và đầy cảm xúc.

"Có bà mẹ đi tìm con trên đỉnh đồi lan trắng

Có bà mẹ đi tìm con trong động hang lan vàng

Có bà mẹ đi tìm con trong thung lũng cỏ hoang..."

Lúc nghe Bài Đạo Ca này người viết đắm mình trong lời ca như đang nghe ca sĩ Bích Liên thuật lại câu chuyện mà thi sĩ Phạm Thiên Thư đã viết và nhạc sĩ Phạm Duy kể lại. Nó sâu lắng và thấm đẫm tình người, một tình yêu cao thượng đáng tôn kính.

CD Mười Bài Đạo Ca khép lại ở Bài Đạo Ca Số 10 Tâm Xuân, mà thực ra là mở ra khung trời mới lạ khác. Đó là khung trời ngập tràn hương sắc thiên nhiên. Nhưng lại không ở đâu xa mà nằm ngay trong tâm mình.

"Mùa xuân có không? Hay là cõi Tâm?"

Mùa xuân có không? Hay là cõi không?"

Về nguồn về cội! Về nguồn về cội!"

Để rồi vươn tới, với lòng menh mông..."

Ca khúc chấm dứt với âm vận bằng nguyên âm "ô", tròn trịa, viên mãn, bao la và bát ngát!

Từ "cõi không" làm duyên khởi cho mùa xuân hiện hữu. Mà cũng từ cõi này mùa xuân mạng vóc dáng của nàng xuân diễm ảo, thơ mộng!

Người viết yêu thích cõi thơ của thi sĩ Phạm Thiên Thư vì dù ông làm thơ Đạo rất thâm sâu và cao siêu, nhưng ông hiếm khi sử dụng thuật ngữ nhà Phật có thể khiến người đọc không quen khó hiểu. Vì thế nhạc phổ thơ ông rất dễ thấm sâu vào lòng người nghe. Và chắc hẳn dư âm của Mười Bài Đạo Ca sẽ còn đọng lại sâu trong tâm người nghe cũng nhờ tiếng hát sung mãn của ca sĩ Bích Liên.

Cũng không thể không tán thưởng tài hòa âm phối khí của nhạc sĩ Hoàng Công Luận cho CD này. Người viết thích nhất là cách hòa âm với giai điệu đúng cách, lúc trầm, lúc bổng, lúc sâu lắng, lúc sôi trào tùy theo ý thơ và lời nhạc. Nói chung, nhạc sĩ họ Hoàng nắm bắt được giai điệu của nhạc thiền, lắng dịu, thảnh thơi...

CD Đạo Ca gồm 10 ca khúc, nhưng ở đây người viết chỉ xin được giới thiệu sơ qua một vài bài, nên chắc hẳn không làm sao nói hết được những điều đặc sắc của toàn bộ CD Đạo Ca này. Người đọc tốt nhất là nên có một CD để tự mình thưởng thức thì sẽ cảm nhận được hết cái hay cái đẹp của tập CD.

Xin cảm ơn thi sĩ Phạm Thiên Thư, nhạc sĩ Phạm Duy và ca sĩ Bích Liên.

CD Mười Bài Đạo Ca do ca sĩ Bích Liên thực hiện do Thúy Nga đại diện phát hành, 9295 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683 USA, (714) 894-5811.

Hình như

TOẠI KHANH

Mấy ngày Tết vào Internet xem lai rai mấy bài viết về Việt Nam như một cách đón xuân. Giờ gì cũng xa xôi, những người quen xưa, những kỷ niệm cũ, một phương trời cổ quận,... giờ đều là nghìn trùng. Thôi thì thấy nhau trên internet cũng là một kiểu tái ngộ, tương phùng.

Chẳng cần hò hẹn, mấy địa chỉ được nhớ tới đầu tiên bỗng là những Làng Mai, Trúc Lâm, Chuyển Pháp Luân. Mọi khi có thể nhiều hơn, nhưng bây giờ là những ngày Tết, tìm đọc chút gì có hơi hướng cây đa cũ với bến đò xưa hình như phải lúc hơn. Vì mẹ ơi, xuân này con vẫn chưa về được!

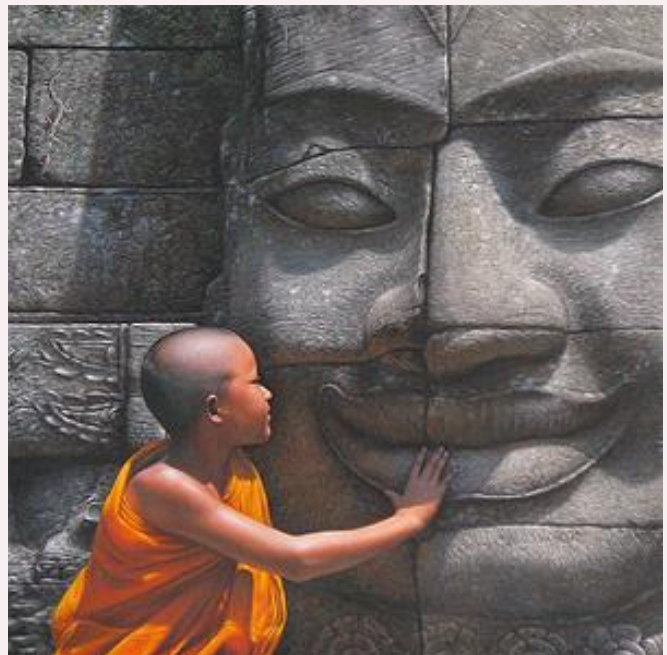
Rải rác khắp các trang báo online là những bài viết về lễ hội chùa Hương sắp tới, về ngôi chùa bằng đồng mới khánh thành trên núi Yên Tử, về Phật Học Viện ở Sóc Sơn, về chuyến thăm quê lần hai của Hòa thượng Làng Mai, về mấy ngôi chùa mới của dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam. Bây giờ với công nghệ vi tính ngày một tân tiến, hình ảnh âm thanh trên mấy trang báo Phật giáo online cũng ngày một rõ ràng, đẹp mắt, sướng tai hơn. Tôi ghé thăm từng trang rồi tần ngần như một tục khách trưa hè đứng chân bên mái tam quan một ngôi cổ tự. Chùa lớn lại đẹp, sân rộng mái cao, u tịch cao nhã. Một chút chuông gió, một làn khói nhang mơ màng đầu đó. Trong vùng tâm tưởng mơ hồ, khách bất ngờ nhắm mắt ngủ quên một giấc ngắn trong yên bình, rồi thì mộng và thực tan vào nhau thành một nhúm khói thật nhẹ...

Từ rất lâu ngày, tên gọi Phật giáo trong tôi là những lời Phật dạy còn ghi chép được trong kinh điển và được một số người đem vào đời thực bằng những hành trì trên bản thân. Bỏ đi những gì hại mình hại người, bỏ dần những thành kiến cố chấp, mở lòng ra để thương và hiểu cuộc đời ngày một rộng hơn, xa dần những biên giới không cần có. Nhưng rồi tôi đã thấy gì trong cái gọi là Phật giáo hôm nay. Những chuyện riêng tư trong sinh hoạt thường nhật của các vị đại sư Tàu hay Việt lần lượt được đánh bóng để dựng nên cái gọi là cõi Thiền Trung Quốc hay Việt Nam. Tất thảy những rượu thịt của Tế Công đến chuyện chém mèo, đốt tượng, đánh người, gào thét của các ngài Nam Tuyền, Đan Hà, Lâm Tế lần lượt được tận dụng để tạo nên một dáng riêng cho Phật

giáo một phương. Lúc nào rồi rảnh bình tâm, một người học Phật ngồi yên ngó lại xem hậu nhân biên địa đã đẩy Phật giáo cội nguồn về tận cõi nào. Kiểu Phật giáo đó cơ hồ chỉ là khách lạ của thứ kinh bối điệp mà lúc cần, người ta mới nhận đó là suối nguồn căn bản của Phật pháp uyên nguyên.

Ai cũng có quyền yêu nước thương nòi, ai cũng nên trân trọng bối cảnh văn hóa mà mình từ đó sinh trưởng, nhưng cứ tùy thích mà mang cái tâm tình đó mà gán ghép lên bất cứ cái gì khác thì hình như không nên. Khoa học được gọi là khoa học vì ở đó không có sự tùy tiện. Anh có là ai trên hành tinh này cũng phải ứng dụng đúng cách những nguyên tắc căn bản của computer nếu muốn sử dụng nó. Trong cõi chuyên môn đó hình như không có chỗ cho những tâm tình riêng tư. Chúng ta có thể tạo riêng một trang web đầy ắp những Đường Thi Từ Tống với hình ảnh các bức thư pháp hay tre trúc, cây cảnh theo phong cách Tàu, Nhật, Việt, Hàn nhưng con đường thực hiện trang web đó phải giống với thiên hạ. Ta có bao nhiêu cái riêng cũng mặc, nhưng phải có tối thiểu một cái chung căn bản với thiên hạ để không bị lạc lõng giữa đời.

Qua sách vở, tôi chỉ biết một hai vị đại sư người Hoa thời hiện đại như ngài Quảng Khâm, ngài Ấn Thuận nhưng tôi đặc biệt đọc nhiều về các ngài có lẽ cũng vì một lý do là các ngài không cố ý tạo riêng một dòng tư kiến nào hết. Đó cũng là trường hợp một số danh nhân Phật giáo khác như bà Dipama của Ấn Độ, ngài Achahn Chah hay bà Achahn Naeb của Thái Lan, ông Ubakhin của Miến Điện,... nếu không xem trước phần tiểu sử, thì khi đọc họ ta không thể biết họ là người xứ nào, lớn lên trong bối cảnh văn hóa ra sao. Điều họ nói hay viết chỉ nhằm chung mọi người để ai đọc hay nghe





cũng được, cố tránh cái riêng tư để không tự đưa mình vào một góc tù tắc tị xa lạ với thiên hạ muôn phương. Nói về bụi trúc, hòn đá, thác nước, thậm chí cứ theo thiên nhiên mà nói. Đem tâm tình riêng tư mà ghép vào thì rõ ràng lợi bất cập hại. Tối yêu vườn cảnh thì tôi tìm học ở anh về những thứ làm nên vườn cảnh, tôi không muốn anh khoe mẽ về khu vườn cảnh của anh. Có cần chứng minh gì đó để mình họa thì một chút thôi, làm ơn đừng bắt một người Nhật Bản phải nghĩ về vườn cảnh theo cách một người Thụy Điển.

Một người Tây phương hôm nay muốn tìm hiểu về Phật giáo, nếu không cảnh giác sẽ lọt tòm vào một Phật giáo Tàu ngon ơ. Lúc định thần ngó lại anh ta sẽ ngỡ ngàng với cái gọi là Phật giáo theo những gì mình vẫn đọc thấy trong sách vở trước đó. Có thể có người sẽ giải thích với anh rằng đó là thứ Phật giáo sinh động, không phải khô cứng vô hồn như những trang bồi điệp mà anh đã đọc. Lời trấn an đó dĩ nhiên có thể giúp anh yên lòng, nhưng mai này có dịp tìm sang Nhật Bản, Hàn Quốc rồi về Việt Nam,... ở đâu người ta cũng nói hết vậy. Thế là trong anh có ít nhất non chục kiểu Phật giáo khác nhau. Không có một cội nguồn chung, thiên hạ xa nhau từ căn cội. Rồi thì phân hóa, chia cách, tương tranh.

Những cái RIÊNG có thể góp phần phong phú lý kỳ nhưng thiếu cái CHUNG thì tự đứng trở thành những mảnh vụn rời rạc khó xài. Người Việt từ mấy ngàn năm Bắc thuộc đã biết đến Phật giáo qua nhiều cái RIÊNG của Trung Hoa, và gần như không còn nhiều thời gian để tìm hiểu về cái CHUNG nên có giữa những người tu Phật. Thế rồi lịch sử đất nước lại phải trải qua những biến động kinh thiên, để nay người Việt lại có thêm nhiều cái RIÊNG của thời đại qua những tiêu ngữ khác...!

Người ngoài tỏ tay vào thực hiện chuyện đó đã đành, mà đến cả những người trong nhà cũng vì mục đích riêng tư nào đó mà thay nhau tô đậm những góc riêng để khai thác điều họ muốn. Giờ ta còn trẻ, còn khỏe, thấy sao cũng được, càng náo nhiệt càng vui. Nhưng đời người ngắn ngủi, ai lại chẳng có lúc cao niên đăm thắm, muốn tìm về một cõi tịnh để đi

NỤ LỬA

*Nắng đỏ trên cành nghiêng ngửa,
Gió ca điệp khúc hiền hòa
Hiện giữa trời xanh nụ lửa,
Hè về đỏ rục muôn hoa.*

*Nhớ ai môi rưng chạt đường?
Bước trên ngàn môi nhạt thắm,
Bàn chân hình như đẹp lắm
Mắt bỏ câu rợn tình thương.*

*Trên cành lủa bùng sức sống,
Vài em không hiểu sao cười?
Ngày nào mộng đời thôi mộng,
Biết còn ép cánh hoa tươi?*

*Nghiêng nghiêng nón lá qua cầu,
Gió lùa đôi chân khép nép,
Chừ hoa nở đây xứ đẹp,
Sắc hương còn được bao lâu?*

TẠ KÝ

dưỡng tâm linh trước khi về đất. Lúc đó người ta sẽ phải giạt mình cho những cuộc chơi quá đờ thời trẻ. Giờ thì Chúa hay Phật trong lòng mình chỉ là những bóng hình lờ lợt, sặc sỡ, không biết phải dựa vào đâu để tựa nương. Hai ngôi chùa cách nhau vài phút lái xe đã có hai lối hướng dẫn tu học trái nghịch, Tăng ni gặp gỡ trên đường học đạo thì mỗi người một cách nói chẳng giống nhau về Phật. Đó chính là cái giá phải trả cho sự tình quá nhiều cái RIÊNG mà thiếu một cái CHUNG.

Tính đến nay đã có không ít bậc long tượng chốn Già-lam của Việt Nam vốn người uyên bác chân tu đáng mặt sơ tổ khai sơn các dòng truyền pháp, nhưng thành công như ý có lẽ không quá một bàn tay. Lý do có thể nằm ở chỗ ai nhớ được cái CHUNG càng nhiều thì thiên hạ tìm đến càng đông. Chỉ vì họ thấy được mình ở đó. Họ đến như là về nhà, hay tối thiểu cũng như viếng thăm thân tộc. Thế là thấy gần, thấy thương. Của riêng còn một chút này! Bỗng nhớ cụ thi hào họ Nguyễn nhà mình quá đổi!

TOẠI KHANH

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười bốn

Một hôm từ trường về, tôi có việc phải ghé thăm một người bạn của mẹ tôi ở trên đường Bờ Sông. Tôi rủ chú Tường cùng đi để dẫn đường vì tôi vẫn chưa biết con đường nào khác ngoài đường Phạm Phú Quốc quen thuộc từ viện dẫn đến trường Bồ Đề. Xong việc, chú Tường dẫn tôi rẽ sang đường Bờ Sông để về cho được mát một khúc đường.

Đến gần chiếc cầu đá bắc ngang sông dẫn qua xã Cẩm Kim, chúng tôi giật mình trông thấy một xác chết nằm trên mé đường đi, gần phía cầu. Xác chết chẳng được che đậy gì. Đó là một người đàn ông trung niên, dáng người lực lưỡng, mặc áo sơ mi ngắn tay, quần cụt. Vết máu loang đầy trước ngực. Chắc là bị ai bắn. Tôi đứng đọc thầm câu chú Vãng sanh cho người đàn ông ấy. Chú Tường hỏi những người chung quanh về xác chết. Người ta nói đó là một anh "Việt cộng." Đem qua người ấy đang lờ mờ dưới chân cầu để gài mìn thì bị lính gác địa phương phát giác, bắn chết tại chỗ. Không biết người ta còn chờ làm thủ tục gì mà thân xác người kia để phơi ra đó trông thật bất nhân.

Tôi không có cảm tình gì với những người gọi là cộng sản. Nhưng tôi cũng không ghét họ cay đắng như kẻ thù. Lý do rất đơn giản: tôi là một học tăng đang tu học theo đạo từ bi, không biết oán thù ai. Tôi cũng thật sự không biết cộng sản là gì cả. Những sách truyện tôi đọc, đôi khi có nhắc đến chủ thuyết cộng sản, nhưng tôi không bận tâm để ý. Còn người Việt Nam theo chủ thuyết ấy mà người ta gọi là Việt cộng, tôi cũng chưa hề bắt gặp bao giờ. Ở Nha Trang rất an ninh, không có Việt cộng quấy nhiễu nhiều như các tỉnh khác. Cho nên nếu có nghe đài phát thanh hay báo chí nhắc đến Việt cộng, tôi cũng chẳng có ý niệm gì rõ rệt hơn về

họ ngoài một vài hình ảnh mơ hồ của những người mặc áo bà ba đen, cầm mã tấu, tấn công vào các làng xã ở thôn quê vào ban đêm, ở các tỉnh lỵ nào đó rất xa xôi, không phải ở Nha Trang. Họ có vẻ như chẳng dính nhập gì đến cuộc sống hiện tại của tôi, dù rằng một ông cậu ruột của tôi đã bị họ xử tử hình ngoài Bình Định (ở thành phố Qui Nhơn có một con đường mang tên người cậu này của tôi — Nguyễn Hữu Lộc). Khi nghe mẹ tôi kể sơ về cái chết của cậu, tôi cũng không nảy sinh ý niệm hận thù đối với những người cộng sản mà chỉ thấy se thắt trong lòng, thương cảm cho cậu mình mà thôi. Năm Mậu Thân, người cộng sản nổi lên khắp nơi, vậy mà ở Nha Trang chỉ có mấy tiểu đội lẻ tẻ, bị cảnh sát và quân đội Việt Nam Cộng hòa vây bắt, dẹp tan một cách dễ dàng. Bộ mặt dữ dội và tàn ác của chiến tranh không được phô bày rõ nét ở Nha Trang. Vì vậy, có thể nói rằng, thời thơ ấu của tôi, dù nằm trong giai đoạn nội chiến của đất nước, vẫn là một cuộc sống êm đềm, lặng lẽ. Vào chùa rồi, tất cả thời gian của tôi đều dồn vào việc tu học, chuyện đời dù muốn dù không, cũng gác bỏ ngoài tai. Ở Phật học viện Quảng Nam này cũng thế, quanh năm suốt tháng hầu như tôi chẳng nghe nhắc gì đến mấy chữ "Việt cộng" hay "cộng sản."

Giờ này trở về viện với hình ảnh một xác chết nằm phơi giữa chợ đời làng vắng trong tâm thức, tôi thấy quận đau nhè nhẹ trong lòng. Ở chùa mấy năm nay, tôi đã từng đi thăm tang nhiều nơi, nhìn những xác chết nằm trong áo quan với đủ nguyên do, nào bệnh tật, nào già yếu, nào tai nạn, nào tự vẫn... nhưng chưa có cái chết nào khiến tôi thấy thảm thương, vô nghĩa như cái chết của một người giữa đêm đen lẫm lũi đi phá hoại, không may bị bắn chết. Và nếu sự phá hoại thành công, vào một giờ nào đó, khi mìn nổ, có thể có

nhieu mạng người khác trong đó có người già, em bé... bị tan xác theo cây cầu võ tri kia. Những cái chết như vậy có ý nghĩa gì? À, người ta nói rằng đó là sự hy sinh cao cả của những anh hùng dân tộc. Người cài mìn cũng là anh hùng. Người dân bị chết oan cũng là anh hùng (vì chịu hy sinh theo chiếc cầu để cản bước đi của quân thù?). Thực ra người dân vô tội không cần làm anh hùng. Chỉ có những kẻ mê đắm chiến tranh thù hận mới tự biến mình thành con thiêu thân, lao vào sự chém giết... để trở thành anh hùng. Ôi những anh hùng dân tộc được mô tả trong sách với những cuộc đấu tố cha mẹ bà con, chặt đầu đối phương bằng mã tấu cùn, chôn sống đồng bào vô tội với mỏ chôn tập thể. Làm sao tôi khỏi đọc đến những hình ảnh man rợ ấy trong sách báo! Trong sự hiểu biết nông cạn của mình lúc ấy, tôi không sao hiểu rõ được những nguyên nhân nào đưa đến chiến tranh trên quê hương mình để rồi đẩy đưa những chàng trai của đất nước trở thành những anh hùng chết thảm như xác người Việt cộng hôm nay. Tôi chỉ lờ mờ cảm nhận bằng con tim mình rằng hình như ngay cả những người cầm súng của bên này hay bên kia, cũng đều là nạn nhân đáng thương của chiến tranh mà thôi.

Suốt buổi chiều ấy, tâm tôi nặng trĩu như đeo chì. Từ bỏ cuộc đời để vào chùa xuất gia học đạo, đáng ra tôi không cần bận lòng với thế cuộc. Nhưng trái tim biết thương yêu, biết rung cảm của tôi, làm sao khỏi phân vân, xúc động trước những đau thương xảy ra trên khắp đất nước. Những gì tôi muốn lãng quên lâu nay, bất chợt ùn ùn kéo đến, bắt tôi phải suy nghĩ. Tối đó, tôi phải tọa thiền lâu hơn ngày thường để xua tan hoàn toàn ấn tượng xác chết lưu lại trong tâm trí kể từ lúc ban trưa ở bờ sông.

Vài ngày sau, chúng tôi đến trường Bồ Đề thì được thầy Viêm, giáo sư chủ nhiệm của lớp tôi, cho biết rằng trường có tổ chức một cuộc mít-tinh ngay tại sân trường. Tất cả các lớp đều được nghỉ học nửa giờ để tham dự. Đây là cuộc mít-tinh đả đảo cộng sản đả phá kích vào một trường tiểu học ở Cai Lậy giết chết mấy chục em học sinh cũng như ban giám hiệu nhà trường. Nghe thầy Viêm nói rõ lý do cuộc mít-tinh, tôi thấy bủn rủn cả tay chân. Tôi như nghe được tiếng khóc dội trong lòng. Cùng các bạn ở chung lớp bước ra xếp hàng ở sân trường, tôi vẫn còn thấy hai tay mình run lên.

Trên bục thềm cao ở lối đi chính dẫn vào văn phòng hiệu trưởng, các vị giáo sư từ các lớp tập trung lại. Học sinh toàn trường thì xếp hàng từng lớp dưới sân. Vị giám học đọc một bài ngắn nói về tin tức pháo kích ở Cai Lậy, chia buồn cùng gia đình các em học sinh tử nạn, lên án hành vi man rợ của người cộng sản đối với trẻ thơ và lương dân vô tội. Sau đó, một vị giáo sư hô khẩu hiệu đả đảo cộng sản, cả trường hô theo. Tiếng đả đảo lặp đi lặp lại nhiều lần và được hưởng ứng bởi mấy trăm học



sinh với cùng một giọng hùng mạnh, quyết tâm, rất dễ khích động lòng người. Nhưng trong đám đông đó, tôi chỉ đứng im, ứa lệ trong lòng. Khẩu hiệu, rõ ràng không khích động được ý niệm hận thù tranh đấu nào trong tôi. Tôi chỉ thấy lòng mình khơi dậy một niềm thương cảm cực mạnh. Tôi thương đất nước tôi ngập lặn mãi trong chiến tranh. Tôi thương đồng bào tôi tử thế hệ này qua thế hệ khác cứ phải nai lưng ra để làm nạn nhân cho u mê và cuồng vọng của những kẻ cầm nắm vận mệnh quốc gia ở cả hai phía. Nhưng với trí óc non nớt, hạn hẹp của tôi, với trái tim mẫn cảm yếu đuối của tôi, tôi thực không biết làm gì cho quê hương hơn là khóc rưng rức. Tôi như đứa trẻ chứng kiến cha mẹ hay người lớn trong nhà gây cãi nhau: chỉ biết òa khóc, chỉ thấy tổn thương trong lòng. Con nít chúng tôi không thích sự dữ tợn, hung hăng của người lớn. Con nít chúng tôi không thích sự tranh cãi lý luận của phe này, phe kia. Chúng tôi là những đứa trẻ trong nhà, thương cha thương mẹ, thương chị thương anh, chỉ biết có thương yêu mà thôi, không muốn là của riêng phía nào. Chỉ có những đầu óc mê muội, điên rồ mới thích tạo ra chiến tranh và thích thú với những thắng lợi chết chóc do mình gây ra. Và cũng trong vị trí của một đứa trẻ đứng ngoài nhìn cha mẹ và người lớn gây cãi nhau, tôi thấy có cái gì rất phi lý trong chiến tranh. Không phải riêng cuộc chiến trên đất nước tôi, mà tất cả cuộc chiến trên thế giới, của loài người ngu muội bày ra. Ngoại trừ cuộc chiến chống ngoại xâm để bảo vệ chủ quyền dân tộc, tôi thấy chiến tranh vô cùng man rợ dù có khoác mặc lên mình nó bất cứ chính nghĩa nào. Nhất là cuộc chiến gây ra chỉ vì muốn người khác phải tin và hiểu như mình. Khi cha mẹ gây cãi, nếu bạn thương mẹ và đứng về phía bà, bạn sẽ thấy mẹ mình có chính nghĩa hơn cha, và ngược lại. Ai lại chẳng có chính nghĩa! Đã lỡ gây cãi nhau rồi, thì chính nghĩa càng được xây dựng, tô bồi thêm cho vững chắc. Không có cũng thành có. Chẳng ai muốn nhìn nhận mình là sai lầm, phi nghĩa cả. Chiến tranh vì vậy càng không thể gỡ bỏ. Chính nghĩa

trở thành một lớp áo giả tạo để khoác mặc cho những cuồng vọng phi nghĩa mà thôi.



Tết sắp đến, ở Phật học viện cũng như trường Bồ Đề đều có làm báo xuân. Ở Phật học viện thì mỗi tháng chúng tôi có làm bích báo (báo tường). Mỗi chúng phụ trách một tờ. Làm xong đem treo trên một tấm bảng lớn để cùng xem. Tờ báo của chúng Ca Diếp do tôi phụ trách trình bày, vẽ vời, chọn lựa bài vở. Báo xuân của Phật học viện năm nay cũng không khác báo hàng tháng, vẫn là bích báo. Có điều, thay vì làm một tờ báo lớn thì dịp xuân làm ba tờ cho có vẻ đặc biệt hơn. Riêng ở trường Bồ Đề, năm ngoái đến giờ chẳng thấy đá động chi đến chuyện làm báo, bỗng dưng năm nay, thầy Viêm chủ nhiệm lại thông báo việc làm đặc san thi đua với các lớp. Ban đầu, mới vào phòng học, thầy báo cả lớp mỗi người lấy ra một tờ giấy, tự vẽ một bức tranh nhỏ rồi đặt tựa đề cho bức tranh đó, không đề tên tác giả. Chúng tôi cứ làm theo lời thầy mà chẳng hiểu được thầy tính làm gì mấy bức tranh ấy cho giờ Anh ngữ mà thầy phụ trách. Thầy chẳng giải thích, chỉ cười cười, cho cả lớp nửa giờ để vẽ, rồi thầy đi lên văn phòng. Chưa đầy hai mươi phút, trên bốn chục tấm tranh đã nộp đầy đủ trên bàn giáo sư.

Trở vào lớp, thầy Viêm ngồi cầm xấp tranh mà ngắm nghĩa từng tấm, từng tấm. Xem hết xấp tranh, thầy chọn tấm tranh của tôi, và quyết định chọn tôi làm người trình bày cho tờ đặc san của lớp. Thầy là giáo sư chủ nhiệm của lớp, dĩ nhiên cũng chịu luôn trách nhiệm đốc thúc và cố vấn cho tờ đặc san. Lý do vẽ và lựa tranh lúc đó mới được sáng tỏ. Thầy Viêm đưa tấm tranh của tôi lên cho cả lớp xem, thầy không giải thích gì nhiều, chỉ nói: "Nét vẽ lạ, điều luyện. Đặc biệt là bức tranh rất ý nghĩa." Rồi thầy lại bảo cả lớp bầu một ban báo chí. Việc bầu ban này diễn ra cũng khá nhanh, vì chuyện văn thơ trong lớp biết nhau cả rồi. Cuối cùng, trưởng ban báo chí cũng là tôi. Thầy Viêm yêu cầu cả lớp tham gia viết bài trong vòng một tuần, đem nộp cho thầy xem trước để kiểm duyệt, rồi cho vào đặc san.

Bức tranh của tôi vẽ khung cảnh một góc nghĩa trang, nơi đó có một ngôi mộ của người lính. Sát mộ bia có dựng một cây súng, và một cái nón sắt được úp trên đầu súng. Một con chim bồ câu đậu trên cái nón sắt ấy. Dưới bức tranh, tôi đề mấy chữ: "Mơ hòa bình." Có lẽ vì một nỗi cảm xúc đồng điệu nào đó, thầy Viêm đã chấm bức tranh của tôi là xuất sắc nhất trong những bức vẽ của lớp. Thầy còn lấy tựa đề của bức tranh ấy làm tựa đề chung cho tờ đặc san của lớp nữa.

Thầy Viêm là một viên sĩ quan, cấp bậc



trung úy, của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chưa bao giờ thầy vận quân phục vào lớp. Nhưng bạn học cùng lớp cho tôi biết thầy là quân nhân. Tánh tình thầy hiền hòa, cởi mở, nụ cười chực sẵn trên môi. Thầy đẹp trai, giảng dạy có phương pháp, tận tâm, nên trong lớp, trong trường ai cũng quý mến.

Tôi không rõ tình hình chiến tranh trong nước đang ở mức độ nào. Nhưng sau vụ Việt cộng pháo kích ở Cai Lậy, tinh thần các giáo sư cũng như học sinh nơi đây bị chấn động không ít. Có thể một số người cảm hứng cộng sản nhiều hơn. Nhưng số khác, trong đó có tôi, chỉ biết ước mơ một vận hội mới cho đất nước quê hương. Chúng tôi không cần bất cứ một chủ nghĩa nào; không cần bất cứ một ý thức hệ nào; không cần bất cứ một đảng phái nào. Chúng tôi chỉ cần những người cha, những người mẹ, những thế hệ đàn anh đàn chị đi trước, hãy ngồi lại với nhau trong tình thương yêu ruột thịt của gia đình. Vụ học sinh tiểu học chết oan ở Cai Lậy chỉ là một trường hợp trong muôn ngàn trường hợp ngu xuẩn khác của chiến tranh. Việt cộng không phải chỉ mới pháo kích và giết oan một trường tiểu học mà còn rất nhiều vụ tàn bạo khác nữa. Cũng vậy, khi oanh tạc cơ của Mỹ và của Không quân Quốc gia dội bom ở Bắc Việt, có thể cũng có nhiều trường tiểu học, và mẫu giáo nữa, đã trở thành tro bụi. Người lớn quý vị chỉ "hy sinh" thời giờ để hội họp, bàn thảo kế hoạch chém giết nhau. Chỉ có bấy con nít ở hai miền Nam Bắc chúng tôi mới thực sự là hy sinh cả xương máu của mình. Nhưng tất cả máu xương mà chúng tôi đóng góp đó, cũng chỉ là hậu quả của chiến tranh mà thôi. Hậu quả không sai lầm, chỉ có nguyên nhân mới sai lầm. Vậy thì có ích gì cho việc hô hào chiến đấu đả đảo! Ích gì việc cổ vũ cho hận thù và chém giết! Nơi đây quý vị tổ chức mít-tinh cho con nít chúng tôi đả đảo cộng sản thì ngoài kia, cộng sản cũng hô hào con nít đả đảo Mỹ-Thiệu. Giải quyết được cái gì? Có ai đúng đâu! Có ai thắng đâu! Chỉ có sự mê mờ và thảm bại cho cả dân tộc! Không chịu vút đi những mê chấp của ý thức hệ thì cuộc chiến hãy còn tiếp diễn mãi. Chưa xót, mĩa mai nhất là các bậc cha mẹ anh chị đã lỡ bước mê lầm



ấy mà lại còn khích động, dạy dỗ con em mình lao vào con đường tang tóc đổ vỡ kia; cũng lao vào với "chính nghĩa sáng ngời" mà chỉ có bom đạn mới bảo vệ nổi. Trong chính nghĩa đó, quý vị đem cái tâm đen tối để chém giết nhau; và quý vị xô đẩy con em, xô đẩy hàng triệu học sinh thơ dại chúng tôi vào vực thẳm. Quý vị không thương tiếc gì máu xương vô tội của bầy con nít chúng tôi cả. Quý vị chỉ lợi dụng cái chết của chúng tôi để hô hào chiến tranh. Đừng nói rằng quý vị chém giết nhau chỉ vì quyền sống của bầy con nít chúng tôi. Quý vị không thương, không hiểu gì con nít chúng tôi cả. Con nít chúng tôi đâu cần hận thù, đâu cần tranh đấu, đâu cần huy chương hay bằng tưởng thưởng gì! Trước sự mê muội câu xé nhau của quý vị, chúng tôi chỉ biết khóc và bật ra ước mơ nhỏ nhoi của mình mà thôi. Đó là ước mơ hòa bình. Trong tâm cảnh của một học sinh, một đứa con nít chưa học hiểu gì về các chủ nghĩa và ý thức hệ, tôi vẽ nên bức tranh đó.

Khi thầy Viêm chọn bức tranh và cái tựa "Mơ hòa bình" của tôi làm tranh bia và chủ đề cho đặc san của lớp, tôi biết thầy ấy đã thay mặt cho nhiều thế hệ cầm súng khác, nói lên ước vọng hòa bình của mình. Những thế hệ cầm súng ấy, trước đây cũng chỉ là những đứa con nít như chúng tôi bây giờ, vừa kịp lớn lên đã lao vào cuộc chiến, không cưỡng lại được. Tuổi trẻ chúng tôi đã thức tỉnh, đã thấy được cái phi lý vô cùng của chiến tranh. Nhưng chúng tôi không làm gì được với hiện tình què hương. Bốn phận của chúng tôi là phải bước chứ không cần phải thấy. Trong khi đó, chỉ có quý vị người lớn có thẩm quyền của cả hai phía mới có được giải pháp hòa bình cho quê hương này. Nhưng tiếc thay, quý vị đã mù lòa, không còn thấy gì khác ngoài lợi danh và thù hận.

Trong vòng nửa tháng, tập đặc san hoàn tất. Thầy Viêm hài lòng lắm. Thầy đem đặc san nộp cho ban giám khảo của cuộc thi báo chí toàn trường. Sau kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt và gần đến dịp nghỉ Tết, chúng tôi mới biết được kết quả của cuộc thi báo. Thầy Viêm vào lớp với nụ cười rất tươi, cho biết tờ đặc san của lớp chiếm được hạng nhất. Thầy còn cho biết không phải chỉ nhờ hình thức trang nhã và ý nghĩa của bức tranh, của chủ đề "Mơ hòa bình" mà còn nhờ vào nội dung khá đặc sắc của đặc

san. Trong đó, đặc biệt nhất là truyện ngắn đầu của tôi, tựa đề là "Cởi trói."

Truyện kể rằng, có một tên cướp bị quan quân truy nã, trốn vào một ngôi chùa. Nơi đây có một vị hòa thượng đang tọa thiền. Trốn lánh được một lúc lâu, tên cướp thấy đói bụng mà vị hòa thượng vẫn còn ngồi thiền như không hay biết sự có mặt của hắn trong chùa. Không chờ đợi được nữa, tên cướp đến lay hòa thượng, kẻ gươm vào cổ người, bảo người đi kiếm thức ăn cho hắn. Nhưng vị hòa thượng vẫn bình thản, không chút sợ hãi, từ tốn nói: "Nguy hiểm tới chân rồi mà còn hung hăng uy hiếp kẻ khác để đòi miếng ăn sao?" Vừa dứt lời thì có tiếng quan quân ủa tới ngoài sân, bao vây chùa. Tên cướp ngỡ rằng vị hòa thượng đã cho người đi báo với quan quân sao đó họ mới kéo đến đây, bèn đem trói vị hòa thượng, treo lên xà nhà để đánh đập, hành hạ cho bỏ ghét đồng thời để giữ làm con tin. Trong khi đó, quan quân bên ngoài vì tôn trọng nơi thờ tự tôn nghiêm đã không dám mang vũ khí xông vào chùa, nên chỉ đứng ở ngoài kêu gọi vị hòa thượng đuổi tên cướp ra khỏi chùa thì họ mới bắt được. Dĩ nhiên vị hòa thượng không thể làm được chuyện đó vì đang bị khống chế. Quan quân thấy tên cướp không ra mà vị hòa thượng im lặng không trả lời nên cho rằng vị hòa thượng cố tình chứa chấp, bao che hoặc đồng lõa với tên cướp. Trong khi đó, bên trong, tên cướp tự động kiếm thức ăn rồi cứ ngồi kẻ gươm giữ hòa thượng làm con tin. Nhưng trước thái độ bình thản và tấm lòng từ bi, bao dung của hòa thượng, tâm sân hận của tên cướp dần dần dịu xuống. Hắn bắt đầu gởi chuyện với vị hòa thượng. Sau một lúc đàm đạo, hắn được vị hòa thượng cảm hóa, bèn sám hối, mở trói cho vị hòa thượng và xin làm đệ tử. Vị hòa thượng vẫn hiền lành nói: "Ta đã cởi trói cho người trước rồi đó."

Câu chuyện ấy, tuy kỹ thuật non yếu, vẫn kể vụng về với đôi chỗ không thực tế, thiếu hợp lý, nhưng nội dung câu chuyện cũng nói lên được phần nào thái độ của người phật-tử (kể cả xuất gia lẫn tại gia) hay của những thường dân Việt Nam đối với chiến tranh. Cái "ước mơ hòa bình" cũng được gởi gắm nơi ấy. Và phải chăng ban giám khảo của cuộc thi báo chí cũng đã mệt mỏi với chiến tranh, với thù hận, đã quyết định chấm điểm cao nhất cho tập san của chúng tôi? Có lẽ là vậy. Chiến tranh là trò chơi phí phạm máu xương nhiều nhất mà chỉ có những kẻ xuẩn ngốc mới hăng hái bày ra. Không có chiến tranh, cuộc sống cũng đã đầy đủ ý nghĩa rồi, cần gì phải tìm thêm ý nghĩa nào trong trò chơi rồ dại ấy! Tôi chỉ muốn nói lên một điều đơn sơ như vậy thôi. Lũ con nít chúng tôi không cần trò chơi mà quý vị người lớn bày ra.

(mời xem tiếp chương 14, kỳ 2)

Vinh Hào